

Tác Giả và Tác Phẩm

Thế Phong (II)

Tiểu sử

Sinh ngày 10-7-1932 tại Yên Bái.
Hiện sinh sống tại Sài Gòn.

Tác phẩm

Tình sơn nữ (1954).



Mục Lục

Vài hàng về tác giả – 2
Một lần của ngày 10 tháng 10 ở Hà Nội – 2
Thế Phong – Bùi Giáng - 7
Tôi & Sài Gòn & năm thứ 56...- 7

Phụ đính :

**Trần Dạ Từ - Viên Linh - Đinh Hùng – Vũ Hoàng Chương
Tam Lang-Vũ Đình Chí, cái uất (lên) của văn chương...trần trường**

(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

Vài hàng về tác giả



Tên thật Đỗ Mạnh Tường.

Sinh ngày 10-7-1932 tại Yên Bái trong giầy tờ tùy thân 1936.

Khởi sự viết văn cuối 1952.

Truyện ngắn đầu tiên Đòi học sinh ký Tường Huyền đăng trên nhật báo Tia sáng ở Hà Nội (17-11-1952), Ngô Văn, Chủ nhiệm).

Truyện dài đầu tiên in ở Sài Gòn: Tình Sơn Nữ (1954).

Tổng số trên 50 tác phẩm đủ thể loại: thơ, truyện, phê bình, khảo luận, dịch thuật.

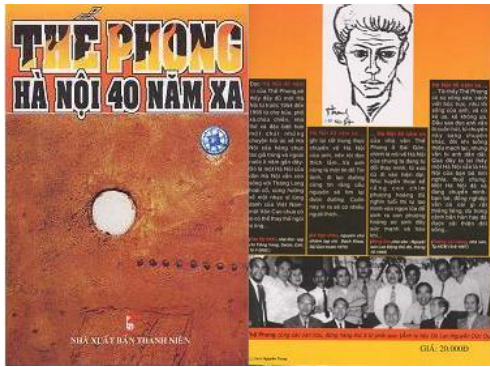
Từ 1952, ở Hà Nội cộng tác với các nhật báo Tia sáng, Giang Sơn, tạp chí Quê hương, phóng viên các báo Thân Dân (Nguyễn Thế Truyền), Dân chủ (Vũ Ngọc Các) (Hà Nội: 1952-1954). Chủ nhiệm tuần báo Mạch Sống, Dương Hà chủ bút - báo chỉ xuất bản được một số rồi tự đình bản vào 1955 ở Sài Gòn.

Cộng tác viên, tạp chí ở Sài Gòn: Đòi Mới, Nguồn Sống Mới, Văn Nghệ Tập San, Văn Hoá Á Châu, Tân Dân, Tạp chí Sống (Ngô Trọng Hiếu), Sinh Lực, Đòi, Nhật Báo Sống, Tuần báo Đòi (Chu Tử), Trình Bày, Tiền Tuyến, Sóng Thần (Uyên Thao), Lý Tường, v.v... -

Đăng truyện ngắn Les Immondices dans la banlieue trên báo Le Monde Diplomatique (Paris 12-1970)

Đăng thơ trên tạp chí Tenggara, Kuala Lumpur - Malaysia) từ 1968-1972- sau in lại thành tập: Asian Morning, Western Music (Sài Gòn 1971, tựa Gs Lloyd Fernando).

Một lần của ngày 10 tháng 10 ở Hà Nội



(.....)

Nhờ lời vợ dặn, rảnh đến Hàng Bột, tìm nhà cháu Thơ ở 33 ngõ Thông Phong - đến phố Nguyễn Thái Học trước, qua trường trung học Phan Đình Phùng (nay *Phan Chu Trinh*), cứ đi thẳng tới ngã ba, rẽ trái qua hàng Bột là tới nơi. Con đường tôi đang đứng đây, mắt đảo đảo tìm biển tên phố lại chỉ thấy phố Tôn Đức Thắng.

Ghé trạm, hỏi thăm một cảnh sát viên, thì đứng đây là Hàng Bột. Từ trên đi xuống, bên tay phải số chẵn, bên trái lẻ; vậy ngõ Thông Phong nằm ở phía tay trái. Gặp đúng ngõ, đúng số nhà - ngoài lề có hàng bán nước chè - hỏi thăm chủ quán - biết chủ nhà đã chuyển tới địa chỉ mới 17b Lý Nam Đế. Căn nhà này xưa kia của bá Châu (*em ruột bố tôi*). Bà lấy chồng *tri châu* (*huyện quan miền thượng du, tương đương tri huyện*), sinh hạ được hai cô con gái. Cô em gả cho Nguyễn Hiệp, ba cháu Thơ bây giờ, chủ căn nhà 33 ngõ Thông Phong. Nhà sửa sang lại để bán (*lời chủ quán bán nước đầu hè*) và sang ở bên chồng, một sĩ quan Quân đội nhân dân ở phố Lý Nam Đế.

Tôi đi tắt ngõ bằng qua đường Trần Quý Cáp, vẫn còn bắt gặp hàng chữ cổ lỗ sĩ *Ga Saigon* nằm trong dãy nhà *Chemins de Fer* xây cất từ thời tây sừng sững như con thù lớn nghênh ngang đứng đó. Đứng ra, khu này không thay đổi, quần thể kiến trúc thời thực dân vẫn còn dấu tích đậm nét, phải được coi như di tích hiếm hoi cần bảo tồn.

Len lối tới Cửa Nam lúc nào không hay- vậy nhà văn sĩ Nguyễn Minh Lang- xưa kia 42 Hàng Lọng –nay phố Lê Duẩn- là tìm gặp ngay được bạn cũ. Buổi nay, thì chưa thể tìm gặp, nhưng cũng biết tin nó đã đi xe lăn, tối ngày chỉ quanh quẩn xó nhà.

Rẽ phải qua phố Phan Bội Châu, tìm số nhà 36, xưa , nơi ở của thi sĩ Nhất Tuấn-Phạm Hậu.

Biệt thự xây theo lối tây còn nguyên vẹn; nhưng được ngăn ra nhiều phòng cho nhiều chủ ở - ai cũng là *chủ tập thể* . Một chủ tập thể hiện ở đây- *lão- thi- nam* Khương Hữu Dụng trên 80 vẫn cứng cựa *sống một mình*- như gà trống tây hãnh diện xòe một bên cánh bảo vệ lũ con của *mái Bội Tinh*. Câu văn so sánh trên có được , nhờ lần cùng Lữ Quốc Văn đến thăm *lão-thi-nữ* Bội Tinh ở nhà con gái tại thành phố Bắc - chúng tôi gặp *lão-thi-nam* ăn trưa ở đây , và ngời rung đùi ngâm thơ Bội Tinh cho mọi người thưởng thức.

Hàng ngày đi qua phố Yết Kiêu họp hội nghị, thêm một ngày đi bộ tìm nhà quen cũ , ôn kỷ niệm Hà Nội trước 1954. Nhà báo Hồ Nam ở 8 Yết Kiêu, nơi tôi từng lại thăm, nhất định đòi bằng được uống cốc nước chè đường cho đã khát. Hồ Nam chiều bạn, bưng cả hũ đường cùng cốc, bình trà cho bạn tự do pha chế`- và không đoán được rằng từ sáng bạn nó chưa có một chút gì bỏ bụng ?

Vẫn phố Yết Kiêu, số 108, nơi từng đã sống , qua đời của một chàng nhạc sĩ tài hoa, cũng ở phố Yết Kiêu này - tôi nhìn lên căn gác như gửi lời chào vĩnh biệt Văn Cao muộn màng!

Nhắc lại, lần đầu tôi và nhạc sĩ Phạm Đình Chương gặp Văn Cao vào tối mừng một tết, tháng 2 năm 1980 ở nhà Nguyễn bá Châu, 92 Lê Lai, quận 1, tp. HCM.

Nguyễn Bá Châu, chủ xuất bản, nhà in trước 1954 ở Hà Nội – nhà in lúc đó đặt tại 59 Miribel (nay trần Nhân Tông). Châu là con trai đốc tờ Lương, thân phụ đặt tên Châu cho anh, còn là kỷ niệm khi ông làm việc ở Lai Châu- vì anh được sinh ra ở đất Thái. Nguyễn Bá Châu sống trên đất Thái, quen ăn *cơm nếp xôi*, gần như không ăn *cơm tẻ*. Sau 1975, gạo nếp rất hiếm, nếu có cũng rất đắt, nên anh thường uống *bia chai Larue* thay cơm. Khi ăn cơm, vợ nấu xôi nếp, mà khi ấy mỗi gia đình được phát số gạo chỉ bán gạo tẻ.

Nhà xuất bản Á Châu lúc ở Hà Nội chưa in một tác phẩm nào của tôi, ngay khi vào Saigon cũng vậy. Cùng lứa tuổi sần sần, lại quen biết từ lâu, thường xưng hô tao, mày- như đối với văn sĩ Thanh Nam, Nguyễn Minh Lang, Nguyễn thiệu Giang, Huy Quang- những tác giả đã giao du với nhà xuất bản của Nguyễn Bá Châu. Nxb Á Châu in tác phẩm của chúng nó – có đũa 1, 2, 5 hoặc 3 tùy thẳng; riêng văn sĩ hàng đầu Nguyễn Minh Lang được in nhiều nhất; tiểu thuyết mang tựa “ *Gái Hà Nội*”, “ *Trăng đồng quê*”, “ *Cánh hoa trước gió* ” (2 tập) vv. Tiểu thuyết Nguyễn Minh Lang bán rất chạy, nhất là “ *Gái Hà Nội*” – chuyện tình tiểu thuyết hóa giữa ca sĩ số một T.V với văn sĩ tác giả- đến cả bìa sách, Minh Lang buộc Nhà vẽ Zuy Nhất ở bờ Hồ trình bày bìa 1 – phác họa chân dung phải giống hệt ca sĩ T.V, tai cô đeo hai chiếc vòng ‘ *tổ bố*’ tòng teng “!

Sau khi chúc tết xong, Bá Châu rủ tôi ra quán *Lê Lai* (khách sạn *New World* bây giờ) vừa gần nhà Châu để làm mấy chai bia Larue cho đời lên hương. Châu uống như uống nước lọc, hút thuốc lá liên mien – có thể làm bạn chí thiết văn sĩ Olivier Rolin - có tranh gì, thì : “ *mày 10 tao cũng 9,9*” . Olivier Rolin, nhà văn Pháp tới Hà Nội dự hội thảo văn chương *Les Temps des Livres* do Đại sứ quán Pháp tổ chức vào 1995. Nay Nguyễn Bá Châu đã xa rồi, không còn trên cõi ta bà, xa hẳn chốn đô hội, nhiều niềm vui lại không ít điều buồn ! Châu buông xuôi hai tay, hãy tự kỷ ám thị đi:” ...*mày chẳng còn điều gì nợ nần cuộc đời, phải vậy không ?*”

Hai thằng vào quán Lê Lai- thời kỳ này quán chỉ được phép mở băng nhạc hòa tấu. Ca khúc không lời được nghe đầu tiên, nhận ra ngay, rất lãng mạn với điệu nhạc cao bồi-giang hồ “ *Tôi đi giữa hoang hôn*” / *Văn Phụng* – sau đó bắt qua ca khúc phổ thơ Đình Hùng của Phạm Đình Chương .

Châu nói ngay:

...- “ *chưa gặp em anh đã nghĩ rằng..*” thằng này chết đi rất thiêng đây ! Nó hẹn sẽ tới gặp chúng mình thì đã có hành khúc *đón chào* rồi. !

(*Châu ơi ! mày đâu có biết chuyện chàng thi sĩ Đình Hùng lững thững vào giữa trưa nắng một buổi trưa thứ 7, để đón nàng Hoài Diệu tan trường, từ Trường Xã Hội Caritas 38 Tú Xương lững thững bước ra cổng, ù chạy, đưa vòng tay khóa chặt cánh trái Đình Hùng ?-* tôi rất muốn kể cho Châu nghe, rồi lại thôi không kể nữa).

Từ rất lâu tôi không gặp Phạm Đình Chương- rất mong gặp lại. Thời kỳ còn làm Tùy viên báo chí Bộ Thông tin (1955), tôi được cất cử vào Hội đồng xét duyệt phim trước khi cho phép chiếu ngoài rạp. lần ấy, sau khi chia tay trước rạp Olympic, Chương khuyên tôi:” *mày nên học hát làm ca sĩ Thế Phong ạ!*”. Câu chuyện không đầu, không đuôi ấy- tôi vẫn còn nhớ như nó mới nói cho nghe hôm qua thôi- tôi chẳng hỏi cho biết từ ý nào mà nó khuyên tôi vậy ? Uống tới chai bia thứ 3, Châu nhìn ra thấy bóng Chương đi vào, Châu cười, đưa tay vẫy. Gặp tôi, Chương xiết tay rất chặt, lắc rất lâu, như cho bố từ lâu đã không gặp. Câu nói đầu tiên:

- Mày còn làm thơ không ? Cứ cho thơ mày có nhiều tâm ý đi nữa, thì tao có muốn phổ cũng” *đếch*” phổ đượ

-Tại sao? tôi hỏi.

-“ Sao” với” *trăng* “ gì, đọc báo” *Văn nghệ Tiên phong*” chúng chửi thơ mày và Thanh Tâm Tuyền là” *thơ hũ nút*”, thơ TT thì tao còn phổ đượ” *phổ hay* “ là khác- còn” *thơ hũ nút*” của mày, có tài mấy cũng chịu thua !

Nó vẫn hút thuốc lá *Bastos de luxe*, hít dài một hơi cho đã, rồi kể chuyện thường nhật, đi dạy nhạc kiếm cơm qua ngày, đoạn tháng.

Ba thằng đầu láo, tất nhiên tránh chuyện” *chính chi, chính em*” , còn tha hồ bàn về’ *nhạc, nhieć*”, chẳng động chạm ai, vì sợ bị hại đến thân cò !

Xong, Châu lại rủ hai thằng về nhà” ăn tết”- nó còn để dành được” một chai duy nhất Moet Chandon cổ trắng “- ...‘ta vừa uống sâm-banh thời sau 75 vừa thưởng thức” nhạc sống” cho “ dzui” !”

Chương phản ứng”

-“ Nghe” hòa tấu” còn” rét”, hưởng hò” nhạc sống” , nghe xong để té bằng” nhạc chết’ à ?

Nguyễn Bá Châu có lối chuyện úp úp, mờ mờ- như tay đao diễn cử khôi – nhất định không nói hết một lần, cứ từng câu dò phản ứng, sau mới tiếp. Chương sốt ruột:

-Mày thuộc loại” người khôn thì nói nửa chừng...” nói mẹ nó ra, có ai đâu, úp úp, mờ mờ làm” đếch” gì! Vậy là Châu đành tiết lộ” tối nay tại phòng khách lầu 3 nhà tao, mới một nữ danh ca Thái Thanh, một “ pianiste” tài danh Nghiêm Phú Phi, “ một nhạc sĩ quốc ca” tham dự với bọn mình được không, hờ hai đứa chúng mày ?”

Khi còn mờ nhà xuất bản ở Hà Nội trước 1954, Nxb Á Châu in rất nhiều ca khúc Văn Cao, Nguyễn Xuân Khoát, Đỗ Nhuận, Nguyễn Thiện Tư, Nguyễn Văn Tý, Tu My, Văn Chung, Châu Kỳ, Tô Vũ, Dương Thiệu Tước, Phạm Duy, Nguyễn Văn Thương, Ưng Lang, Nguyễn Văn Khánh, Đoàn Chuẩn-Từ Linh , Hoàng Trọng, Hoàng Thi Thơ vv... Còn tiểu thuyết bán chạy nổi tiếng hàng đầu vẫn là tác phẩm nhà văn tiền chiến Lê Văn Trương, Nhất Linh, Khái Hưng.. sau là Hoàng Công Khanh.., và tập thơ chuyện kể tình sử bình dân *Đôi thông hai mộ*, riêng cuốn này tái bản không biết bao nhiêu lần- hình như nhà phê bình văn học Thượng Sỹ bị đánh, chạy quính quáng rơi tọt xuống ven hồ Gươm, chỉ vì một bài điểm sách chê bai” “*hết cỡ thơ mộ*” !

Buổi tiệc trên lầu ba, có một vị khách không mời vẫn đến.- tuổi chừng 20 mười ngoài, mặc dân sự, vẫn ẩn chìm toát vẻ đầy quyền lực, hồng hách, qua dáng điệu, cử chỉ, lời nói.

Phạm Đình Chương thấy vậy, nháy mắt, khều Bá Châu ra ngoài tỉ tê đủ nghe:

“... nhất thiết là.. mày không được giới thiệu chúng tao với bút danh, bút diéc gì hết. Cứ giới thiệu tao là Trung, họ hàng nhà mày... còn thằng này(*chỉ về phía tôi*) tên thật là gì? – Chương nhấn mạnh, phải dặn cả Nghiêm Phú Phi nữa, riêng em gái tao thì không cần, nó biết rồi !.

Văn Cao uống rượu tây như hũ chìm, ăn rất ít., kể cả đồ nhắm thì lâu lâu mới cầm đũa gắp đưa lên miệng, mặc dầu thức ăn bẻ bẻ gắp vào bát khá đầy. Ai thích bài nhạc nào của Văn Cao , cứ yêu cầu – bữa nay chỉ hát ca khúc của tác giả làm nhạc quốc ca thôi. Hết *Buồn tàn thu*, đến *Suối mơ*, *Bến xuân*, *Thiên thai*, *Đàn chim Việt*, *Trường ca sông Lô*, *Không quân Việt Nam*, *Trương Chi*.. – xấu người tốt tính, tài cao, hát giỏi- mà” *cứ hát hay như Trương Chi là có vợ đẹp thôi*”!. Thật lạ, giờ phút này có ai dám tổ chức hát *nhạc sống* đâu – cả thành phố này chỉ hát *nhạc cách mạng có lời*- còn *nhạc vàng* cấm lời, lại được phép nghe hòa tấu.

Chàng thanh niên đầy quyền lực nhấp nha, nhấp nhồm, đứng lên lại ngồi xuống, hết đi ra lại đi vào, lên tiếng hỏi trống không” *cho gặp chủ nhà ngay*”!

Thấy vậy, Văn Cao cầm ly rượu khề khà sang mời chàng thanh niên quyền lực cụng ly.

Rồi Văn Cao còn choàng vai cậu ta tâm sự ,như đôi ba dòng tiểu sử tự bạch trích ngang :

“... Anh đây từng là cán bộ công an trước 1945- như chú em bây giờ; nhưng nghề ám sát thật nguy hiểm, vất vả khôn lường. Không bao giờ anh quên lần ám sát tên ác ôn, hại dân, hại nước- thằng này mang tên Đỗ Phin. Khi một đồng sự tổ chức chuốc rượu cho nó say, anh bước vào , lên nòng đạn Colt 45- hỏi có phải nó không, một giao liên gạt đầu, ấy thế là anh nhắm mắt nẩy cò; sau khi nghe tiếng nòi thoát ngay ra ngoài, rồi trốn biệt tích. Vốn có máu nghệ sĩ lại ưa giang hồ, thích sáng tác, à này, anh hỏi thực- em nghe những ca khúc vừa hát có thích không ? cái bài” *Suối mơ*” ấy mà, lẳng mạn nhưng lẳng mạn cách mạng đấy em ạ ! Này nhé:” *suối ơi bên rừng thu vắng, dòng nước trôi lững lờ ngoài nắng*”- cái chất cách mạng này hoàn toàn là rung cảm thực của nghệ sĩ có tâm hồn, yêu non sông, đất nước; nhưng cũng biết yêu mình nữa. Em có hiểu anh nói gì không ? Cụng ly nào, uống cạn nhé ! Nhưng phải nói thực, anh là kẻ thất bại về tình yêu, thất bại, vì anh không giỏi tán chuyện với đàn bà- nhưng anh vẫn là” *nhạc sĩ làm quốc ca*” – em thấy có đủ bảo đảm chính trị cho buổi tấu nhạc đêm nay, và không còn’ có vấn đề” – có đúng vậy không ?

Người trẻ tuổi cầm ly rượu, giữ tư thế im lặng, không lên tiếng, cũng chẳng trả lời, không cần xác nhận đúng hay không, có vấn đề hay không có vấn đề. Anh ta trở về chỗ ngồi và chỉ tin bài quốc ca được hát lên mới đánh tan sự hoang mang, thực sự tin tưởng “ ông này là nhạc sĩ làm quốc ca” thật sự. Nhạc sĩ lại tiếp tục dốc bầu tâm sự- chính vì không giỏi tán chuyện với đàn bà, con gái, nhạc sĩ đành dốc tâm sáng tác ca khúc thật mộng mơ, lãng mạn, say đắm chết lòng người, bù lại cho sự thiếu thốn kia trong lời ca, nốt nhạc. Văn Cao tâm sự tiếp:

“... Em có thể không nghe ca khúc” Thiên thai”, “ Suối mơ”; hoặc không chừng chỉ thích tiếng nhạc ồn ào, gầm thét” Trường ca sông Lô”, như nước đổ âm vang quyện hòa tiếng súng; hoặc” Tiến quân ca”, bài quốc ca mà chính anh là tác giả . Em có tin vậy không? Nếu em tin anh đúng là nhạc sĩ sáng tác quốc ca của nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa- vậy thì em đã cảm thấy được điều này chưa ?

Cảm được điều này là thực chưa? Nhạc của anh rất nhiều, riêng ca khúc “ Tiến quân ca” trở thành quốc ca, thì em biết đấy – từ anh dân đen đến ông có chức có quyền, một khi nghe nhạc tấu lên, tất gần tất đều phải đứng dậy, và tất nhiên kể cả thích hay không thích nhạc anh đi nữa. Có đúng như vậy không nào? ..

Nói dứt, Văn Cao giơ tay bắt nhịp, tự hát: “ Đoàn quân Việt Nam đi... “ câu hát chưa dứt, thì người trẻ tuổi hạ bộ mặt đăm chiêu, vội vã xin lỗi già từ, đi công tác đột xuất- lên thật nhanh khỏi cửa.

Vĩnh biệt chàng nhạc sĩ tài hoa thượng thừa! nếu có ai bắt khai lý lịch trích ngang một lần nữa, chẳng hạn một nhà báo giỏi nghề, muốn biết đích xác nơi phong thổ, chốn nào tác giả chào đời- có phỏng vấn- thì nhạc sĩ chỉ lắc đầu thì phải ?!

Chẳng hạn, tác giả được sinh ra ở thành Nam, Hưng Yên, Hà Nam, Ninh Bình ? không đích xác địa danh, vì không còn nhớ rõ, bởi từ thuở nhỏ, người mẹ bỗng bế các em, giắt díu anh đi tha phương, cầu thực- khi đến vùng đất Nước Mặn Đồng Chua (Hải Phòng) , đất lành chim đậu; thì Người Núi Ngự, Thành Tô lớn lên và trưởng thành, lấy vợ, sinh con ; sáng tác, thặng hoa- cả họa, thơ, nhạc, kịch- bộ môn nào cũng được coi như” trang bất tử của lịch sử văn học việt trong thế kỷ XX”.

Văn Cao qua đời vào một ngày thật dễ nhớ- có lẽ với riêng tôi không chừng- ngày 10 tháng 7 năm 1995. Vì cách đó 63 năm , với riêng tôi, ngày dễ nhớ- chính ngày này tôi được sinh ra đời vào một đêm mưa to, gió lớn, lụt lội ở Nhà thương Yên Thái, tỉnh Yên Bái (đúng chính tả thời ấy).

Cũng không quên lần gặp ông lần cuối cùng ở Quán Nhạc sĩ trong khuôn viên Nhà Văn hóa Thanh niên ở Thành phố Bắc. Văn Cao ngồi cạnh bên chiếc bàn nhỏ kê trên bục gỗ, bữa ấy giới thiệu là M.C Hữu Luân. Lời giới thiệu đi trước ca khúc biểu diễn như buộc phải có lời bình- bình kiểu Mao Tôn Cương, giải thích” tại sao”, “ bởi vì”- buộc khán giả phải nhập tâm trước khi nghe nhạc. Một lời giới thiệu rất ” phở” (faux) đối với “Trường ca sông Lô”, khiến Văn Cao nhăm mặt- ông ta thẳng cánh xua tay, phê thẳng thừng cách giới thiệu áp đặt chính trị tính (thô thiển) cho ca khúc. Lần đầu tiên, tôi nhận giọng hát mượt mà tuyệt vời chim sơn ca số một hát nhạc lãng mạn cách mạng Văn Cao hay số một- đó là ca sĩ tài danh Ánh Tuyết. (các vị tuổi trung niên thời trước 1975 chớ là với vũ sư Ánh Tuyết- thân mẫu ca sĩ hát hay, nhẩy giỏi Nguyễn Hưng ở hải ngoại).

Chiều nay Lý Lan vẫn mặc váy đầm- không là Hà Nội mặc- xi –váy – vậy ra nữ văn sĩ trẻ chưa hòa nhập được với một thời thượng bây giờ. Câu hỏi:” sao không đặt cái hỏi hắc búa với diễn giả Didier Éribon ? “- Lý Lan hỏi tôi vậy? – Trả lời:-“ Dễ thôi, đã chuẩn bị mấy câu về thi ca để hỏi nhà văn Tahar Ben Jelloun- thì lúc đang đàn, ông ta chỉ đặt câu hỏi văn chương đối với nhà văn Á Rập mà thôi. Đành “ stop” lại việc hỏi” chuyện thơ” - Jelloun kết thúc buổi nói chuyện văn chương kia, quả không mấy

” interesting” ; song cũng giúp tôi có giấc ngủ vật vờ, và chỉ tỉnh dậy khi Lý Lan đánh thức. Và lúc đó thực ra tôi cảm thấy ngượng ngùng, xấu hổ. !”

Lý Lan lại hỏi:

- Sao tối qua không tham dự bữa ăn tối ở *Hoa Ban*, vui hết biết ! (*chủ quán : nhà văn Nguyễn huy Thiệp*) Cô ta cho biết vì không có tôi, nên bị bắt nạt- cô muốn biết người ta nói gì thì chẳng ai thông dịch giùm ?

Ở quán *Hoa Ban* về đã 11 giờ đêm- *chàng thi sĩ tương ngữ đoán cao thuốc mốt* lại rủ ra bờ hồ Gươm cho bằng được, lại phải ngồi trên băng ghế đá lạnh thấy cha ! “ ...*tâm sự cái cóc khô gì không biết?, chán ơi là chán!*”- cô nhất định một mình lội bộ về gác trọ ở phố Cửa Đông.

Còn chàng thi sĩ tương ngữ đoán kia (*xin chờ lắm nhà văn viết về tuổi thơ Nguyễn nhật Ánh*) cảm thấy đơn độc, chán đời hay chán mình- nhất định không về nhà trọ- vịn có quá khuya khoắt, thôi thì thuê ghế bố ngủ lạnh bên bờ hồ, trả giá bèo 15 nghìn.

Lý Lan lại còn trách cứ, rủ vào Công viên Gandhi ngồi chơi tâm sự thì không chịu, lấy có trời tối sợ ma. Thật làm mất giá phụ nữ quá chừng chừng !

- Tôi biên bạch, bản thân nhút nhát, sau này có dịp kể lại- sẽ *’bật mí’* cho con ,cháu nghe chơi –chuyện” kể của ông nội có ” *phia tí ti* ” thêm mắm, thêm muối:, đại khái như thế này:

- “... *xưa kia nội dờ lắm con ơi, cô ấy buộc nội”* thắng” xe, nhảy từ yên sau xe đạp xuống- lon ton chạy vào ngồi bên đá công viên, theo hướng tay chỉ” dzô đây cha nội “ . Nội không biết làm sao, trời thì xẩm tối, vào đó tâm sự - *lỡ nổi” máu ham hố”* nội giờ tay quàng bầy vai “ *cổ”* , ” *cổ”* thấy êm êm cho” qua luôn”. Được thế, nội” hun” đại một cái, ấy thế là nội đã đi vào cửa tử mà không biết ? “ *Cổ”* thấy” nội nhất định không tiến tới” , *cổ* lại hỏi:” *Why not, tell me!*” – tiếng anh-mỹ giỏi một” cây” dịch sách văn học” hết xảy”!

- *Nội* đành giờ hai tay đầu hàng, chỉ tay vào yên xe phía sau xe đạp, mờ” *cổ”* lên- lòng muốn bầy tỏ, miệng không sao thốt thành lời ? (*tất cả đầu muôn màng, rồi sẽ qua đi thôi cô em ơi ! Em hãy ngồi phía sau xe này, anh sẽ chờ tới nơi em muốn đến. Còn anh, sau đó- bằng mọi cách , đành như chiếc lá định mệnh phải rụng về đúng cội nguồn.*”)

Hà Nội đêm thu 10 tháng 10 ,1995 ... - đêm kỷ niệm tiếp quản Thủ đô được giải phóng lần thứ 41- tôi sẽ nhớ mãi, có muốn cũng không thể quên! (*ấy là chuyện chờ nhà văn nữ ngồi sau xe đạp chạy khắp phố phường*) . Buổi ấy, trời se lạnh, gió thổi lùa, đèn sáng hơn sao, đầu đầy dậy mùi hoa sữa về đêm nồng nặc xộc lên mũi thật khó chịu đến vậy !

Nhà văn nữ nói rất nhỏ, câu được câu chăng,... *rồi ra sẽ không còn cơ hội nào gặp lại nữa?!*”

.... *thật vậy rồi , không thể khác hơn được đâu, cô em” yêu không còn nơi nào để’ giấu”* nữa ?! ?

Thế Phong Bùi Giáng

Thế Phong hùng hậu ngang tàng, bướng bỉnh, khó tính. Bài thơ đi ào ào, lúc chan hoà tâm sự, lúc cộc lốc phiêu nhiên.

Thơ cảm động vô cùng, mà cũng lắm phen khiến người ta cười bật ra tiếng.

Thơ ông Thế Phong là chỗ kết tụ của một tâm hồn tế nhị khôn hàn và một nỗi gàn bướng không tả. Ông làm giàu cho thi ca hiện đại không phải ít.

Tôi & Sài Gòn & năm thư 56...



Tính đến ngày 3 tháng 5 năm 2010- tôi & Saigon & đã được 56 năm . Buổi chiều 3 tháng 5, 1954, từ tàu khách "Ville de Saigon" bước xuống, tôi đặt chân trên bến Bạch Đằng- "Ôi Hòn Ngọc Viễn Đông đẹp kỳ lạ đến vậy !" Tôi cầm trên tay địa chỉ 126 Lê Thánh Tôn- địa chỉ anh Điều- bạn thân Mộc Đình Nhân giới thiệu, tôi có chút lo lắng. Không biết anh Điều có vui về nhận mình, với chỗ ăn, ở, của lần đầu đến Saigon.? Anh Điều, gốc người Hoa- khiến tôi vững dạ hơn. Khi mẹ tôi gửi tôi ra Nghĩa Lộ (tỉnh Yên Bái) , tôi được một người Việt lấy vợ người Hoa, đối xử rất tốt, dạy dỗ đưa em trai bướng bỉnh, ngỗ nghịch, ham đàn bà, con gái, mê đánh "tài sùu", mà túi rỗng- đến đổi ăn cắp tiền để dành đánh bạc -" đưa em gái nuôi"- mẹ tôi gửi theo tôi sẵn sóc" anh nuôi" hoang đàng..

Anh Điều đưa tôi về 56 Nguyễn Đình Chiểu (nay là đường Hòa Hưng, Q.10), sắp xếp chỗ ăn, ở, và đợi gặp Hồ Hán Sơn (đóng vai" đại tá " Quân đội Cao Đài- tướng Nguyễn Thành Phương) It lâu sau, Hồ Hán Sơn đưa tôi lên bản doanh Bến Kéo, Trại Huấn luyện quân đội, lên Tòa Thánh Tây Ninh, giới thiệu với đại tá Phạm Xuân Thái để làm báo "Thời đại", cơ quan Việt Nam Phục Quốc Hội (Cao Đài / N.T.Phương) . Ngày ở Bến Kéo, ăn chay trường lên miên, chúng tôi nhớ " ăn mặn", rồi lội bộ dẫm bẫy cây số mới tìm được tiệm hủ tiếu. Tô hủ tiếu lần ấy sao ngon kỳ lạ đến vậy! Về lại Saigon, gặp nhà văn Thanh Hữu, Hồ Nam .. cũng đầu quân "sắc phục Quân đội Cao Đài" - hình như trung úy Cao Đài Thanh Hữu mặc dân sự, biên tập viên báo Thời đại, sau đó chủ bút tuần báo *Việt Chính* , Trần Hồng Nam chủ nhiệm.) Còn Hồ Nam, không biết anh có được mang lon cấp bậc gì, đến như ông phụ tá Chánh sở Mật thám Trần Kim Tuyền- "chú- Lê Văn Thái cũng chỉ mang lon thiếu úy. "Chú Thái" này là chú "họ" của nữ tiếp viên hàng không Air Vietnam: Duyên Mai-(lúc này ở đường kiến thiết, Saigon 3) sau trở thành đệ nhất phu nhân Chủ tịch Ủy ban Hành pháp T.U' Nguyễn Cao Kỳ. Nhớ có lần , bữa ăn do thi sĩ Nguyễn hải Phương khoản đãi anh em văn nghệ Saigon cũ + mới- (sau 1975) , nhà báo Giang Kim gặp Hồ Nam, bèn chào "đại tá Cao Đài"- khiến anh lúnh quính, mặt tím ngắt. Anh này vốn chuyên "phóng đại" "*con rận to như con nghé*" - chẳng hạn viết về tôi -trong một cuốn sách xuất bản ở hải ngoại- chỉ qua "tiểu sử trích ngang" mấy dòng thôi, phải cần vài chỗ "*phải đính chính*":

"....Trong thời gian sống tại Hà Nội, Thế Phong chỉ là loại nhà báo làng nhàng, nhà văn loại viết tiểu thuyết bình dân không có gì nổi bật lắm nên trước khi hiệp định Genève ra đời đất nước VN bị chia đôi: Thế Phong đã vào Saigon lập nghiệp. tại Saigon nhờ quen biết với nhà cách mạng Nguyễn Thế Truyền, Thế Phong được giới thiệu với đức Hộ Pháp Cao Đài Phạm Công Tắc (sic:- tôi chưa hề diện kiến Đức Hộ pháp lần nào- chỉ nhìn thấy xa xa. ở Tòa Thánh Tây Ninh mà thôi). Khi Cao Đài Tây Ninh được Thủ tướng Ngô Đình Diệm mời tham gia chính phủ Liên Hiệp và chia một số Bộ, nhà báo Phạm Xuân Thái được giữ chức "Bộ trưởng Bộ Thông tin." (sic- đúng là Tổng trưởng) Thế Phong được nhà báo Phạm Xuân Thái cử làm Công cán Ủy viên Bộ Thông tin (sic: đúng là Ủy viên báo chí) một thời gian ngắn..." (trang 309)

Một đoạn khác:

".....Sách nghiên cứu văn học của Thế Phong viết theo phương pháp cổ điển nhưng có ưu điểm là tham khảo nhiều loại tài liệu khác nhau kiểu nói có sách mách có chứng. Cũng trong thời kỳ này Thế Phong cho in cuốn tự sự tiểu thuyết *Nửa Đường Đi Xuống đặng chạm khá nhiều bạn bè nhưng tác phẩm văn chương chữ nghĩa kiểu thóc mách "đời tư" của Thế Phong gây nhiều tai tiếng thị phi nhất lại là cuốn tiểu sử nhà văn Nguyễn Đức Quỳnh mà Thế Phong gọi là phù thủy văn nghệ (sic- đúng ra "phù thủy văn nghệ" - do nhà báo Phan Nghị viết trên nhật báo "Báo Mới ")*

Ngày 30 tháng tư năm 1975 xảy ra Thế Phong chỉ là Thượng sĩ Không quân (sic- đúng là Trung sĩ I) tòng sự tại Phòng Chiến tranh Chính trị Bộ Tư Lệnh không Quân nên chỉ bị cộng sản bắt "cải tạo tại chỗ" mấy ngày rồi được tuyển làm công nhân xe buýt vì có đệ tử là Thế Nguyên là lãnh tụ văn nghệ cộng sản nằm vùng (sic: tôi được' con chủ ' nhà xe có 2 chiếc xe buýt" hăng tư nhân Phước Lộc, chủ : bà Lục thị Bé , thuận cho làm phụ xe khuân vác) từng ra Củ Chi "học tập văn nô" bảo lãnh. " Thế Phong là một trong những nhà văn chế độ cũ ở Saigon cộng tác với văn nô ở ngoài Bắc vô viết sách chung và tác phẩm đầu tiên Thế Phong và Trần Nhật Thu viết chung cuốn sách viết về nhà thơ TTKH (ký là Thế Nhật) đầy tai tiếng là "viết tâm bậy" ; còn người được Thế Phong và Trần Nhật Thu tôn vinh là TTKH bà quả phụ Lê Ngọc Chấn (Vân Nương) đang định cư ở Pháp cũng lên tiếng cải chính om xòm. Kết quả là Thế Phong cũng như Trần Nhật Thu đã ăn quả "lừa" của bà nhà thơ Thư Linh và bị mang tiếng...." (trang 310, "100 khuôn mặt Văn nghệ Sĩ" / Hồ Nam - Vũ Uyên Giang/nxb Đất sống, Cali, USA 2006).

Trần Hồng Nam, bút danh khác Hồ Hán Sơn, tác giả bài thơ " *Tình nghèo* ":

Nhớ thuở nào
Anh cày thuê
Em chăn trâu
Bóng mát dưới cầu
Quen nhau
Một cỗ trâu cau
Nên đôi chồng vợ
Túp lều tre nửa
Dựng cuối vườn làng
hai mùa lúa chín ngô vàng
Chày tre cối đất nhíp nhàng đã vui ?(.....)

Nguyễn Đức Quỳnh thú quá, giới thiệu một nhạc sĩ "vai em" tới cùng thương thức - chẳng bao lâu "ca khúc " *Tình nghèo*" được phổ nhạc, dưới bàn tay phù thủy Phạm Duy phổ, và ca sĩ tài danh thượng thừa Thái Thanh véo von, ca khúc nổi tiếng hết biết! Và cần phải ghi nhớ, bất cứ ca khúc nào được môi lưỡi Thái Thanh lên giọng, thì chẳng sớm thì chày, ca khúc sẽ như điều gặp gió. " Cũng một ca khúc khác nhạc sĩ Y Vân," cũng ' *Tình nghèo*" của Y Vân, được XXX đưa lại 6 Bà Huyện Thanh Quan (nơi trú ngụ gia đình Ban hát Thăng Long)- thì " *Tình nghèo*" Y Vân nổi như sóng cồn, ngay sau khi Đài Phát Thanh Saigon phát !

Hồ Hán Sơn từng chiến đấu ở Liên khu IV, về Thành Hà Nội sớm, soạn giả mấy cuốn binh pháp đã xuất bản ở Hà Nội, như " *Nghệ thuật chỉ đạo chiến tranh*," " *Chiến tranh thứ 3 bùng nổ, Việt Nam sẽ đi về đâu?*"... nhiều tham vọng chính trị , " non thủ đoạn" , bị tướng Phương thủ tiêu ở Bến Kéo cuối năm 1955(bị nghi làm tay trong cho cố vấn T.T Diệm - Ngô Đình Nhu-) Hồ Hán Sơn còn để lại - một cô vợ " đã dạm hỏi- trước khi Hồ Hán Sơn qua đời, tôi còn giữ

được thiệp chúc tết: " Ở Bắc đã lay cây rụng lá/ Về Nam ngơ ngẩn áng mây sâu/ Đất trời đang hện cơ vong quốc / Thơ, kiếm, xuân sang chúc bạn bầu!"

Riêng tôi, ban đầu cho đăng truyện dài từng kỳ trên báo "Thời đại" Những chuyện tình Việt bắc", đăng dở dang, cho tới khi tôi được chuyển sang làm Ủy viên báo Tổng trưởng Thông Tin & Tuyên truyền Phạm Xuân Thái (thời Thủ tướng Diệm). Ở đây, tôi quen giám đốc Nha Tuyên truyền Phan Văn Thức (tay sưa tầm sách báo số một, có kho sách báo ở Tân An /Long An. Tất cả bản thảo viết tay của tôi đều gửi ở kho sách này, sau 1975 Phan Văn Thức đi học tập cải tạo, bắt tin, giống hết kịch tác gia Đinh Xuân Cầu). Dưới trướng Phan Văn Thức khi ấy, có biên tập viên Lê Bình Tăng (tác giả Lê Xuyên "Chú Tư Cầu" sau này) công chức Nguyễn Hoàng Tâm (họa sĩ Vĩ Ý). Anh Thức có duyên với bạn văn chương làm công chức, khi chuyển sang Bộ Canh Nông, tại phòng giám đốc Thức, lại có một công chức dưới quyền (kỹ sư Bùi Tiến Khôi - thi sĩ Huy Lực (1937- rất nổi tiếng).

Trở lại với công chức Lê Bình Tăng, (cũng trong "Việt Nam phục Quốc Hội" đồng hội, đồng thuyền Phan Văn Thức), đi làm đúng giờ, viết bình luận chính trị sắc sảo, ít nói, cười nửa miệng, rất cời mở- áy thế mà năm 1960 lại trở thành ký giả báo, Thư ký tòa soạn một tờ nhật báo do đại úy Ngô Quân làm chủ nhiệm. Từ đó, Lê Xuyên viết *feuilleton* "Chú Tư Cầu" đăng câu khách hàng ngày- mới đây tôi được xem một bản kịch "Chú Tư Cầu". Nội dung vở kịch ngắn, lấy từ "Chú Tư Cầu". Chuyện kể, một nông dân miệt vườn Hậu Giang yêu Phấn- cả hai rủ nhau trốn lên Saigon. Vé tàu được một chú Ba Tàu cùng đi mua cả 3 vé, Phấn đòi trả tiền, chú lác đầu (ẩn tình, chú cũng mê Phấn). Nông dân Cầu chân chất, bản tính do dự, thiếu dứt khoát, làm Phấn mất tin tưởng- sau chú ba" cuỗm" mất người tình đưa lên Sè Goong chung sống, sinh con, đẻ cái. Cầu lấy vợ khác (tên Thơm),- chiến cuộc "xào sáo", Cầu phải đi lính Quốc gia. Thơm qua đời vì cuộc chiến, Cầu lấy vợ lần thứ ba. Cô này mang bầu, Cầu nhất định đặt tên con là Kỳ. Bởi "Cầu Kỳ" đi đôi với nhau. Bây giờ thì Cầu mất, Kỳ ra đời. Tinh thần chống chiến tranh "nội chiến" của Lê Xuyên được các diễn viên "tài ba" lột xác, hay từng chi tiết nhỏ, câu thoại đắt giá, .. khiến nhiều khán giả" nữ phía dưới đưa khăn tay lau mắt.

Rất cảm động với "giọng nghẹn ngào" của MC- Bomb Lady (vũ khí áp nhiệt)- khoa học gia "hồng quân để có máy tay, như Dương Nguyệt Ánh (em gái một hoa tiêu Không quân VNCH, từng bay bồng dọc ngang" .. hào hoa là lính không quân/ anh có cái quần anh cũng bán đi/ ngày mai anh mặc bằng gi/ anh mặc cái áo(combinaison) lưng đi khòm khòm!" " Thăng phải gió với lời bình bình: "không đi khòm khòm, trở thành chỉ huy trưởng pháo binh mấy hồi!". Có một bài" nhạc trẻ nhóm Phượng hoàng khiến tôi "cảm động", tưởng nhớ (Lê Hựu Hà và Nguyễn Trung Cang) Cang là lính" văn nghệ Không Lực VNCH" cùng Anh Khoa- Trần Công Khai, Duy Quang (Phạm), Trí "khùng" vv... từng bị "cắm trại dịp Mậu Thân" (1968) ở Tân Sơn Nhất.. - Cang, Hà cũng đã ra đi không va li., quần áo ướt hết, chân không đi Ba ta ' vào cõi Ta Bà.... Tài năng sáng chói, nghiệt ngã thân phận!"

Với Lê Xuyên - thực ra, tôi chỉ đọc văn Lê Xuyên, qua một lần duy nhất, xuyên qua vở đoàn kịch diễn - rất khâm phục " tài viết văn tác giả Chú Tư Cầu. Hình như, " nông dân văn sĩ miệt vườn" Lê Bình Tăng lấy " cô gái Bắc Kỳ, con cháu gia đình" tham gia việc nước bất phùng thời " - ở đâu trên đường Nguyễn Tiểu La, Quận 10- cùng gần đầu đó, cạnh căn nhà tuềnh toàng họa sĩ Vĩ Ý !(hai anh này cùng làm một chỗ (Bộ Thông tin xưa) - nhà cùng ở một nơi- mà chẳng ai biết ai) Sinh thời sau 1875, Lê Bình Tăng bán thuốc lá lẻ, gần chợ Nguyễn Tri Phương. - Một lần, tới mua thuốc lá lẻ- anh ta nhìn tôi "cười nửa miệng" "dường như hơi quen mặt"- lác đầu, tôi nhìn anh, lòng xót xa cho bạn, cho cả bản thân! Tôi không quên ánh mắt rất sắc nhìn tôi cách soi mói, lại "rất canh chừng" với bất cứ ai! Chẳng hạn hỏi ;"có biết Lê Xuyên ở đâu không?" Lác đầu, kéo mũ vành xụp xuống. Đến nổi, một nhà báo, nhận chuyển tiền từ Mỹ gửi cho, lúc đầu" Lê Xuyên lác đầu, không biết Lê Xuyên ? - không nhận- sau người

chuyển tiền bỏ kính đen ra, nhận được' khuôn mặt quen quen của báo Chính Luận" xưa - vội xòe tay "quắp" tờ 100 usd ,giúi vội vào túi quần, bên tay phải - còn liếc mắt nhìn quanh xem có kẻ nào nhìn thấy không? Cuối cùng ,anh qua đờì, cũng trên đường Nguyễn Tiểu La- hình như chưa được nhìn thấy "Chú Tư Cầu" tái bản, hiên ngang , bày trên kệ sách đôi ba tuần- sau bị vài tay nội úng "văn thám" lên án- "Chú Tư Cầu" rút vào " bán bí mật" cùng với 4 " tác phẩm hoành tráng của ' tác giả" *Địa ngục có thật!* Có lời xưng tụng nhà báo N.Q.T. môi giới, và bà Phan Thị Lệ- (*PN Corporation*) làm được một việc" đáng làm , " *phổ biến tác phẩm hay trước 1975* " - với độc giả của trường văn, trận bút Saigon xưa kia!

Một "cô em văn chương" ở xa tí mú khơi- mới sang Montréal - thăm "bố già":

- "...Ba có nhờ gia đình cô chú, nhà văn Nh. T. không?

- Có..

-.. . Còn nhà văn T.P vẫn còn ở V.N...tất cả mọi người ở Việt Nam, ở Mỹ , đều gửi lời thăm ba. Ông cụ gặt đầu, nhưng yếu lắm rồi!..."

Vậy là, tôi đã ở đất Sài Gòn đã 56 năm và 12 ngày rồi!

Phụ đính:

Trần Dạ Từ

(Lê Hà Vĩnh, 1940 -)

Bắt đầu vào làng thơ bằng bút hiệu Hoài Nam, và có tên thật là Lê Hà Vĩnh, sinh 1940 ở miền Bắc. Những bài thơ viết theo lối thơ mới có, bảy chữ có, lục bát cũng có. Một điều đặc biệt là thơ Hoài Nam ban đầu rất ư là Nguyễn Bính, thường đăng trên Văn Nghệ Tiền Phong, từ 1957. Thời gian sau, thơ Hoài Nam lại chịu ảnh hưởng một nhà thơ khác, Hữu Loan, nhất là bài Màu Tím Hoa Sim, gần như Hoài Nam sao lại hình-tượng-ý-thơ-đời-sống từ lớp người thơ kháng chiến. Có thể đây là một cách lấp trống thiếu hụt trong thơ của người trẻ trên dưới hai mươi bây giờ chẳng? Bài thơ bảy chữ như Trông Lại, tư tưởng và kỹ thuật rất thấp, cứ cho là khởi điểm không thể cao hơn đi - nội dung thơ lại lãng mạn rề tiền, thơ chấp vá. Qua giai đoạn khác, Hoài Nam làm thơ tranh đấu kiểu tuyên truyền lại càng thấp hơn, đem ngòi bút làm thơ cho có lập trường chính trị để nuôi thân (thời kỳ 1958, Hoài Nam đăng thơ trên báo quân đội Cây Mai vv... chẳng hạn). Đến 1959,60,61 Hoài Nam thay đổi bút danh là Trần Dạ Từ, loại bỏ hẳn thời kỳ ấu trĩ Hoài Nam và tạo lập cho mình một đời thơ nghệ thuật. Thái độ can đảm này như người đọc đã nhận thấy, anh từ bỏ chặng đường thơ đặt hàng có lập trường, để coi nghệ thuật là cứu cánh cho sự nghiệp của anh hình thành. Từ giai đoạn này, Trần Dạ Từ tạo cho mình một chỗ đứng, thơ chuyển sang hiện sinh nhưng là lối bắt chước hiện sinh Tây phương - đối với Trần Dạ Từ lại là hiện sinh nửa vời, phi lý không lý do, công thêm lối thơ dadaisme, utopisme, obscurantisme của Pháp đầu thế kỷ này. Sau, qua những đợt thơ bị tiếm nhiễm, chưa biết con đường thơ của Trần Dạ Từ đi về đâu?

Tôi lược bỏ giai đoạn một, hai của thơ Hoài Nam. Đi ngay vào phần phân tích thơ có mục đích tạo sự nghiệp thơ nghệ thuật của Trần Dạ Từ . Anh làm thơ rất nhanh, nhiều, dễ dàng. Sự tự phong cho anh có niềm kiêu hãnh, ai mới vào nghề cũng phải trải qua. Ngày xưa Nguyễn Bính từng được nhắc nhở như là một nhà thơ học thức kém, nhưng sống nhiều mặt của cuộc đời, giàu kinh nghiệm, tình yêu, tình đời và có nghệ thuật thơ nên thơ Nguyễn Bính làm mê đắm người đọc, nhất là giới bình dân. Nhưng từ 1945, Ngày Lớn bùng nổ, làm Nguyễn Bính có thay đổi cả đời và thơ, nhưng lối thơ diễn tả vẫn là lục bát nhiều hơn.

Trở lại với Trần Dạ Từ, một số bài thơ đăng báo hôm nay rất điêu luyện, ý dồi dào, tứ mới lạ, nhưng thơ rất âm ước chốn khuê phòng, cũng như lối thơ gọi là tranh đấu nhưng vẫn chưa hết tâm trạng được đả đốn hàng qua một số bài thơ có mặt trên báo chí. Hiện tại, như tôi trình bày ở trên, Trần Dạ Từ bị tiêm nhiễm bởi hiện sinh Tây phương, chứng tỏ người thơ có trình độ trí thức, nên thơ anh sắc mùi nôn mửa hiện sinh, theo chân những người thơ đi trước làm thơ đăng trên tạp chí Sáng Tạo của Mai Thảo. Cái lối hiện sinh theo đuôi, không có kinh nghiệm, tư tưởng của chính bản thân mình thoát thai, cứ như triết gia văn sĩ J. P. Sartre đi - còn chấp nhận được - nhưng ở đây là hiện sinh theo đòi, chỉ là một lối snobisme. Tôi không hiểu rằng đó có phải là một lối-thoát-bế-tắc nên giả tạo, đầy ảo tưởng, mà sau mỗi thời kỳ chiến tranh, sự chán chường nửa vời kia, vì không có lý tưởng thực sự đeo đuổi, đành phải bám vào để tự che giấu chính mình, làm bành với chính mình trước, để có thể sống cho là hiên ngang bề thế! Cái lối hiện sinh, tạm gọi là theo đuôi kia liệu còn kéo dài cho anh nương tựa được bao lâu? Ấy là tôi chưa kể đến nội dung thơ buồn nôn nửa chừng, chán yêu bằng nửa đốt tay, tạo cho họ chỗ đứng nào thực sự trong văn học, nhưng trước mắt tạo một tiền lệ hư xấu cho lớp sau, cùng họ bám víu vào đấy để kéo dài sự vinh quang giả tạo, điên cuồng! Các tạp chí nào đã đăng lối thơ phi lý hiện sinh ấy? Xin thưa, đó là tờ báo của mấy ông nhà văn sống thì so đo, chịu chất từng đồng viện trợ, chia xẻ rất ít cho anh em (tôi nói đến cách họ đối xử với nhà thơ Quách Thoại được rêu rao là cùng băng nhóm, sống chết có nhau), nhưng trong văn chương lại tỏ ra lý tưởng hão, nửa vời, đầy tính hung hãn phá phách kiểu hiện sinh, sống hôm nay biết hôm nay, mai chết bỏ, dầu là bỏ ở ngoài đường.

Ấy, hiện sinh nửa vời ở Việt Nam (Nam) là như thế! Trần Dạ Từ cùng một số lớp trẻ như anh, chập chững theo đi làm văn thơ, đẽo gọt ngôn từ cho kêu, tiện dữa âm thanh học hiêm, ý tưởng hủ nút, chỉ nói đến thơ lục bát của anh bắt chước âm thanh ma quái học đòi từ Cung Trầm Tưởng. Trần Dạ Từ chịu rất nhiều ảnh hưởng thơ lục bát C.T.T nên khi đọc thơ dễ nhận ra ngay sự chấp vả, tí ti hiện sinh, tí ti cách mạng, xin xỏ đấu tranh kiểu cải lương, theo đòi vô chính phủ kiểu André Breton (cũng là người đi sau tiếp nối gót Thanh Tâm Tuyền, dịch thơ Breton trước lấy ý; làm bài thơ thứ hai là của riêng). Như vậy từ thơ André Breton qua Thanh Tâm Tuyền rồi đến Trần Dạ Từ đã qua tay ít nhất tới hai lần rồi (§)

Vốn văn hoá Tây phương của anh rất mỏng, trước họ lớp ba mươi, đa số cũng đã mỏng rồi! Không trách vốn học thức thấp hay cao, nhưng trách ở chỗ thấp mà làm ra cao, tư tưởng thấp như ngọn cỏ, lại tưởng chừng cao trên ngọn cây to, hãy nhìn thi ca của họ đăng trên Sáng Tạo, Thế Kỷ 20 thì rõ. Nhớ lại một họa sĩ, anh Ngọc Dũng, cũng làm thơ chiêm bao: nào là hơi thở vẫn rì rào đến buổi chiều ấy bơ vơ như gạch ngói, đúng là quái thai thơ! Nếu nói là hiện tượng voyou thì quá! Họa sĩ Duy Thanh qua tập truyện ngắn Thăng Khởi cũng không hẳn là quái thai song văn chương tạo được một hiện tượng được coi là lạ! Thơ Ngọc Dũng, văn Duy Thanh, theo tôi, nên coi là vắng; vì họ sinh ra chỉ để Ils sont nés pour la peintre, chứ khó là một Văn Cao thực sự tài hoa cả nhạc, họa, thơ, kịch - trường hợp Văn Cao mới đúng là hiện tượng spectaculaire !

Tôi rất quý và trọng tài họa của Ngọc Dũng và Duy Thanh, cũng như đối với thơ Trần Dạ Từ, thơ của chính rung cảm đòi thơ của anh thật đáng phục, nhưng bắt chước thơ lục bát Cung Trầm Tưởng (cách diễn đạt, âm thanh, ngôn từ, tiết tấu) nói như một bạn văn khác, gọi C.T.T là một Bà Huyện Thanh Quan mới của lục bát. Thực ra, thơ lục bát của C.T.T đôi câu rất lạ, rất hay, rất cảm, nhưng với Trần Dạ Từ trở thành non tay, vụng ý, làm dáng văn chương nhiều hơn là sáng tạo! Ấu đó cũng là sự đua đòi bắt chước và đó không phải là reminiscence đối với Trần Dạ Từ. Đọc một hai câu thơ lục bát của Trần Dạ Từ như:

... Cây ngùi bóng cả đôi hiên

Chiều vợ ngõ lụn, tay phiền giấc trưa (§)

Thực chất thơ Trần Dạ Từ, theo tôi, một số bài như Thơ Tình Tháng Sáu, Nhã Ca... và một vài bài ký tắt T.T.N.C (§) đăng trên tạp chí Hiện Đại của Nguyễn Sa. Đây chính là bản sắc thơ độc đáo của Trần Dạ Từ, điều này chứng tỏ, sau một thời gian thử nghiệm, anh đã tìm cho mình một bản sắc thơ độc đáo. Dưới đây trích dẫn hai bài thơ hay của Trần Dạ Từ.

©

Trích thơ Trần Dạ Từ :
I- NHÃ CA

bây giờ ngày đã hết
ban đêm đương bắt đầu
chỉ còn lại mình anh
và trái đất cần khô

bây giờ tháng đã hết
mùa đông đương bắt đầu
chỉ còn lại mình anh
và tiếng nói hư vô

bây giờ năm đã hết
thời gian đương bắt đầu
chỉ còn lại mình anh
và nốt nhạc cô đơn

bây giờ thôi đã hết
lãng quên đương bắt đầu
chỉ còn lại mình anh
và nỗi nhớ nhung đen

II - THƠ TÌNH THÁNG SÁU

Mộng sẵn sàng rồi lòng trong sạch đó
Em ngồi đây coi giùm anh giấc ngủ
Chiều hôm nay, trời sực nức hương thơm
Lá biết dong chơi, cây biết giận hờn

Đôi cánh ăn năn dịu dàng khế vỡ
Bỗng nhiên thôi từng ấy lượt đi về
Tóc đã dài hẹp trán say mê

Thân đã duỗi quá xa tâm vóc cũ
Em ngồi lại coi giùm anh chút nữa
Ồi những ngày không viết một bài thơ
Bao nhiêu đêm nằm với ngực mơ hồ
Bao nhiêu sáng dậy nghe đời xé lụi

Vàng lòng tôi đấy, dại khờ bé bỏng
Bấy nhiêu ngày, ăn chữa hết cô đơn
Bấy nhiêu thơ, không nói, để trong hồn
Bấy nhiêu đó, không ai nhìn thấu cả

Em ngồi đây, ngồi sát nữa, người thương

Kìa những ngày thơ rụng đổ chân tường
Em vẫn sống như những chiều bãi biển
Anh vẫn đẹp như những giờ em đến

Thơ có đầy vơi vẫn đủ nuôi sầu
Tay có khổ mình vẫn vuốt ve nhau
Xếp giùm trán, hôn giùm môi và hát

Nỗi vui đó anh chờ em sắp đặt.

TRẦN DẠ TỪ

Viên Linh

(Nguyễn Nam, 1938 -)

Cũng vào khoảng 1956-57, sự xuất đầu lộ diện của một số người thơ trẻ Saigon, có thể nói là điển hình, thì vào thời gian ấy, họ góp mặt trên thi đàn, đăng thơ trên báo Văn Nghệ Học Sinh của Lê Bá Thắng, Văn Nghệ Tiền Phong của Hồ Anh và một vài tờ báo khác nữa. Hoài Nam buổi đầu vào làng chịu gục đầu khuất phục lục bát Nguyễn Bính bậc thầy thì Viên Linh làm bài thơ Mây Giăng (1957) mang ý thơ Nguyễn Bính (cả giọng thơ và cách kết cấu bài thơ). Như Chết Chiu (1958) sẽ trích ở cuối bài. Đây là một đôi dòng :

Mai về Ba Động cùng anh

Cho mây vàng nắng cho xanh ân tình

Cho anh sang cưới cô mình

Cho bướm bướm cũ tự tình dưới hoa

hoặc bài thơ Bài Ca Thơ Sinh mượn ý Thâm Tâm, hoặc Tăm Tắp 10 Ngàn Chín Trăm cũng chưa phải là thực chất mang bản sắc thơ Viên Linh.

Viên Linh có tên thật là Nguyễn Nam, sinh 1938 ở Hà Nam (Miền Bắc). Anh có khác Hoài Nam (hay Trần Dạ Từ về sau) là không làm thơ đặt hàng ca tụng chế độ, đứng lập trường, dễ dăng và dễ nổi hơn. Có lẽ, Viên Linh nhờ có gia đình đùm bọc, đúng hơn, anh có bản năng tự trọng trong ý thức đời sống làm văn nghệ hơn Hoài Nam. Khoảng thời gian từ 1959 đến 1961, Viên Linh làm thơ lục bát, mô phỏng cách diễn đạt lục bát Cung Trầm Tưởng. Nhưng trong thơ Viên Linh cũng có những câu thơ đẹp, từ hình ảnh, tứ thơ, ngôn từ, như: Anh đi gió núi mưa đời ru em/ nửa chì nửa đục nửa băng đá hờn (Tình Ca 2 và Ngoại Ổ của Cung Trầm Tưởng) sang đến thơ lục bát, âm thanh, từ ngữ tân kỳ lạ tai, nhưng chưa thoát được ý non dại bước đầu - bởi cái chính : ý thơ khô không phải của chính tác giả. Chẳng hạn, hầu hết thơ lục bát của Viên Linh, như bài số 73 là điển hình:

Thôi tôi giao lại cho người

Ga đêm lẻ đợi bến vui nằm chờ

Cây rù bóng tối đi đo

Buồn thanh niên đứng co ro phố dài

Thời gian đón tiếp tương lai

Đêm đang rời rã bên ngoài hành lang

Với chim di rét từng đàn

Tôi đi nốt cuộc truy hoan buồn buồn

Biển nằm đổ mộng thù dương

Non cao lộ nhỏ dừng cương muốn về

Ở câu 3 và 4 bài thơ trích dẫn trên đây, ý thơ ngây ngô, gượng gạo, chỉ vì cố tìm ngôn từ mới, âm thanh lạ để ghép vần - thơ trở thành chấp vá cho đúng niêm luật - đó là sự vô nghĩa toàn diện, cả bài thơ có nói lên được điều nào cho ra điều nào đâu? Chất thơ xây cất bằng vật liệu ngụy tạo, nôm na hơn là thiếu rung cảm thực của tác giả, thơ chưa đủ độ chín làm rung động người đọc và chính tác giả nữa! Nếu ta quan niệm thơ là động lực tác động làm rung cảm con người thì điều này không có trong bài thơ này.

Xét về mặt tứ thơ, chẳng có gì gọi là mới mẻ, xét về cách kết cấu từ nhạc điệu, tiết tấu, ngôn từ toàn bài chưa có gì gọi là chỉnh bị một bài thơ vượt người đi trước mà anh mượn đà (CTT và lục bát Tình Ca 2 và Ngoại Ô) và xét về ý kinh bạc, chỉ đạt được một phần rất nhỏ cái công nghệ của kẻ giang hồ vật. Cũng nói thêm, đôi chút âm thanh lạ tai nhưng chưa đồng nhất, thành thử âm thanh lạ tai kia bị nghe với cảm giác rất ngái!

Tôi chưa rung động khi đọc lục bát của Cung Trầm Tưởng, mới chỉ cảm được thơ anh đẹp như một bóng mây thoáng qua, hay như một cánh chim lượn trên không trung với niềm vui thoáng - cuối cùng chẳng còn giữ được nhiều trong lòng, kể cả say mê!

Như vậy với thơ Viên Linh, người mô phỏng theo thơ lục bát Cung Trầm Tưởng, hẳn không tạo được một sự rung cảm. Bây giờ bước qua lối thơ được gọi là tượng trưng, tôi cố tìm bản sắc thơ tượng trưng của anh, nhưng vẫn chưa thấy, mà ở thơ Trần Dạ Từ, tôi còn thấy phảng phất qua nhiều bài như Thơ Tình Tháng Sáu, Nhã Ca. Với Viên Linh, qua Dạ Khúc 2, Khi Người Chết, Một Hồi Sau, Kết Cuộc, Lớp Học, Tháng Soan Tây... chưa mang lại cho tôi một hồi cảm về cái gọi là thơ tượng trưng của Viên Linh. Phải nói là không phải tôi chỉ đọc thơ một lần, mà rất nhiều lần, của nhiều lúc khác nhau. Chất thơ tượng trưng của anh phảng phất buồn một cách bàng bạc, mơ hồ, lờ mờ. Đó là giai đoạn thơ Viên Linh cho đăng từ 1958 đến 1961. Tôi trích bài thơ Kết Cuộc, nhưng nếu phải tỏ bày về cảm tưởng, thì chưa phải lúc, kể cả dự đoán tương lai nhà thơ Viên Linh, với tôi, cũng vẫn là chưa.

Nói cho rõ hơn, tại sao tôi lại đề cập đến nhà thơ này trong số 12 nhà thơ trẻ tài hoa? Xin thưa, tâm hồn thơ Viên Linh chưa vỡ luống, anh có phong độ một nhà thơ lớn chưa hoàn hảo, còn nghệ thuật thì chưa làm rõ nét bản sắc, nhưng đúng anh là một thi nhân có tài. Chỉ có một điều, hiện nay, Viên Linh chưa phô bày được cái tài mình có, rất có thể vốn sống chưa đủ sâu sắc, hay là chưa kịp chín nrip độ cao để triển khai cảm nghĩ - và giờ này thơ anh chưa đủ sức mạnh đứng đầu gió, nhưng phải tin là sẽ có ở một ngày nào đó ở ngày mai. Viên Linh khi ấy hẳn là một nhà thơ có bản sắc riêng, độc đáo.

Toa tàu thơ thì nhiều, thiếu đầu máy kéo rúc chạy, chuyển bánh khởi hành. Tôi còn yêu Viên Linh qua một truyện ngắn mới đăng trên báo chí, truyện nói về đời sống một nhà giáo bất đắc dĩ, với ngôi trường xây dựng trên miền đất đỏ Ban Mê Thuột. Ở khía cạnh này, tôi tin Viên Linh sẽ là nhà văn nổi tiếng hơn thơ hôm nay.

©

Trích thơ Viên Linh:

I - CHẮT CHIU

Gặp mình trên biển Nam sang
Buồn cao ngun ngút qua ngàn dâu xanh
Ngày xưa sao cũng xin đành
Mình đi thì để một mình mình vui
Nhìn nhau không nói không mời
Chắt chiu mười mấy năm rồi mình ơi

Tôi đi cùng 9 phương trời
Tôi mang theo một phương trời có em
Có sân trường lúc gió lên
Có người xưa ở trên thềm giải ranh

Vàng chiều xao xuyến bay quanh
Ngừng tay vợ sỏi nhiều nhanh lên mình
Mình mời cho gió mênh mênh
Cho hồn tôi cũng mênh mênh quá ngàn

Hết ô mình lại ăn quan
(Có 5 ao cá thua nàng cả 5)
Hết quan thì tàn đến dân
Tôi thua xin để tôi cầm bàn tay

Nợ nần chưa trả đã vay
12 năm ấy hôm nay gặp nàng
Sầu chiều lên bến Nam sang
(Người xưa giờ đã con mang con bông)

Mùa xuân rượu đổ pháo hồng
Mình đi pháo tỏ cho long xác chàng
Gặp mình hoa võng hôm nay
Thì xưa cho chuộc bàn tay đã cầm

Hết quan thì tàn đến dân
Có 5 ao cá đã cầm cả 5
Gói khăn lên núi tôi nằm
Nửa đêm giờ giấc xin trăng gió về

Mai chiều in bóng em đi
Trời trần thì có ra gì phải không?
Để mình nay bắc mai đông
Tấp tênh lên mái cửa trùng tiển ma

Tháng giêng tôi bước lên chùa
Trông lên 9 bậc xem ma yêu mình
Vua yêu vua mới trao quyền
(Vua yêu vua để cả tiền mình tiêu)

1958 II - KẾT CUỘC

Sự tầm thường như sóng biển nô đùa
trên bãi hoang liêu những mùa nước lớn
một con chim nhỏ lỡ quá ra khơi
đáp xuống nơi nào yên thân nằm lại sức

tôi hằng lắm bấm những khi tối trời
sự sợ hãi và lo âu tới đó
ngày rên rên du những cánh tay

Khép nhỏ vòng ôm rút lần hy vọng
cho tới xế buồn khi cho tới cuối đời
hai tay mình ôm thân mình thôi
những đốm thuốc đỏ thấp đêm khuya
âm ỉ cháy đốt thêm ngày tháng nữa
thời khắc ghi bằng tiếng trống khua
và hồi âm những đống đau cầm canh một kiếp

điều tri thức nào kết bèn chứng tỏ
tôi chẳng đáp xe đò lên thị trấn tôi

và công chuyện bắt đầu như thường lệ
bỏ lại đằng sau niềm vui mới truy hoan

quên quên hết hoặc giả đò quên hết
rồi ngày mai tiếp tục sự luân lưu

sách vở chỉ là kẻ nhắc tuồng quá lỗ
khi cuộc đời tôi là tấn kịch cương
con chim có cánh thì đã bay lên
và mảnh ván thân tàu kia trôi băng theo dòng nước lên.

6.60

(trích tạp chí Thế Kỷ 20)

VIÊN LINH

Đình Hùng

Đình Hùng sinh năm 1920, con út một gia đình trung lưu, gốc làng Phượng Dực (tỉnh Hà Đông) – từ lâu ra lập nghiệp tại Hà Nội. Ông bà Phán, còn gọi ông bà Hàn, sinh được hai trai, bốn gái. Trưởng nam Đình Lân, và các chị Loan, Yến, Hồng, và Thục Oanh- cô chị này hơn cậu em 1 tuổi và chiếm được trọn vẹn tin yêu của cậu em khó tính là Đình Hùng. Thật vậy, Đình Hùng từ nhỏ đã khó tính, lại ưa cô đơn. Sống trong 1 gia đình đông vui, mà Hùng vẫn tưởng đâu là đang sống giữa chiếc đảo nhỏ nhồi giữa một quần đảo, tứ bề xa cách. Phải chăng vì bà Phán hoài thai nhà thơ của chúng ta ở Manila (Philippines) – nơi ông Phán được bổ nhiệm sang đây làm Chánh văn phòng Tòa Lãnh sự Pháp từ 1918. (*theo Tạ Tỵ- sách đã dẫn*)

Chị ruột ông, Đình Thị Thục Oanh (sinh 1919 ở Manila) còn Đình Hùng sinh sau 1 năm – đích thị bà Phán đã hoài thai chàng thi sĩ bẩm sinh từ nơi quần đảo xa xôi ấy- sau này Vũ Hoàng Chương đã cho rằng thơ của cậu em vợ đã chịu ảnh hưởng này cách bất ngờ, rơi rớt lạc vào dòng thơ, có câu:

*“...Hỏi bao quần đảo vừa ly tán
Trần tục là đâu hỏi đất bằng ! “*
(**Mê hồn ca**)

Vẫn theo Vũ Hoàng Chương- Đình Hùng bị cú sốc tinh thần vào lúc 11 tuổi - hoa khôi Đình thị Tuyết Hồng nhảy xuống hồ Trúc Bạch tự vẫn. Cái chết của người chị trước đó, kéo theo sau tang tóc từ cụ thân sinh thất lộc khi tuổi chưa tới 50 – rồi 3 năm sau Đình Hùng lại phải từ biệt một người chị đã lập gia đình, mà tuổi còn rất trẻ. Người chị cả đó là chị Loan.

Đình Hùng tốt nghiệp Tú tài bản xứ- vừa khi đó- ông lại bị cú sốc tinh thần đầu – yêu đơn phương một chiều- nàng Kiều Hương. Nàng đi lấy chồng, hết Tố của Vũ Hoàng Chương và Đình Hùng khắc họa chân dung nàng qua thơ:

*“ Tần Hương ôi Tần Hương
Tên nàng như hoa đẹp
Chàng là bướm tơ vương
Nên chàng là Hoài Điệp...”*
(**Đường vào tình sử**)

Và chẳng ngạc nhiên gì, sau này Đinh Hùng dùng bút danh *Hoài Điệp* (trước) và sau là *Hoài Điệp Thứ Lang* trong tiểu thuyết đăng nhiều kỳ trên báo từ sau 1954 – kể cả bút danh trào lộng Thần Đăng - và ông còn phụ trách *ban Tao Đàn* trên Đài Phát thanh Saigon, tiếng thơ réo rắt, và giọng nói Đinh Hùng nhừa nhựa sắc như lưỡi gươm bén, phóng vào đêm tối âm vang.

Thi sĩ Bằng Bá Lân, nhà thơ tiền chiến; khi phân tích thơ của nhà thơ trẻ Đinh Hùng- ông chú ý ngay từ khi “*Bài ca man rợ*”- được tập san “*Giai phẩm*”) Nxb Đời Nay của nhóm *Tự lực văn đoàn*, tặng bốc :

“... trước hết là trí tưởng tượng phong phú của tác giả. Ông tưởng tượng ra một con người nguyên lòng sơn dã, từ lâu ông sống một đời man rợ thiên nhiên trong núi sâu rừng thẳm, bỗng một ngày kia trở về đô thị”.

Cùng đọc một số đoạn trong “ *Bài ca man rợ*”:

“ Lòng đã khác ta trở về đô thị
Bỏ thiên nhiên huyền bí của ta xưa
Bóng ta đi trùm khắp lối hoang sơ
Và chân bước nghe chuyển rung đồi suối
Lá cờ sắc vương đầy trên tóc rối
Ta khoác vai manh áo dẫm hương rừng
Rồi ta đi khí núi bốc trên lưng
Mắt hung ác và hình dung cổ quái
Trông thấy ta cả cõi đời kinh hãi
Dòng sông con nép cạnh núi biên thù
Đường châu thành quần quai dưới chân đi
Xao động hết loài cỏ hoa đồng nội

Người và vật nhìn ta không dám nói
Chân lảng xa, từng cặp mắt e dè
Ta ngẩn ngơ nhìn theo bóng ngựa xe
Nhìn theo mãi đến khi đời lánh cả
Và ta thấy hiện nguyên hình sơn dã ...”

Tôi trích 17/ 55 câu - một trong những bài thơ đầu đời Đinh Hùng - dường như đã quá đủ biểu hiện dòng thơ lãng mạn thời tiền chiến- mà không cần trích đủ toàn bài, như Bằng Bá Lân xưng tụng, trích dẫn về Đinh Hùng ..

Vậy bài thơ đầu tiên nào của Đinh Hùng được đăng báo ? Đó là “ *Đám ma tôi* “, Đinh Hùng ký *Hoài Điệp*, do Nguyễn Đức Chính đưa cho *Nxb Tân Việt* in – rồi Nguyễn Đức Chính lại đem thơ Đinh Hùng giới thiệu “ ông Trùm coi sóc thi đàn *Nxb Đời Nay- Thế Lữ*”. chẳng ? Tư liệu này do Vũ Hoàng Chương tiết lộ, và qua một nguồn khác lại cho rằng: Thạch Lam mới là người giới thiệu Đinh Hùng (*tác giả cùng tác phẩm*) với “ ông Trùm Thế Lữ” ? Câu chuyện được kể lại :

“... Khi Thạch Lam xuất bản” *Hà Nội 36 phố phường*”, tác giả ở trong 1 ngõ rất sâu thuộc làng *Trung Phụng* (ngoại ô Hà thành) – nơi này cũng là một nơi đất nhiều ma quái, dẫm lệ - nào có những bộ xương khô cùng lưỡi hái dài nanh ác luẩn quất trong lùm cây khế to đùng, cả cây cam âm u của trại *Trung Phụng*...”

Lại nói về Thạch Lam- mỗi khi lên phố, phải đi qua nhà ông bà Phán (cha mẹ Đinh Hùng). Biết vậy, Đinh Hùng nghĩ kế cách nào để làm quen được với nhà văn nổi danh nhóm *Tự lực văn đoàn*? Ông bèn viết một lá thư kèm bài văn có tựa đề “*Thịt chó*”- rồi chặn đường, gặp được

Thạch Lam, trao cho đọc, xin ý kiến. Thế rồi, có một buổi, Thạch Lam ghé vào nhà Đình Hùng thật - lần này” *nhà thơ trẻ*” sừng sốt, gây một ấn tượng tốt đẹp khó quên trong đời. Dần dà, Thạch Lam quen thân Đình Hùng hơn, ông dắt đưa bạn trẻ đến trụ sở Nxb *Đời nay* ở phố Quán Thánh, rồi giới thiệu hết lời về Đình Hùng với Thế Lữ, Khải Hưng, cả Nhất Linh nữa - toàn “ *tay tổ*” của nhóm *Tự lực văn đoàn*.

Và sau, chính Thế Lữ- là người đầu tiên nâng đỡ đích thực nghiệp văn thơ đầu đời nhà thơ trẻ - và Đình Hùng tự-sự- kể:

‘...*Hồi đó mỗi khi làm xong bài thơ nào, tôi thường tìm Thế Lữ để đọc cho ông nghe. Lần nào cũng vậy, nghe xong, ông lắc đầu bảo: “ Chưa được, cậu cần phải chịu khó hơn nữa”. Tôi buồn quá vì tự ái nổi dậy, nghĩ thế nào cũng phải làm cho được 1 bài thơ hay. Không lẽ cứ để cho Thế Lữ chê hoài ?...*”

Hồi ấy, Đình Hùng đang yêu thầm nhớ trộm một cô đầu trẻ ở phố Khâm Thiên- khi tác giả làm xong bài thơ “*Kỹ nữ*”, liền đem đến khoe nháng với Thế Lữ. Thi sĩ “ *ông Trùm thơ Đời Nay*” thông cảm háo hắng bạn trẻ, đọc ngay, im lặng hồi lâu, chậm rãi, phán:

“-...*được lắm ! cậu nên làm theo thể loại này!*”

Thế là ‘*Mê hồn ca*’ được hình thành từ thời kỳ đó.

Qua một thời gian tham gia Kháng chiến ở Khu IV - bỗng một ngày kia, khăn gói lẩn trốn về Thành (Hà Nội- lại gặp được ngay Hồ Dzếnh) lúc này đã là chồng bà Nhật- chủ một hiệu, sách *Bình Minh* ở góc Phố Huế + Reinach)- Hồ Dzếnh đọc xong, nhận in ngay “ *Mê hồn ca*”. Khi đang xúc tiến in, gần xong, thì Hội nghị Genève 1954, Việt Minh và Pháp ký hiệp định chia đôi Việt nam - thì *Mê hồn ca* chịu chung số phận. Kẻ bỏ tiền in không có cơ hội phát hành ở ngoài Bắc, lại cũng không di cư vào Nam - Hồ Dzếnh giao cho tác giả cả ngàn tập *Mê hồn ca* cùng tác giả di cư vào Saigon- vừa phát hành, vừa bán, vừa tặng.

Rồi Đình Hùng làm “ *chủ soái ban Tao Đàn*” - từ 7 giờ tối hàng đêm réo rất giọng ngâm thơ hiều tài tử, nghệ sĩ tài danh: nào những Quách Đàm, Hoàng Thư, Tô Kiều Ngân, cả ca sĩ Thái Hằng và Hồ Điệp- một giọng ngâm thơ thật đặc biệt sáng giá! .

Vào đầu thập niên 1960, một chuyện như giai thoại thật trớ trêu xảy ra- khi chủ soái Tao Đàn mặc complet xám chững chạc, vừa hoàn thành thầu thanh, bước ra khỏi Đài Phát thanh Saigon – một cô chặn lại hỏi:

- thưa ông, có phải ông là Đình Hùng?

- Phải, chính tôi- Đình Hùng đáp.

Người vừa lên tiếng hỏi chủ soái ban Tao Đàn- một cô mặc đầm, nói năng lễ độ, miệng cười tươi. Nghe xong câu thứ 2, Đình Hùng ngỡ ngàng:

- Ông có nhớ 3 câu thơ mà ông vừa ngâm trên ban Tao Đàn tối thứ 2 không ?

- Nhớ chứ , 3 câu ca dao nói về Án sát, Tuần phủ chứ gì ? Đình Hùng đáp.:

- Rất đúng thưa ông, và bắt đầu bằng :

- “ *Thứ nhất rắn hổ mang hoa*

- *thứ 2 Trần Tấn..*

- *thứ 3 là Bùi Bành “*

- *có phải không ạ ?*

- *..mà ông có biết Trần Tấn... là ai không nhỉ ?*

- Đình Hùng chưa kịp trả lời – nét mặt duyên dáng cô gái biến sắc, chuyển sang” *tông*” khác-cúi xuống lấy chiếc guốc dưới chân trái , rồi nện thẳng vào đầu nhà thơ.

- Trần Tấn là Trần Tấn Bình, ông nội tôi. Bố tôi là con Cự Tuần Bình : *Trọng Lang- Trần Tấn Cửu*, chắc là ông có biết?

- Nói xong, bỏ chiếc guốc vào chân trái, bước ra xe rất nhanh – một sĩ quan mặc đồ trận chờ ở ngoài lề đường - chờ trên xe gắn máy đi mất tăm.
- Thấy Đinh Hùng lấy tay ôm đầu máu, Hoàng Thư (thì phải) lại dìu vào quán phở 44 đối diện. Hồi han, Hoàng Thư cho biết tên sĩ quan chờ cô em phang guốc vào đầu Đinh Hùng – đó là trung úy Trần Tấn Đ...- trưởng nam nhà văn tiền chiến Trọng Lang có tên thật Trần Tấn Cừu.

Rồi tới một buổi trưa thứ 7, trước cửa nhà số 38 đường Tú Xương (Saigon 3) là Trường Cán sự Xã hội Caritas- tôi đến để đón C.M.N. và gặp Đinh Hùng vẫn trong bộ cánh “ *complet xám*” tự khai :” ông đón ai, còn tôi đón nàng thơ có phương danh Hoài Diệu. “ Và Đinh Hùng kể tiếp: - Đáng lý” *toa*” phải lãnh nguyên cái guốc mới phải - thế mà “ *moa*” đã phải nhận thay” *toa*” rồi đấy ! “*Toa*” có nhớ không, chỉ vì 3 câu” *vè*” phải giốc căn răng trong” *Nhà văn tiền chiến. ..*” của” *toa*” – “ *moa*” cho ngâm trên “ *Tao đàn*” – mà giờ này đầu “ *moa*” còn “ *ư*” một cục !

Năm 1961, Đinh Hùng được giải 1- Giải thưởng Thơ Toàn quốc - sách in tuyệt đẹp (*linograph*) tại” Kim Lai Ấn quán”:- với lời tựa đính kèm rất trịnh trọng của “ thi sĩ” Đoàn Thêm., . tay này đậu Cử nhân Luật thời tây- bây giờ là đương kim Phó Đồng lý Phủ Tổng thống Ngô Đình Diệm. Ông là tác giả đôi ba tập thơ, sách viết về lý luận thơ, dịch sách hội họa vv.. Dự luận “ *phê*” ngầm” :

- Có “ *ông Phó*” Đoàn Thêm “*đề tựa*” thì ” *Đường vào tình sử*” của Đinh Hùng, “ *bố*” thẳng giám khảo nào dám tự ý “ *lắc đầu*” không bỏ phiếu thuận.

Cùng nghe Du Tử Lê, tác giả’*Năm sắc diện, năm định mệnh: Đinh Hùng, Bùi Giáng, Tô Kiều Ngân, Thanh Tâm Tuyền, Thế Phong* – Saigon 1965) kể về giai thoại giải thưởng kia – với lý do nào Đinh Hùng “*đế*” được bỏ phiếu thuận để “ *ấm*” chót lọt Giải thơ Toàn quốc của Tổng thống Diệm ?

Trước tiên, sách phải in đẹp, bây giờ chỉ có Nam Chi Tùng Thư (*Lãng Nhân* giám đốc), in đẹp nhất là Kim Lai Ấn quán, do tổng quản lý “ *kỹ thuật*” Nguyễn Doãn Vượng. mà thôi. Anh là thi sĩ, được lắm- *thơ có hay*” không nhưng trước tiên còn phải có tiền in thơ cho đẹp vào – thì mới lọt mắt Ban Giám khảo... Nếu không sẵn tiền cho lắm, - thì anh phải kiếm được người” *sáng giá*” viết” *tựa*”- cỡ ông Phó Đồng lý Tổng thống phủ Đoàn Thêm chẳng hạn thì mới” *ăn giải*” được !

Nhưng muốn có tiền để in thơ - sắp chữ *linograph* - tư nhân chỉ có Kim Lai Ấn quán, ắt phải có Bình Nguyên Quân; nhưng là ai đây ? .

Xin trả lời ngay

- Ông Đoàn Thêm, tác giả thi tập” *Nhạc đế*”- chuyên viên hàng đầu viết diễn văn cho Tổng thống Diệm đọc, và Đinh Hùng muốn in thơ ở K.L.Ấ.Q., ắt phải” *cậy ông ta đề tựa*” .

Vẫn theo Du Tử Lê- hỏi đó Thế Phong gặp Đoàn Thêm, đã nói ngay:

“ ... *Anh Đinh Hùng rất buồn khi phải cậy anh đề tựa...*”

Đoàn Thêm trả lời:

- *Đó là tự ý Đinh Hùng cậy nhờ tôi...*”

Thế Phong bồi thêm:

-*V thế mà.. thực sự anh ấy không cảm thấy sung sướng một chút nào ?!*”

Gần đây,khi hỏi về chuyện ấy, chính miệng Đinh Hùng tiết lộ Du Tử Lê hay- viết tựa kia là ngoài ý muốn Đinh Hùng. Thật ra, chẳng phải ông Đoàn Thêm bắt buộc phải có” *tựa*”- nhưng muốn được in thơ (tại Kim Lai Ấn quán) thì đành phải nhờ tới Đoàn quân thôi. Cùng năm, Đinh Hùng gửi” *Đường vào tình sử*” dự giải Văn chương Toàn quốc- thì Ban giám khảo bộ môn Thơ là” học giả “ Đông Hồ và thi sĩ Thanh Tâm Tuyền, cả hai bỏ phiếu tán thành Đinh Hùng chiếm giải 1 “.

Trước khi trình Phủ Tổng thống” *ngụ lãm*”, theo tôn ti phép vua, phải qua ông Ngô Trọng Hiếu- Bộ trưởng Bộ Công dân vụ.

Nhưng...

Lại phải thêm chữ” *nhưng*” Ban Giám khảo Thơ gửi bản đề nghị đề cử Đinh Hùng xứng đáng chiếm giải 1 - thì giám khảo viên Phạm Đình Tân (ở *ban khác*) nhất nhất không đồng tình treo giải quán quân Bộ môn thơ cho Đinh Hùng. Bởi, Phạm Đình Tân còn là chủ soái” *cái gọi là” Tinh Việt Văn Đoàn*”, chủ nhiệm tuần báo” *Văn đàn*”- lại” *ỹ*” có bác sĩ Trần Kim Tuyền (*văn hữu xưa trong nhóm*) nay Giám đốc Sở Nghiên cứu Chính trị- Xã hội (*một tên khác: Mật Vụ*) –từng là dịch sách” *Định mệnh con người*” do Nxb Văn đàn in ấn.

Do vậy, Phạm Đình Tân muốn” *cây nhờ*” ông Trần Kim Tuyền- “ *kính chuyển tờ phúc trình mật*” – ý kiến ‘*Tinh Việt Văn đoàn*” không đồng tình treo Giải 1 thơ về tay tác giả tác phẩm” *Đường vào tình sử*” .

Tổng thống Diệm đọc xong phúc trình- cho gọi ngay ông Lê Văn Thái (*tự* Thái Trắng- *phụ tá ông Trần Kim Tuyền*) vào Dinh.

Tổng thống Diệm phán:

- Sao treo giải Thơ cho một cuốn như ri ...?

- Ông Lê Văn Thái- cánh tay phải Bác sĩ Tuyền, Chánh sở Mật Vụ - hoảng hốt- vì đọc hay chưa hề đọc “ *Đường vào tình sử*” thì không biết::

- “...*dù có đọc, tôi (Du Tử Lê) chắc người ấy chả hiểu gì ...?*”

- Và ông Lê Văn Thái đành khất Tổng thống phúc trình đầy đủ sau.

- Vẫn theo Du Tử Lê (*Năm sắc diện... – sách đã dẫn*), ông Lê Văn Thái bèn “ *mờ*” ra ” *La Pagode*” (ngã tư Lê Thánh Tôn + Tự Do) hy vọng gặp được Thế Phong, chàng ta thường ngồi cà phê cùng bạn bè tại đây. Tay này thường ăn sáng, với bánh kẹp *Croque Monsieur*, và ly cà phê đen” *tổ bố*” (khi rùng rình quý kim) – Du Tử Lê viết vậy. .

- Từ lâu” *Quán Cái Chừa*” là nơi gặp gỡ của anh em làm văn chương. Tìm ai, chúng ta (đây vẫn là Du Tử Lê) chỉ cần sáng sáng hoặc chiều chiều là gặp thôi. Và Thái Trắng đã gặp được Thế Phong thật. Rồi Thái Trắng dạm ý - thì T.P. trả lời đại để:

- .. đem Bằng Bá Lân so với Đinh Hùng- ai là người xứng đáng chiếm giải quán quân Thơ năm nay ư ? Kể xứng đáng thì không thể Bằng Bá Lân được, mà phải là Đinh Hùng, bởi lẽ : ” *Đinh Hùng xứng giải là làm vinh dự cho giải Thơ - còn giải thưởng thì không thể tạo vinh dự cho Đinh Hùng được !*).

- Sau cùng, Hội đồng Giám khảo Giải văn chương Tổng thống năm 1961 đề bạt Đinh Hùng chính thức nhận giải 1- lại còn được bầu làm đại diện viết diễn từ đọc trước quan khách vào ngày Tổng thống trao giải tại Dinh Độc Lập. Và “ *gà thơ dự giải Bằng Bá Lân*” – từ “ *chuồng” Tinh Việt văn đoàn*”(Công giáo) - *chủ xị* Phạm Đình Tân ‘ *thả*” “ *gà tranh giải thơ bay vụt ra* – nhưng chẳng mấy chốc bị đánh bật ra ngoài lề một cách không thương tiếc !

Bài thơ *Kỳ nữ* của Đinh Hùng được Thế Lữ khen từ thời mới vào nghề, liệu có thể gọi là một bài thơ hay ? Thật ra thì không hay lắm, nhưng ít ra cũng làm điểm tựa cho tác giả tin khả năng thi ca bước đầu không tệ lắm đâu ! Có những câu:

“ *Có con đường sao mọc lúc ta đi
Cả chiều sương mây phủ lối ta về
Khấp vũ trụ bỗng vô cùng thương nhớ
Vì người em có bao phép nhiệm mầu
Một sợi tóc đủ làm nên mê hoặc
Ta đặt Em lên ngại thờ Nữ sắc”*

hoặc rất” *mô- nô -tôn*”(*monotonie*) , như trong” *Thần Tụng* “:

“... Mây lòng vương giả bơ vơ từ thuở suy vong nửa cuộc giao tranh sây đến tâm tình gỗ đá, kẻ phong sương, người lữ quán đã chưa kinh kỳ ảo tưởng, đã xoay nghiêng gác phấn lầu son. Từng điểm tinh anh lang thang những chiều tái tạo, bốn mùa hôn phối hiện lên thanh sắc cỏ cây, màu quân tử, nét văn khô, tuy chẳng cơn mưa móc từ bi cũng bùng nở...”

Xu hướng thơ Đinh Hùng – đó là thơ viết theo hướng hoài vọng cá nhân. Và chưa có một thi sĩ nào có thể đem cái riêng tư sâu kín phản ánh qua thơ trung thực hơn Đinh Hùng- hoặc nói một cách khác - thì thơ ông đầy tính chất thần kỳ, ma quái, ý tưởng càng quái đản, nào hồn ma siêu phách, thể giới âm ty – nhưng thơ tình yêu lại rất cuồng nhiệt cụ thể! Đôi khi thôi, đọc thơ Đinh Hùng, người đọc hình dung được trong đầu thế giới vàng son, cung ngà, điện ngọc- như phẳng phát đầu đây:

*“ Gió trăng ngự uyển buồn sâu sắc
Thử bước vào xem cung điện ma ..”*

Đinh Hùng thường bị ám ảnh, luẩn quẩn- thơ chàng thi nhân của lầu son, gác tía, xưa kia thích than mây, khóc gió – thì nay đã không còn! Bây giờ thế kỷ XX, chàng đành chấp nhận mặc bộ *complet* từ phương Tây du nhập, dần thân đời trần tục, ta bà- lại không thể dễ quên thế giới hồng hoang!

Bùi Giáng- một thi nhân rất gần Đinh Hùng qua thi ca – lại rất khác biệt với con người ngoài đời. Đinh Hùng bình thường trong đời sống nhân sinh - còn Bùi Giáng nửa điên, nửa tỉnh- riêng lần đánh giá thi tài Đinh Hùng lần này lại rất tình (*hoặc thời đoạn sống này Bùi Giáng chưa mê điên chẳng*):

“...Đinh Hùng là thi sĩ muốn khai phá một nẻo đường đưa tới thế giới hồng hoang, nơi đây con người trút bỏ hết hình hài, thể phách, tinh anh cũ; mà đắm mình trong một bầu không khí ảo huyền, trác tuyệt, đầy những sương lá phong thần. Thi sĩ quên mối lo eo sèo thế sự. Cuộc sống tủi buồn của nhân thế đã xa biết bao! Tiếng cười, tiếng khóc ở đây có những âm vang kỳ ảo: “ Trận cười tan hợp núi sông/ Còn mơ kỳ thú lạ lùng cỏ hoa / Hý trường đối lớp phong ba / Mượn tay ngụy tạo xóa nhòa bể dâu...”)

Nỗi buồn tiếc nuối thế giới hồng hoang từ thế kỷ nào vẫn lẫn quất mạnh mẽ trong tâm can Đinh Hùng - nét dị biệt khác hẳn thơ Vũ Hoàng Chương. Nỗi buồn trừu tượng mệnh mang, siêu thực cách ảo hóa, ngông cuồng vô lối, “ *sinh ra làm thế kỷ* “. Thơ V.H.C già cõi, ảo mộng, người đọc dễ nhìn được tương lai sớm lụi tàn. Còn thơ tình Đinh Hùng trẻ trung, tươi, duyên dáng, ngây thơ, sâu sắc hồn nhiên, dung dị :

*“... Trời hồng chắc má em tươi
Nước trong, chắc miệng em cười thêm xinh
Em đi hoài cảm một mình
Hai lòng riêng, để mối tình cô đơn ...”*

Phút xuất thế đối với thi nhân- tuy tác giả muốn trốn chạy thế sự đa tạp, ngổn ngang để chui mình sâu trong vỏ ốc – thi nhân sẽ không còn muốn sống hòa nhập với xã hội- nếu có- thi nhân muốn được nhìn là người từ một bộ lạc xa xôi, nay phiêu lãng về thăm:

*“ Qua xứ ma sầu ta mất trí
Thiên đi tập sách vẽ hoa nguyên ...”*

Với tình yêu- Đinh Hùng rất trân trọng- lại si mê cuồng dại tới mất trí, và chung thủy thì tới tận cùng! Tỉ dụ bài” *Gửi người dưới mộ*” –nàng thơ ngoài đời tên Liên. Thời kỳ này ông đang theo học ở Trường Bưởi, Nàng Liên là mối tình đầu Đinh Hùng chăng ? Nàng qua đời vào mùa thu - khiến thi nhân nuối tiếc, nhớ thương, đêm đêm nguyện cầu, rồi khóc nàng:

“ ... *Trời cuối thu rồi em ở đâu ?
Nằm bên đất lạnh chắc em sầu
Thu ơi ! đánh thức hồn ma dậy
Ta muốn vào thăm nắm mộ sầu
Em mất về đâu, mộng về đâu ?
Đêm đêm ta nguyện với ta cầu.....* “

Ở một tác phẩm văn xuôi khác” *Đốt lò hương cũ*”(Saigon 1971- Nxb *Nhân sinh* thâu thập từ nhiều bài viết trên các báo cho xuất bản (sau khi tác giả đã qua đời)- tác giả nhớ bạn văn thơ qua đời trước ông, với bài mang tựa:” *Gửi người bạn bên kia trần lụy*”:

“ *Cái tin*” cả bấy văn tinh tới nay tụ họp tại nhà Bạch Liên “ (không biết có phải Bạch Liên và Liên” mối tình đầu Đinh Hùng” là một chăng?) – với những tên tuổi như Nhất Linh, Khái Hưng, Thế Lữ, Thạch Lam vv...”Thâm Tâm, Vũ Trọng Can, Tô Ngọc Vân, Lê Văn Trương, Vũ Xuân Tụ vv... (*thời tiền chiến*) và Chế Vũ (Hồ Xuân Tịnh), Quách Thoại vv.. (*thời hậu chiến*) .

Theo tôi, một bài thơ viết theo lối” *thơ xuôi*”- bài “ *thơ xuôi duy nhất của Đinh Hùng*”- là “ *Hoài niệm*”. Có thể nói không sợ làm, “ *thơ tự do Đinh Hùng*” có ý tưởng thật phóng khoáng, lối diễn đạt không theo qui luật nào- mà cả đời thơ Đinh Hùng chỉ làm theo qui luật có sẵn :

“ (.....)
... *Bạn là người chung tình
Gần nhau không hẹn
Lòng giữ nguyên hương hoa bình minh
Bên đèn tâm sự
Bạn với tôi như đôi hình viễn xứ
Đôi bóng phù du
Không dung mà thương nhớ
Không đâu mà ngăn ngại
Rủ bướm chim theo vào giấc ngủ
Thả sấu trên con thuyền mây đưa
Trời giăng sao tỏ
Đêm mùa thu
Cửa phòng tôi bỏ ngõ
Giấc mộng tôi hững hờ
Ta biết giăng buồn ngày ta còn nhỏ
Ai biết ta buồn vì lòng ngây thơ ?
Nhìn cuộc đời
Tin rằng hạnh ngộ
Bạn yêu giăng và tôi yêu gió
Cười nụ cười đơn sơ...”
(.....)*

(**Hoài niệm** bày văn tinh)

Đinh Hùng qua đời lúc 5 giờ sáng 24 / 8/ 1967 tại *Nhà thương Bình dân*, và trước đó vài ngày, tôi có ghé lại thăm. Đinh Hùng ngồi trên đệm chiếc giường một, bụng trương to chẳng khác

thiếu phụ ôm bụng trống sữa soạn lâm bồn. Bệnh nhân được chuyển tới bệnh viện Bình dân - nhờ bác sĩ Phạm Biểu Tâm đích thân lái xe hơi đưa từ Bệnh viện Cộng Hòa sang đây, để chính bác sĩ giám đốc chăm sóc, theo dõi tình hình sức khỏe Đình Hùng.

Giáo sư bác sĩ Phạm Biểu Tâm rất tốt, hào sảng, có lòng với bạn văn chương, không chỉ với Đình Hùng mà thôi. Bảy năm trước, ông là bác sĩ điều trị ung thư gan cho chủ soái Nguyễn Đức Quỳnh (*nhóm Hàn Thuyên tiền chiến*) một cách tận tình.

Tôi còn nhớ như in- gặp tôi, anh hỏi:

- ...bao giờ ông vào Không quân ? nhớ là ngày đầu tiên mặc bộ đồ *treilli*, thì nhớ vào trình diện tôi đầu tiên nhé !

Giọng the thé- chỉ Đình Hùng có -mà không thể lẫn bất cứ ai - từ âm vang, tiết tấu, giọng điệu, kể cả lời giới thiệu ' *chủ soái Tao đàn*' (tôi thường nói đùa đùa cợt: " *tao đàn, mày hát, nó nghe*"- đến lần đầu tiên tôi vô Saigon (*trước 4 ngày Điện Biên phủ thất thủ*) –chúng tôi cùng vào sân nhảy " *Lệ Uyên*" nằm trên đường Tổng đốc Phương (Châu Văn Liêm, quận 5 bây giờ)- vẫn là giọng the thé Đình Hùng vang lên mừng rỡ gặp " *cô ca ve quen*". Đình Hùng người nhỏ thó, mặc *complet* khiêu vũ, như cuộn tròn muốn bay lên, thì cô vũ nữ kèm lại. Hình như lần ấy Thái Thủy rủ đi, lẽ đương nhiên " *nhân viên trong ban Tao đàn chỉ 'địa'* !

Lại nhớ tới ngày đầu 1965 ngồi trong Câu lạc bộ *Trại Huấn luyện Cát Lở* (Vũng Tàu) – thì đâu đây tiếng Đình Hùng giới thiệu ;" ... *chương trình " Tao đàn" bữa nay giới thiệu cô X (tôi quên tên ngâm sĩ)* với *bài thơ " Soi gương" của Thế Phong* ". (bài lục bát đăng trên tạp chí " *Tân Phong*" – Nguyễn Thị Vinh chủ nhiệm).

Vẫn là giọng the thé dễ nhớ của Đình Hùng sau 11 năm.

Có một lần nữa, tôi đến phòng anh chị thuê ở trên lầu 1- số 7 Trần Văn Thạch, Tân Định, Saigon 1 – (*nay là Nguyễn Hữu Cầu*). Từ phòng cuối dãy lầu 1, anh thông dong đi bộ ra tiếp tôi, dáng điệu bơ phờ, vì chưa đủ " *củ thuốc*" (thuốc phiện). Cầm theo tập thơ " *Đường vào tình sử*"- lời đề tặng ký từ 1961(năm anh được Giải thưởng thơ Tổng thống VNCH)- " *bản Liên Tà*" nét chữ " rỗng bay phượng múa' điệu nghệ- đặc biệt " chữ *đề tặng ...* (mực màu đen) *Thế Phong* (mực mực hồng) ".

Đài Phát thanh Saigon loan tin Đình Hùng qua đời- bạn văn đi đưa tang Đình Hùng gần như đông đủ- nhưng thiếu " *tên Thế Phong*" mặc đồ lính Không quân đang " *ắc ế*" bài học quân sự căn bản.- không dám mạnh miệng xin cấp trên cấp phép xuất trại để đi đưa Đình Hùng tới nơi an nghỉ cuối cùng! Không biết " *nhàng Hoài Diệu*"- bữa nào mà anh đón vào một chiều thứ 7 - trước cửa nhà số 38 Tú Xương, có mặt đưa tiễn không đây ?

Tạp chí *Văn* (*N.Đình Vương chủ báo- Trần Phong Giao thư ký gom bài*) ra mắt một số đặc biệt về Đình Hùng. Gồm nhiều bài chiêu niệm: Bằng Bá Lân, Vũ Hoàng Chương, (*2 bài diễn thuyết các ngày 8/10 và 8/12/ 1967 / Saigon*), Mai Thảo, Trần Tuấn Kiệt, Thanh Nam, Thái Thủy, Kiên Giang_ Hà Huy Hà, Cao Tiêu, Huy Quang, Phan Lạc Phúc, Văn Quang, Tô Kiều Ngân, Tiểu Nguyên Tử vv... Chỉ một bài báo (*potin*) ngắn của Dương Tấn Trương là " *giá trị nhất*"(theo tôi mà thôi). Luật sư Trương viết báo, qua bút danh Tiểu Nguyên Tử từng sống ở Hà Nội , khoảng thời gian *Tự lực văn đoàn* hoạt động báo chí, văn chương rôm rả (1932-1942) – thì luật sư Trương quen biết nhiều bạn văn như Thế Lữ, Khái Hưng, Tchya, Lãng Nhân vv. mà lại không biết Đình Hùng."...*Đình Hùng nổi tiếng về sau. Và sau ngày di cư, dân chúng miền Nam mới biết được thi sĩ Đình Hùng, qua Đài Phát Thanh.(...) Giọng ngâm hơi ngọng – vì lưỡi hơi ngắn, nhưng tứ thơ dồi dào, lời văn ngọt ngào, khiến cho tất cả thính giả, nghĩa là toàn dân đều biết Đình Hùng. Tiểu Nguyên Tử chỉ quen với Đình Hùng sau này, vì Đình Hùng bị chủ*

đất đưa ra Tòa, đòi dỡ căn nhà lá một chái của nhà thơ. Đinh Hùng nhờ một luật sư thân với T.N.T. như bóng với hình, bênh vực. Và sau khi luật sư thành công, Đinh Hùng trả công, bằng một bức tranh vẽ... “ cái xóm nhà lá ấy”, do một bạn họa sĩ tạo nên, theo lời yêu cầu của thi sĩ. Bức tranh ấy hiện đang còn được treo tại phòng giấy luật sư, ngay cửa chánh. Rồi lại hay tin Đinh Hùng bệnh nặng, Đinh Hùng chết. Và là một đám tang long trọng...(…) Ở xứ người, một thi sĩ ở trong địa vị của Đinh Hùng, nghĩa là chẳng những nổi danh vì một tập thơ, mà lại còn... nổi tiếng qua Đài Phát Thanh – như “ Jean Cocteau” chẳng hạn - đã được giàu có trong lúc sống. Và sung sướng trọng đãi từ ngày nổi danh cho đến ... mấy chục năm sau ngày chết. Xứ ta, thi sĩ hữu tài chỉ được trọng đãi sau ngày chết.... Nhứt là nhờ ngày chết ấy lại lọt trong thời kỳ bầu cử”

(nhật báo” Dân Chúng “ số 1004/ngày 4/9/1967).

“ Và quả thật khi già từ cuộc đời- thì ra đi chỉ một mình- tất cả để lại sau lưng, có ai mang theo được gì! Tôi lẩm nhẩm mấy câu thơ nhớ được- từ” *Hoài niệm*” dành tặng “ *văn tinh Đinh Hùng chữ của Đ.H.- TP chú thích*) – ngay ở bãi cỏ quân trường - nơi lính tráng bị cấm trại 100% -dịp bầu cử Tổng thống VNCH (1967)- liên danh Nguyễn Văn Thiệu & Nguyễn Cao Kỳ:

“... *Mộng cung tần*
Xoay nghiêng mặt gối
Ai cười? Ai nói? Ai xênh ca
Lênh đênh nước biển trắng nhòa
Những vì sao lạ đã xa xuống gần
Trời buồn giáng điệu giai nhân
Trái đất xoay vần - đứng lặng mà nghe
Rạt rào sóng nhạc pha lê
Đêm tàn, núi đổ - Ra đi một mình ..”

Saigon 1997.

(30 tết Canh Dần, chuẩn bị đón tân xuân Tân Mão - sao nhớ Đinh Hùng lạ thường !)

**Tựa Đoàn Thêm” In Trong “Đường Vào Tình Sử
“Đinh Hùng
Thế Phong**

Kính gửi thi sĩ Đinh Hùng,

Ông bạn có cho xem bản thảo tập thơ ‘Đường vào tình sử’ và tôi đã trình bày qua thiên kiến. Song ông bạn còn muốn tôi ghi rõ ra, để tiện bề ngẫm lại.

Tôi nghĩ thế khác nào phê bình, mà phê bình theo tôi, cần dành cho những nhà văn chuyên trách nghiên cứu, chứ không phải là công việc của những người cùng sáng tác, nhất là khi hai đường lối làm thơ không giống nhau, rất e nhiều phần chủ quan bất tiện.

Vả chẳng, tôi đã đọc kỹ, ngay trên các trang đánh máy, khuyên tròn, sổ ngang, hay gạch bằng bút chì đỏ xanh để lưu ý tác giả, như vậy tưởng đã đủ phận sự một bạn đọc với tất cả sự thận trọng cần thiết để xét một tác phẩm.

Nhưng ông bạn còn bảo: chính vì thấy đọc kỹ nên mới đòi hỏi, và mặc dầu đã như trên, chỉ có nhận định về chi tiết, còn thiếu về đại cương toàn thể; vả lại, có chịu viết ra hộ, thì mới cần nhắc nhở thận trọng ý, chứ không hời hợt gọi là, như khi nói chuyện qua loa.

Từ chối làm sao bây giờ? Thôi thì đành hạ bút, với sự dè dặt của người hàng quan niệm phê bình như một ngành văn học rất cao, chứ không thể là sự phán đoán táo bạo của bất cứ ai cầm sách đọc. Dù sao, nhìn rõ được đến mức nào, với tư cách một độc giả, cũng xin trình bày để tùy ý ông bạn xét.

Tôi còn nhớ khi trao tay cho tôi tập thơ này, ông bạn vừa cười vừa bảo: “Đây là loại thơ tình, có xem thì xem...”. Xem lắm chứ, nhưng vì sao tác giả đã thốt ra câu đó? Ngụ ý, là e ngại rằng tôi coi thơ tình không hợp thời, hoặc không hợp với sở thích của tôi, bởi vì khi tôi làm thơ, bạn biết tôi thường tránh nói thẳng về tình ái. Ông bạn đã xác nhận, thì tôi phải đính chính.

Lỗi thời, hợp thời? Một vấn đề làm nhức óc kẻ sáng tác. Song đối với riêng tôi, và như có dịp trình bày trên một tạp chí, hợp thì càng lợi cho tác giả, không hợp thì chưa chắc đã hại gì đến giá trị tác phẩm. Nhiều tranh vẽ của Monet, của Cézanne, của Matisse, của Picasso, khi mới trưng ra, đã bị công chúng và các nhà phê bình mạt sát đã kịch: nhưng cách đó một vài năm hay một vài chục năm, các vị trên lại được ca ngợi và họa phẩm được đấu giá hàng mấy trăm triệu quan mỗi bức. Ngược lại, có nhiều tác phẩm, tưởng là bị loại bỏ rồi, mà vẫn được các giới trí thức ưa chuộng, tỉ như kịch của Shakespeare. Vậy ông bạn không nên băn khoăn, chúng ta chỉ biết sáng tác bằng tất cả tâm hồn ta, giá thử tâm hồn đó đã được đào luyện theo nếp bị coi là cũ, thì đổi đề tài hay kỹ thuật cũng chỉ gượng gạo; và ngược lại, nếu tâm hồn ta được đào luyện theo các phương pháp mà có người cho là tân tiến, thì ý và lời ta muốn có vẻ khác, cũng chẳng thể dối ai. Tầm nhà thơ hay ông kéo mật, có biết là hợp thời hay lỗi thời đâu? Ta có mật, tuy đã có từ mấy ngàn năm nay, nhưng điều tốt đẹp, vẫn không thiếu người ưa.

Còn tình yêu mà ông bạn ca hát, đâu có lỗi thời? Chất sống của con người mất làm sao được? Có lẽ ông bạn ngại vì có người bảo: đương ở giai đoạn tranh đấu cho cuộc sống còn của dân tộc và nhân loại giữa lúc cần” nói lên” những thắc mắc và giải quyết những vấn đề con người thời đại “ vv... sao vẫn yêu đương vớ vẩn và say sưa mộng đẹp? Không bàn cãi vì ngại lạc đề, tôi chỉ nhìn nhận khách quan một sự hiển nhiên: hiện nay vẫn chẳng có tiểu thuyết nào hay, phim điện ảnh nào hay, mà hoặc không có tình hay không có người đẹp. Bỏ tình đi, đuổi hết người đẹp đi, vô số nhà xuất bản và các rạp điện ảnh sẽ đóng cửa: chẳng lẽ cho vỡ nợ cả. Tôi cũng tự hỏi vì sao hôm nay có phim ái tình kỳ kỳ thì hàng ngàn người gia trẻ trai gái chen chúc lấy vé, ngay ở những thời kỳ bom đạn 1942-1945.

Vậy tôi thiết nghĩ ông bạn cứ tùy ý chọn đề tài, hay đúng hơn cho nhà thơ, thì cứ theo cảm xúc riêng đưa đẩy tới những điều vẫn hòa hợp với đời sống nội tâm, nếu tình yêu là chất đẹp dồi dào mạnh mẽ nhất của đời sống đó: chẳng lẽ tôi làm, khi đã theo dõi dòng thơ của ông bạn chan chứa qua hàng trăm bài, nhất là từ” Mê hồn ca “? Tôi vẫn biết hiện nay một số nhà thơ đã tìm nguồn mới, ở cảnh vật nhìn theo những đường lối mới của nhỡn quan; hoặc những khu vực khác của linh hồn, trong thâm tâm u uẩn, hoặc những xúc động của thời đại, và tôi cũng không mong gì hơn là nhà thơ Việt Nam dần bước đến những miền bao la đó, thì tứ thơ của ta mới phong phú như của thi nhân Âu châu. Song chính ở Pháp, tôi thấy nhà thơ, tuy đã ngao du ở nhiều non nước lạ, cũng vẫn thiết tha với người đẹp, hoặc chưa dứt được yêu đương. Trong hai cuốn hợp tuyển toàn những thơ tình vừa xuất bản năm 1955 “ Anthologie de la Poésie amoureuse” của Georges Pillement có cả những nhớ nhung thao thức của Paul Valéry, Paul Claudel hay Marie-Noel là những thi nhân thiên về triết lý hoặc tín ngưỡng cao siêu, chớ không kể xiết những người như Aragon thất thanh kêu gọi nàng Elsa?

Cho nên tất cả vấn đề ở đây, không phải là cứ làm thơ tình hay không nên làm nữa, nhưng là diễn tả thứ tình chi, với lời lẽ như thế nào, và làm sao rung động được, sau khi mặc khách tao nhân từ mấy ngàn năm nay đã cho chảy bao nhiêu suối mực, tràn bao nhiêu lớp sóng nước

mắt vì mỹ nhân và tung ra bốn phương trời bao nhiêu luồng gió “ phong tình”? Vậy thì tình của ông bạn có những đặc tính gì ? Tôi không dám đòi hỏi những sự tân kỳ, vì đã yêu thì con người nào chẳng nhớ nhung, thương tiếc, sầu, ghen, giận, tủi, khóc, cười... Tôi cũng không dám đòi hỏi như nhiều bạn khác, rằng thi nhân phải nói hộ bằng lời đẹp hơn của tôi, những tình cảm mà tôi không diễn tả nổi. Vì tôi trọng tự do của mỗi con người, xin để cho mỗi người sáng tác cảm xúc theo cá tính và hoàn cảnh riêng biệt của người ta trước hết; rồi nếu hợp với tôi, thì càng tốt cho tôi; ngược bằng không nói hộ gì cho tôi, thì cũng chẳng sao. Cần nhất là họ hãy nói ra cho đẹp những gì của họ đã. Nếu không thể, thì tôi sẽ mắc lỗi độc đoán, kiêu căng ép buộc người ta phải hợp với tôi hay sao. Nhưng tôi lại xin đặt vấn đề nội dung và văn thể như sau, vì tôi muốn đòi hỏi gắt gao hơn ở một thi nhân có tên tuổi: thi nhân yêu với ánh sắc chỉ mang bóng dáng Đinh Hùng, với lời lẽ gì gọi ra được những ánh sắc đó?

Thường khi đọc thơ tình, cũng như nhiều bạn, tôi hay tò mò tự hỏi : người đẹp ở đây là ai, đã có chuyện với tác giả trong trường hợp nào ? Thi sĩ Lamartine có nàng Elvire, Hugo có Drouet, Vigny có Marie Dorval là nữ tài tử kịch trường đi lại lâu năm... Vậy thì giai nhân của Đinh Hùng người ở đâu ta, gặp gỡ bao giờ, hay ít ra tên họ là chi ?

Phải chăng là cô Tần Hương mặc áo hoa vẽ bướm, đã khiến thi nhân tơ tưởng, khiến:

*Chàng nhật từng cánh hoa
Giữ từng con bướm ép ?*

Không, đó chỉ là hình ảnh lơ mơ trong đầu óc người thiếu niên đương tuổi bồng xuân, áp ủ “ Giấc mộng ban đầu” cũng như bóng dáng phơ phất qua đường với:

*Cặp má nào phơn phớt ánh phù dung
Đâu là lướt mái tóc dài sóng gợn ?
(trong bài “ Khi mới lớn”)*

Hay là cô nhỏ ngây thơ còn trèo cây khế, vin hái quả xanh bên tường ? Không thể vì lại thấy em khác trong “ cảnh” “ Da hội” từng bừng cho say mê chốc lát, để rồi thi sĩ thở than”

Ta chọn nhành hoa, lẫn ái tình

Nếu cứ dò la như vậy thì đọc hết hàng mấy trăm câu cũng chưa tìm ra ái với dung nhan và tính tình rõ rệt. Khó lắm, chúng ta có kiên tâm thì cũng chẳng hài lòng, chỉ như Lưu Thần, Nguyễn Triệu trở lại tìm tiên mà chỉ thấy khói mây nghi ngút .

Tôi đọc nữa và ngẫm lại. Thôi phải rồi. Người đẹp của Đinh Hùng không phải là con nhà họ Trần ở Hà Nội hay họ Lưu ở Saigon. Đâu phải người cõi này ? Nàng là “ Em Huyền Diệu” , là “ Nữ Chúa Sầu”. là “ Công Chúa Si Mê”, là “ Sầu Hoài Thương Nữ”, nàng

*.... tự ngàn xưa chuyển bước về
Thuyền trao sóng mắt dân trắng đi*

Dĩ nhiên nàng đẹp, nhưng với những dáng vẻ thấp thoáng của con người xứ mộng. Nàng ẩn hiện biến hóa khôn lường. Có lúc nàng mượn hình ở “ **Lam tuyến viễn mộng**”

*Nép mặt hoa rừng mưa giấc ngủ
Ngàn thương mái tóc xoắn như mây
Có khi, nàng là thiếu nữ chờ yêu nũng nịu
Hồng lên má phấn hoa bồng tình*

Xuân với em vừa lá tóc xanh

Buổi khác, nàng nhập vào mỹ nhân bên hàng xóm, gió hiu quạnh rung phím dương cầm:

*ôi mắt xanh, mày lặng, áng mi dài
người khuê nữ tóc buồn như suối chảy*

Những đêm trăng, khi lòng chàng thao thức nàng rón rén đến gần bên:

Tuyết rợn làn da bóng nguyệt trôi

Lại có lần như người kiếp trước, nàng lặng lẽ đến trong giấc ngủ canh khuya:

*Em đến mong manh góc ngọc chìm
Tàn canh hồn nhập bóng trăng im*

Rồi chán làm cô gái nhỏ leo cây khế, hoặc cô vũ nữ một đêm vui, hay cô Tần Nương nào đó, nàng hóa thân ra tất cả các cô em xinh xắn ngây thơ

Các em đi tha tuốt áo màu hoa

hoặc:

*những nàng như liễu mắt xa xôi
để thi sĩ ngẩn ngơ say tỉnh*

Chàng đã sống với nàng ra sao ? Rất thiết tha, đắm thắm: lúc " kể chuyện lòng" hay " tư tình dưới hoa ", lúc " gắn chặt lời thề trên gối" hoặc cùng hòa nhịp ân tình dạ khúc... Chàng kêu gọi " xin hãy yêu tôi", say sưa chỉ vì một tiếng em, có bận" hờn giận nhau rồi tình lại mới" , chàng đã từng được hưởng cảnh "ấm cúng, trong buổi" xuân "ấm hương rùng", ở giờ phút mở lòng đón " hy vọng chiều xuân". Nhưng rồi cũng như bao khách si tình khác, phải chia phôi thương nhớ" gặp nhau lần cuối" trải qua đêm chớp bể mưa nguồn, bơ vơ trên đường khuya trơ bước, dù sao cũng " lạc hướng Mây Tần"(*). (* :- những chữ" trong ngoặc" lấy ở đầu đề các bài thơ của Đinh Hùng"- Đoàn Thêm chú thích.)

Điều rất đáng chú ý, là tuy họ yêu nhau, chàng thiết tha vô cùng, mà nàng thì ngay trong những giờ phút gần gũi, xem chừng không đủ đắm thắm để đáp lại mối tình sâu xa, sôi nổi, day dứt của chàng.

Chàng đón chờ từng nụ cười, khoe mắt, làn hương trên tóc, một lời êm ái, một bước đi

*Chừng nghe qua bóng lá xanh
Có chân ai lặng bước nhanh trong sầu
(Thúy mặc)*

Chàng băn khoăn thăm dò từng ý nghĩ, từng rung động của nàng và mỗi khi gần nhau, mong muốn nàng cũng xao xuyến như về mọi cảnh mọi sự "để" hai linh hồn vào chung một mộng / hai bóng người làm một bóng trôi" (**Sâm Thương sâu nhạc**). Cho nên, chàng phải gạn hỏi rất nhiều

-Em đã cho lòng thương nhớ chưa?

*Khi chiều sương bạc ánh saot hưa
-Em có vì thu gieo lệ không ?
(Lạnh mùa đông cũ)*

hoặc:

*-Em hiểu rằng tôi yêu đến đâu
Khi trắng sơ ý xé ngang đầu
Hồn đêm chợt thoáng qua làn mắt
Tôi ngẩng nhìn em một thoáng mau*

hoặc:

*-Em muốn đôi ta mộng chốn nào ?
Ước nguyện đã có gác trăng sao...
(Tụ tình dưới hoa)*

Lúc vui cùng hỏi, lúc buồn cũng muốn biết, nghĩ sao :

*-Em trở về đây để nắng hồng
Hồn xưa còn đẹp ý xưa không ?
(Buồn xưa)*

*Thu về em đã gặp thu chưa?
Giải nước trường giang lạnh mấy bờ ?
(Nụ cười thương nhớ)*

Nhưng Nàng cứ im lặng, đôi khi nở nụ cười, nhiều lúc ngả bóng mi sầu, chẳng thấy trả lời một câu, dầu chàng năn nỉ hết lời: muốn biết dĩ nhiên cần nghe nói, và cứ lặng thinh thì thông cảm làm sao ?

*-Nói đi em, từng ý nhỏ mà say
Từng rạo rức cánh lòng hoa đương mở
-Nói đi em cho từng mảnh sao rơi
Từng vũ trụ tắt dần trong lòng ngực*

Hay là chẳng lên tiếng, thì ít ra cũng biểu lộ tâm tình bằng cách khác:

*- Em hãy cười như thuở mới quen
Trời xanh trao khước mắt như thuyền
Em hãy nhìn như thuở mới say
Màu xuân tô nét nắng đôi mày
(Hy vọng chiều xuân)*

Van lơn mãi, cũng vậy thôi, “ anh nhìn em như chiêm ngưỡng một hành tinh,” (**Đường vào tình sử**) song “Em nhìn lơ đãng biết bao nhiêu !” (**Truyện lòng**). Kết cục, là anh đau khổ vì không thỏa dạ:

Khát vọng còn nguyên lửa cháy rừng
(Lời thề trên gối)

Trước tình trạng đó, ai có thể hành động khác thi nhân, nghĩa là chẳng ôm hận ra đi, mặc dầu vẫn yêu:

*Từ buổi ấy, mê một làn hương quý
Tôi ra đi chưa biết sẽ về đâu ?
(Giáp mặt phù dung)*

Mà có muốn tìm an ủi chốn khác, cũng vô ích, và chỉ:

*thấy quanh đây toàn xác thịt âu sầu
toàn những dáng hoa phai buồn ủ rũ*

Vì khát vọng của nhà thơ đâu phải là những xác thịt, nhưng là một tâm hồn bạn, một tâm hồn vừa chan chứa yêu thương, lại vừa cảm thấy được tất cả nỗi lòng thi sĩ với bao nhiêu hoài mệnh mang trước những bóng vang huyền ảo của tạo vật, những uẩn khúc vui buồn nhớ tiếc từ dĩ vãng tha về con người hiu quạnh trong hiện tại và âm thầm chờ đợi tương lai. Lạc bước đi tìm lại hạnh phúc của những ngày vui không còn nữa:

*Dòng sông bơ vơ tìm dĩ vãng
Thuyền trôi bang khuâng về tương lai
(Hòn giậu)*

*Và lời gió cùng run cùng cánh bướm
Em không thấy u hoài như sóng gợn
Tự lòng anh rung lại mấy thanh âm
(Tiếng dương cầm)*

*Ngày xưa bướm trắng mây vàng
Ta sống trong vườn tiên giới
Bây giờ lạc xuống trần gian
Tôi đi tìm Bồng lai mới
(Linh hồn Hoài Điệp)*

Nỗi cô đơn trước cuộc đời và vũ trụ đã giải nghĩa khát vọng yêu đương kia, và được diễn tả qua những điệu vẫn đượm sâu man mác:

*Giữa đêm lòng bỗng hoang vu
Gối chẵn nghe cũng tình cờ quan san
(Vào thu)*

*Mây bay ánh mắt trắng tà
Nắng hương cỏ dại, sương pha áo ngàn
Người đi vào giấc mơ tan
Ta soi dòng suối đêm tàn tìm nhau
(Xuân âm hương rừng)*

*Đêm tàn, núi đổ, ra đi một mình
(Hoài niệm)*

*Hồn rừng động tiếng nai kêu
Con thuyền độc mộc trôi theo nỗi buồn*

(Sóng hồ Ba Bể)

*Nhịp bước năm cung đàn ảo tưởng
Buông chìm tâm sự nửa đêm say*

(**Một tiếng em**)

Nhưng khách tình si còn nặng nợ với giai nhân, nên tuy lòng tự nhủ lòng, mà vẫn thiết tha kêu gọi, không phải để van lơn cho riêng mình, nhưng tin rằng tình yêu của mình rất cần thiết cho tất cả những ai là hiện thân của sắc đẹp muôn đời muôn vẻ, vì thi nhân sinh ra đời để ca tụng Đẹp của Hóa công, hoặc dùng thơ mà điểm tô Đẹp đó:

*-Xin hãy yêu tôi, những lòng thiếu nữ
Tôi chép thơ ca tụng miệng hoa cười
-Tôi không yêu sao có má em hồng ?
Tôi không buồn sao có mắt em trong ?
Tôi không mộng sao có lòng em đẹp ?
-Yêu tôi với, tôi làm thơ ân ái
Để yêu người và cũng để người yêu
Để các em qua từng bước diễm kiều
Trong cánh nước non tình tôi xếp đặt .*

(**Xin hãy yêu tôi**)

Như thế, nghĩa là thi sĩ vẫn yêu, không phải là yêu một người, nhưng yêu đời, yêu sắc đẹp. Cứ như thế mãi, hoa vẫn nở vẫn tàn, nước vẫn chảy, sông núi vẫn im lìm, giai nhân vẫn lặng tiếng; nhưng Đinh Hùng vẫn yêu như đã yêu từ muôn kiếp trước rồi “hóa thân vào nét chữ cuồng si”. Chẳng biết sau khi nhận xét như trên, tôi đã thấu đáo hồn thơ của ông bạn chưa ? Dù sao, tôi đã hết lòng tìm hiểu được phần nào xin trình bày ra phần ấy.
Chắc ông bạn còn muốn biết ý kiến tôi về lời thơ.

Như tôi thường thưa chuyện với ông bạn, thiết nghĩ lời thơ phải tùy tứ thơ, chất thơ, là phần cốt yếu. Đã là tình yêu, thì không cần gọt rửa như khi khách quan tả cảnh, hoặc dùng những chữ mới lạ như khi muốn gọi những thắc mắc hoang mang; nhưng trái lại, lời phải thốt ra từ đáy lòng, càng sát bao nhiêu càng hay bấy nhiêu, thành thực của ý hiện ra bình dị của lời.

Về điểm đó, tôi nhận thấy ông bạn đã thành công ở nhiều bài nhiều đoạn và những câu mà tôi đã trích ra không những có tính cách dẫn chứng về nội dung, còn bộc lộ được tình cảm, có khi với âm hưởng hồn nhiên của lời ca dao thôn dã, nhưng luôn luôn có giọng đơn sơ thân mật của câu tâm sự hai người. Kể ra thì còn nhiều đoạn khác nữa, để khiến cho độc giả nhập tâm, chính tôi đã thuộc lòng những câu như:

*Tôi hết thơ hoa, mộng bướm rồi
Bây giờ lòng kể truyện lòng thôi
Bởi em mơ dáng sáu đôi chút
Tôi mới băng khuâng ngỏ mấy lời.*

(**Truyện lòng**)

Tả tình như vậy, tả cảnh cũng có một đặc sắc: cảnh ngấm qua tình, tình hợp với cảnh, hay chỉ mượn cảnh tả tình ? không thể phân biệt rõ, nhưng chính vì thế mà cảnh không bao giờ khó khăn, lúc nào cũng đượm vui buồn; nghĩa là cảnh có hồn vậy

...Còn nhớ tới bây giờ

*Những buổi trưa hè, tiếng võng xưa
Câu chuyện đêm trường bên giếng nước
Tiếng buồn, ai hát giọng đờ đờ ?
(Lạc hướng Mây Tần)*

Nhưng đơn giản không phải là thiêu thú vị, và những thi ảnh gợi ra bằng vài nét, nhiều khi thấp thoáng như bóng vang hay những cảm giác êm dịu, vì ngả về sâu, và được buông theo những vần điệu nhẹ nhàng:

*Em về rũ tóc mưa sa
Năm canh chuốt ngón Tỳ bà khói sương
(Vào thu)*

*Lá xanh che khuất đường trưa
Bóng thêu hoa nắng lụa thưa điểm vàng
(Thủy mặc)*

*Bỗng nghe lạc trận mưa ngàn đổ
Cả một mùa thu đã quá giang
(Sóng nước đồng chiều)*

Song theo tôi, đó chỉ là những vẻ đẹp rất thường gặp ở một nhà thơ nhiều năm tên tuổi.
Kính bút,

Vũ Hoàng Chương: “Thơ Ta Chẳng Viết Cho Đời...”

Năm sinh đúng của Vũ Hoàng Chương là 1915; nhưng trong khai sinh đề ngày 5/5/1916 tại Nam Định. Và tính theo âm lịch, ngày 4 tháng 11 năm Ất Mão. Chính quán làng Phù Ứng, tỉnh Hưng Yên. Đậu Tú tài Pháp xong ra làm Sếp ga. Tác phẩm xuất bản từ 1940 đến 1975 trên dưới 20 cuốn, có tác phẩm đã dịch ra Pháp, Anh, Đức ngữ. Về thơ : Thơ Say (1940), Mây (1943), Rừng Phong (Saigon 1954), Hoa Đăng (Saigon 1959), Tâm tình người đẹp (thơ viết lối “Nhị thập bát tú” (Saigon 1961),” Trời một phương” (Saigon 1962) ... kịch thơ :” Vân Muội” (1942),” Trương Chi”, “Hồng Điệp” (1944), về văn xuôi: “Loạn trung bút“(Saigon 1970),” Ta đã làm chi đời ta” (hồi ký , 1974, tái bản , Nxb Hội Nhà văn / Chi nhánh phía Nam , Saigon 1993) , dịch sang Pháp, Anh, Đức.. :” Pòemes choisis “(Saigon 1963, tựa Simone Kuhnen d la Coeuillerie), “Nouveaux Poems “(Saigon 1970), “Communions Poems “(Anh-Mỹ ngữ),” Die achtundzwanzig Sterne “(Đức ngữ, Nxb Hamburg, 1966).

P.Mérimée, nhà văn Pháp của thế kỷ trước đã giống tiếng nói báo hiệu :” Sau đàn bà mới tới văn chương !”. Với Vũ Hoàng Chương, (VHC) hẳn là một nàng Kiều Thu nào đó đã cùng nhà thơ chia sẻ hận tình, xảy ra vào 12 tháng 6 – hình ảnh lãng đãng nàng thơ thiếu phụ kia đã ám ảnh tâm linh Vũ Hoàng Chương trọn đời thi sĩ thật đậm nét, đến nỗi VHC phải bật thành thơ:

*“ Tháng sáu mươi hai từ đây nhé
Chung đôi từ đấy nhé lia đôi
Em xa lạ quá còn đâu phải
Tổ của Hoàng xưa Tổ của tôi...”*

hoặc :

“..Kiều Thu hề Tố em ơi
Ta dương lửa đốt toi bờ mái Tây “.

“Mây” ra mắt vào 1943, chúng giám mỗi tình lỡ chàng thi nhân thất tình, khiến chàng muốn thiếu hỷ tâm can, bật thành thơ, hòng mong được giải thoát - để rồi nào có thể quên dễ dàng !
Sau này, ở “Rừng Phong” sau mười mấy năm hình ảnh:

” Tố của Hoàng ơi”
từ hư không lại trở về không hư”,
“lẽ nào mộng cả thôi ư? “

dẫn đến kết cục não lòng:
“ Người ơi giọt bể chưa dư tang điền “.
Vậy nàng thơ có phương danh “ Tố” là ai?

Theo Tạ Ty, kể lại trong một hồi ký” Mười khuôn mặt văn nghệ / Tạ Ty/ Nam Chi Tùng thư, Saigon 1970)- thì nàng Tố có hai chị em đều đẹp cả, nhan sắc dư thừa, và nhà ở trên đường Capitaine Bruisseau, gần Place Négrier. (Cửa Nam ,Hà Nội bây giờ) . Và nhà thơ chỉ yêu một nàng, yêu đơn tư một chiều - còn Tố có yêu lại không, chẳng ai tiết lộ điều bí ẩn này. Sau nàng Tố đi lấy chồng, chẳng ai có thể làm khác hơn !!

Từ tan vỡ một cách rất vô tình, lại rất hợp lý này, sau này VHC đành cưới nàng Đinh Thị Thục Oanh làm vợ. Thục Oanh là chị ruột Đinh Hùng, hơn Đinh Hùng 1 tuổi, sinh ở Manila (Phillipines) khi cha làm công chức cho Pháp đổi sang đây.

Trước 1975, tôi có gặp bà, ấy là vào một buổi ; đó là lần tôi đưa Vũ Hoàng Chương về nhà, một căn nhà nhỏ ở gần chợ Vườn Chuối (Saigon 3). Chẳng là lần ấy, nhà thơ Nhất Tuấn (Phạm Hậu, giám đốc Nha Vô tuyến Truyền thanh Saigon) mời chúng tôi làm giám khảo cuộc thi Thơ Tết của Đài có VHC hiện diện.

Sau 1975, gặp lại bà Thục Oanh nhiều lần, cũng nhờ nữ sĩ Thư Linh dẫn tới giới thiệu – từ đó, tôi cảm nhận được rằng người đàn bà làm vợ nhà thơ ấy thật phi thường , không chỉ có sức chịu đựng dẻo dai vô biên, cộng với tấm lòng hy sinh thật cao cả làm vợ một thi sĩ tài hoa , luôn luôn mặc complet bánh bao, túi rỗng vì nghiện ngập. Hãy cùng nghe lời tán dương Thục Oanh , qua Tạ Ty:

“...Ôi thật tội nghiệp cho thân phận đàn bà, đúng là: “ Thân em như giọt mưa sa !” Nàng Oanh, một người đàn bà phi thường, có một sức chịu đựng vô biên và có tấm lòng hy sinh cao cả. Trong suốt cuộc đời làm vợ VHC, một người chồng, tuy nổi danh về thi ca nhưng lại nghiện hút, gia đình thường túng thiếu. Có buổi sáng, tôi đến thăm Chương tại căn nhà ở gần phố Hàng Da (Hà Nội- TP.chủ thích) . Lúc tôi đến đã hơn 9 giờ sáng, Chương vẫn chưa tỉnh. Bà Oanh yên lặng như cái bóng, đứng chãi đầu bên chiếc cửa sổ nhỏ . (...)
–“ Ngồi chơi anh, đêm qua anh Chương thức khuya quá !”

Tôi(Tạ Ty) tìm không ra chỗ, đành ngồi xuống chiếu. Tôi nhìn Chương nằm trên tấm nệm cũ. Toàn thân Chương như dán xuống mặt nệm. Da mặt tái mét, đôi mắt mở hé trề xuống như còn muốn hút”

Người đàn bà mang tên Kiều Thu hoặc Tố- được nhắc nhở thật nhiều lần trong thơ VHC – với nàng thơ mang tên Tố- tác giả yêu đơn phương, vì vậy rất có thể chính nàng thơ cũng không thể hay biết VHC yêu mình ?!

Còn nàng Thục Oanh, vợ chính thức VHC- thì tác giả chỉ” nhắc nhở tên nàng Thục Oanh duy nhất một lần” - trong tập thơ” Hoa Đăng” mà thôi.

Trước 1950, chính xác hơn 1947- VHC rạt rào tình cảm, dễ rung động nhịp sống “ thời cách mạng” , tác giả viết bài” Nhớ về Hà Nội vàng son “- có những đoạn thơ thật mượt mà, rung động thật sự :

NHỚ VỀ HÀ NỘI VÀNG SON (*)

..” Ôi ngày mười chín ngày oanh liệt
Sóng đỏ hoa vàng khắp bốn phương
Hà Nội tiếng reo hò bất tuyệt
Vang vang bờ nọ Thái Bình Dương ?

**Ba mươi sáu phố ngày hôm ấy
Là những giòng sông đỏ sóng cờ
Nền thắm nhụy vàng hoa vĩ đại
Năm cánh xòe trên năm cửa ô**

(.....)

Ôi ngày mười chín ngày oanh liệt
Vạn ước mong dồn một ước mong
Ôi mùa thu ấy, mùa tin tưởng
Một tấm lòng mang vạn tấm lòng ...

**Lượng chừng thế kỷ thứ hai mươi
Khoảng giữa mùa thu đẹp tuyệt vời
Như thoảng Mê Giang trào sóng thắm
Hoành Sơn tân lĩnh kết hoa tươi “.**

-

(*) Trích lại từ “ Lược sử văn nghệ Việt Nam- Nhà văn tiền chiến 1930-1945/ Thế Phong . Bài thơ này trước đã in trong” Tập văn Cách mạng và Kháng chiến “(Nxb Sự thật 1947)- tôi trích đăng lại ,bị “Sở Phối hợp Nghệ thuật” (Ban Kiểm duyệt / Bộ Thông tin VNCH) cắt bỏ 2 đoạn. Tôi không còn nhớ đến nữa, tới đầu năm 1999, kịch tác gia Hoàng Như Mai (Giáo sư, Nhà giáo Nhân dân bây giờ) đọc cho nghe 2 đoạn thơ thiếu trong bài - nên mới có cơ hội bổ sung. (2 đoạn 3 và 4 in **chữ đậm**).

-

Trở lại cùng người đàn bà mang tên Đinh Thị Thục Oanh - do chính phu quân mô tả , thì:
Khi lập gia đình, chú trẻ ở luôn bên nhà vợ cùng em vợ tọa lạc tại Ngõ Bò. Nhưng VHC “ chơi chữ” gọi” Ngõ Bò” thành “ Hoàng Ngưu hạng”, và tác giả giải nghĩa:

” .. nếu dịch chữ nào nghĩa nấy thì đó là” Ngõ Trâu Vàng “. Căn nhà 5 gian lợp ngói, cửa bức bàn, hiên rộng tới 3 thước, có thể trải chiếu ngồi, nhìn ra cây ôi và giàn hoa ngoài sân; nếu hội họp để uống rượu ngâm thơ thì 20 người ngồi vẫn còn thừa chỗ. Chỉ phải cái nhà hơi tối, vì chẳng có một cửa sổ nào, lại ở vào một ngõ không được hưởng tiện nghi điện lực (...) mà

người nọ nhìn người kia vẫn mờ mờ nhàn ảnh như người đi đêm. Thục Oanh và Thứ Lang (Đình Hùng- TP chú thích) bất chấp. Hoàng đến nhập tịch cũng bất chấp luôn “.

Bạn bè văn chương đến thăm VHC hoặc Đình Hùng đều được Thục Oanh tiếp đãi khách thật chu đáo, nồng hậu, VHC tự kể :

“... Nào Chu Ngọc, Vũ Trọng Can, Lê Văn Trương, vv...Nguyễn Bính thì đi đâu một dạo, hình như vào Sài Gòn – lúc phân hồi” Kinh đô văn nghệ” là đóng đô ngay (tại đây), nằm lý (ở) Ngõ Trâu Vàng đến 1 tháng là ít ! Phải chịu Thục Oanh là một người thân nhiên có một. Bạn của Thứ Lang hay Hoàng đến, Oanh đối đãi rất thật tình. Có khi cơm gà cá gỏi, rượu thịt ê hề, có khi ăn khoai trừ bữa hay ăn cháo trắng thay cơm. Rất có thể một hôm nào đó mỗi người – chủ cũng như khách – chỉ được thưởng thức một chén cơm rang, hay một củ khoai, hoặc vừa đúng 3 thìa cháo. (...) Hoàng ưa nhắc lại (của VHC) :

- Ăn ít mới ngon ! (*)

(*) trích từ hồi ký “Ta đã làm chi đời ta”/ Vũ Hoàng Chương. Ở đây dùng bản in Nxb Hội Nhà văn/ Chi nhánh Phía Nam do Ý Nhi xuất bản, Sài Gòn 1993).

Cái thời’ chữ nghĩa bán ra tiền” thời tiền chiến rất khác bây giờ - thơ in ra còn bán ra tiền. Có tiền mới có nhiều bữa ăn thịnh soạn do Thục Oanh đãi khách, có khi kéo dài tới ngày hôm sau. Cho tới lúc” bây giờ tiền hết gạo không” thì cả hai anh em VHC và Đình Hùng phải “ hạ sơn” đòi tiền “ mãi vẫn” từ các báo đã in bài của họ:

“...Thường thường chia quân 2 ngả. Hoàng không biết Thứ Lang đã” bán” những bài tùy bút nào, nhưng về phía Hoàng thì đã” đi đứt” vở kịch thơ” Trương Chi”, rồi đến vở “ Hồng Điệp” cũng đi luôn ,cả một phần tác quyền tập thơ” Mây”. Kể ra văn chương lúc đó cũng còn có giá....”

Kể chuyện giai thoại nhà văn, nhà thơ nghèo- có khi thôi - có điều khi ngẫm về họ” như VHC tả lại- thì” vật được tặng trong ngày cưới, (kiểm lại) chỉ còn thấy đôi giầy cườm của Đỗ quân tặng, rồi tấm lụa mờ gà óng ánh của Lê Trọng Quý cho, đến chiếc vòng huyền của Lê Thanh. Nhìn lại, chẳng thứ gì đáng giá, khi quy ra tiền. Còn chú rể (VHC) thì lại ngẫm nghĩa không chán mất một tập giấy của Nguyễn Tuân tặng để viết – lại cả bút máy cũ mềm từ tay Chu Ngọc tặng; mà tất cả quy ra tiền, thật mà nói chẳng có cái gì đáng giá cả. Bởi lẽ, họ có “ sẵn cái gì thì tặng cái nấy ” cốt ở tấm lòng quý mến nhau là chính “- đây chẳng phải chuyện bịa, mà chính chú rể, thi sĩ VHC tự kể :

“...Giấy của Nguyễn Tuân thì ai còn lạ gì ! Đó là thứ giấy báo in tầm thường, ở chỗ nó được cắt thành khổ vuông, mỗi bề hai gang tay, nghênh ngang ra mặt. Cách mép giấy chừng một đốt ngón tay, Nguyễn cho in 1 cái khung là những giòng kẻ lờ mờ. Bên phía dưới khung lại có in 2 chữ” Nguyễn Tuân” –thủ bút của đương sự. Tất cả đều dùng màu xanh lá mạ, rất hợp với nền vàng....”

Trở lại với tập thơ” Mây” của VHC- đó là 1942, có ghi lại chuyện kể vui vui thế này – anh chị em văn hữu rất sốt ruột đợi thi phẩm ” Mây của VHC ra đời- kể cả một số văn hữu không mấy thân thiết với tác giả đi nữa - như “ cặp bài trùng song sinh “Huy Cận và Xuân Diệu “ Có một buổi, gã Huy Cận và Vũ Hoàng Chương rất tình cờ đụng mặt nhau ở Cổng Chéo- Hàng Lược. Chẳng biết ông Xuân Diệu đề tựa cho Huy Cận ra sao, tán ma tán mánh, bi thảm-hóa” nổi sào biển lớn, sông dài” bạn thơ Huy Cận có nổi khổ lớn lao ra sao, thì chỉ một “ Dieu seul le sait” mà thôi ! (có Trời mới biết!) – còn ngoài đời – chàng kỹ sư nông nghiệp thời Tây nhiều bổng lộc, thì làm sao Huy Cận có nổi khổ’ như biển rộng, sông dài” cho được!. Một lần, chàng Huy Cận và

Vũ Hoàng Chương tình cờ gặp nhau ở Cổng Chéo (Hàng Lược) thì cả hai, ai nấy tay bắt mặt mừng. Riêng chàng Huy Cận lại cười típ mắt, nổi hứng ngâm luôn 2 câu thơ:

“Đã lâu lại gặp Chàng Say :
“Lửa Thiêng “xin đốt cho “Mây “xuống trần.

Cứ như ý diễn từ 2 câu thơ kia , thì “Lửa thiêng / Huy Cận” đã chẳng còn giá trị gì, cứ đốt ra tro để chào mừng một thi phẩm tuyệt tác của VHC sắp chào đời vậy.

Ngâm xong, thú quá, chàng Huy Cận lôi xềnh xệch Vũ Hoàng Chương vào một hiệu phở ở Hàng Đồng, khăng khăng đòi đãi Hoàng một chầu kỳ no mới thôi ! (“ Ta đã làm chi đỏi ta/ Vũ Hoàng Chương”).

Bây giờ bàn đến “ thơ xuân VHC” sau 1954, từ khi chàng “ Say” lên tàu ‘ há mồm” của Hải quân Hoa Kỳ chở kìn kìn gần 1 triệu di dân vô Nam- từ vĩ tuyến 17 trở ra thuộc Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa- từ 17 vĩ tuyến trở vào thuộc quyền Quốc gia Việt Nam-(theo Hiệp định Genève 20/7/1954)- thì thơ xuân VHC vẫn chỉ hướng về” mùa xuân dĩ vãng” – khai bút thơ xuân hôm nay mà chỉ nhắc lại xuân qua.

Tôi cho trích lại toàn bài “Thơ xuân qua thi ca của vài thi nhân tiền chiến”(tạp chí” Văn hóa Á châu” (Saigon 1960, bài của Thế Phong) - trong đó có bàn đến thơ xuân VHC:

“...Tác giả “ Mây” , “ Say”, “ Rừng Phong”, “ Hoa đăng” vv... thơ vàng son, và kịch thơ “Vân Muội” lại “ ảo huyền”, than thở cùng mây , bay theo gió : “ Em ơi! lửa tắt bình khô rượu / Đời vắng em rồi say với ai !?” hoặc giải mộng yêu đương cũng chỉ mang sầu, thêm lụy, dầu muốn vượt qua hay từ chối- thì chẳng còn “ neo” thoát, dù quyết bỏ phương xa một dặm đường xưa, lối cũ – thì VHC vẫn” yêu một phút để mang sầu trọn kiếp / tình mười năm còn lại mấy tờ thư “ mà thôi ! . Thi sĩ đã từng nhìn lại khởi điểm con đường đã đi, trải qua bao năm, tháng, chao ôi, vẫn chỉ là ảo mộng có muốn trở về ngôi chính vị , chỉ khi nào đã từ bỏ trần giới mà ca lên : “Ta còn để lại gì không ?/ Kia nón đá lở, này sông cát bồi ! “.

Đã có lúc chán ngán đến đầu đốt tay, sàu tới đầu lưỡi giai cấp mình- VHC thử bước sang địa hạt thơ đấu tranh- đi tìm một chân trời mới cho đỡ buồn nản, cũng là cách ủng hộ đường lối chính trị quốc gia. (sau này tác giả được giải thưởng thơ Tổng thống VNCH, qua tập” Hoa đăng”)- Những bài thơ viết theo kiểu” Nhớ về Hà Nội vàng son” (1945) đến “ Hoa đăng” (sau 1954) , nhưng để mấy khi từ bỏ được ngay bản chất, và thất bại ngay ở đầu sóng ngọn nước.(“ Xôn xao hành khúc xây đời mới / Trang khúc du dương ngọn quốc kỳ” vẫn là”làm dáng văn chương, và thật đúng:” Tóc bạc má hồng mê vận hội!” quả đã muộn màng !
Con đường dò, tìm hiểu khả năng thi phú tác giả, liệu còn; hoặc đã cạn mà không hay biết ?!
Dẫn chứng đôi câu trong bài “ Thoát hình”:

“... Kia mảnh da gà đang nứt rạn
Cho tròn một kiếp chẳng phân vân
Lòng cây mấy thuở ai người biết ?
Từng khóc từng reo đã mấy lần ?”

Tuy vậy vẫn có thể đo được:

“Lòng cây mấy thuở ai người biết ?
”- hoặc trong bài “ Công chúa Paris”:

“...Rồi mỗi lần thu hội ý
Hoa đăng lại vượt Trùng Dương
Tháp lại truyền tin báo hỷ
Cưới nàng công chúa Tây Phương ...”

Ba năm trước, thi sĩ còn nhớ: “ bảy màu mây của Tháp Ngà vẫn vương”, hòa đồng biến chuyển đời riêng với cơn sóng chính trị vùn vủ: đất nước chia đôi, rời “ kinh đô văn nghệ”, vào miền Nam tìm Tự do :

“...Thuyền thơ chờ hứng lên cao
Sóng xuân lại có đêm nào nguyệt hoa
Bạc trôi từng lớp sao sa
Bảy màu mây của Tháp Ngà vẫn vương ...”
(**Xuân thanh bình**)

Thi sĩ còn đủ khả năng tìm Hội để kết “Hoa đăng”? đó là câu hỏi tác giả tự đặt cho bản thân từ 3 năm trước :

“... Thời gian có mỗi cánh chim bằng ?
Vũ trụ sang mùa tận thế chẳng?
Anh vẫn còn thơ về dăng bút
Em có còn Hoa đủ kết Hoa đăng ?”
(**Tuổi xanh**)

Thi sĩ còn đủ sức theo một đoàn thám hiểm để mơ tới đỉnh “ Himalaya-Cho-Oyu” - nhưng thi sĩ đã đạt được ước mộng của mười mấy năm xưa: mơ được viễn du theo người tình cùng về “ Kinh đô Ánh sáng”- thực tế tác giả mở mắt ra vẫn chỉ thấy mình – nên đành ở lại với thực tế :

“...Quán rượu liền đêm chuốc đắng cay
Buồn mưa, trăng lạnh, nắng hoa gầy
Nắng mưa đã trải tình nhân thế
Lưu lạc sầu chung một hương say

Gặp gỡ chùng như chuyện Liêu Trai
Ra đi chẳng hẹn một ngày mai
Em ơi ! lửa tắt bình khô rượu
Đời vắng em rồi say với ai ?

Phương Âu mờ mịt lối quê nàng
Trăng nước âm thầm vạ dậm tang
Ghé bến vào đây người hải ngoại
Chiều sương mặt bể có mơ màng ?

Tuyết xuống phương nào lạnh lắm không ?
Mà đáy lòng trắng một mùa đông
Tương tư đốt thuốc thêu canh đợi
Thoáng gió trà mi động mấy bông ?
(**Đời vắng em rồi say với ai ?**)

Mộng Liêu Trai của Bồ Tùng Linh ấp mộng lớn có mục đích” cải tạo xã hội”, kết tinh từ đời sống nguyên hình để thể hiện ước vọng- còn Vũ Hoàng Chương thì” mộng Liêu Trai cá nhân chỉ thấp

như ngọn cỏ,” như vậy sao? Nhưng VHC vẫn không nản lòng, nuôi mộng để có ngày toại nguyện, là gặp được giai nhân cùng dệt khúc “ cổ nhân kỳ ngộ”:

“...Nàng mang vòng ngọc giai nhân
Tà áo vòng gai thi sĩ
Tìm nhau đã mấy trăm lần
Mới thỏa u hoài vạn kỷ ..”
(Công chúa Paris)

Gọi là” đường thơ mới” của thi sĩ nổi tiếng VHC từ tiền chiến- bởi tôi nhận thấy rằng ít nhất “đường thơ có Công chúa Paris” làm khuấy khỏa nhà thơ yêu mến phần nào ẩn ức của bèo giạt bến mê - ít nhất hơn một lần:

“...Nhỏ neo rồi, thuyền ai xin mặc sóng
Xô về đông hay dạt tới phương Đoài
Xa mặt đất, giữa vô cùng cao rộng
Lòng cô đơn cay đắng họa dân voi !”
(Phương xa)

Chí tang bông ấy, đã:

“...Đây người thơ mộng Trang Chu
Nhẹ cánh tìm mai đỉnh tuyết
Đưa đường lên ngọn CHO-OYU
Đã sẵn mùi hương diễm tuyết !”
(Tuyết hận)

Mùa xuân trong đời thơ thi sĩ VHC, hoặc hầu hết các nhà thơ tiền chiến đều tìm nguồn dĩ vãng. Có nhà thơ nhớ tiếc kỷ niệm quá vãng của mình trong tuổi thanh xuân yêu đương , trẻ trung. Trường hợp này là VHC. Tác giả nhớ lại thuở “*Tuổi vàng*” hay “*Tuổi đá*” – một lối gọi “*thời son trẻ*”, thời mái đầu xanh có giấc mộng đẹp thuở ban đầu. Mộng đẹp rồi qua đi theo năm tháng, bây giờ nhìn lại, dễ mấy ai không luyến tiếc! Chẳng thế mà nhà văn Pháp nổi danh như Marcel Proust chỉ rất tìm dĩ vãng đã mất , qua tác phẩm coi như tuyệt bút, đó là “*À la recherche du temps perdu*” đó sao? Và ở bên ta là nhà thơ Vũ Hoàng Chương”:

TUỔI XANH

Trăng dịu từ khi gặp gió lành
Sông lam từ buổi gặp non xanh
Từ hương quen bướm trời quen đất
Em đã yêu rồi, đã của Anh.

Thuở ấy tuổi Vàng hay tuổi Đá ?
Yêu nhau ai tính tuổi bao giờ!
Gối xuân chỉ biết từ nghiêng sóng
Vấn điệu trôi dài mãi tuổi thơ.

Tuổi dầu Vàng hay dầu Đá qua
Vàng chưa ai nhạt đá ai nhòa
Trái tim vẫn tuổi Đồng trinh bạch
Thì sắc hương còn vẹn tuổi Hoa

Thời gian có mỗi cánh chim bằng?
Vũ trụ sang mùa tận thế chẳng ?
Anh vẫn còn thơ về giáng bút
Em còn Hoa đủ kết hoa đăng !

Hoa gieo ánh sáng ngập tình yêu
Bút vẽ thành Thơ giấc mộng đầu
Nắng rộng mưa dài thu một nét
Không gian còn lại có bề sâu

Lửa đôi tái thế vẫn tương phùng
Nguyên thủy nào đâu khác Cực chung !
Anh muốn dìu Em giờ Hiện tại
Nghe trăng hòa điệu nước lên cung

Hòa điệu lên cung trăng nước dậy
Xuyên ngang gió trận dọc mấy thành ?
Tuổi Thơ này với Hoa niên ấy
Muôn trước ngàn sau thăm thẳm xanh[].
V.H.C.

Một bài thơ nữa của VHC. – tôi là đọc giả rất yêu mến thơ ông- đó là bài” Nguyễn cầu”. (trong tập thơ” Rừng Phong” (1954) – bây giờ ai sẽ là người đọc lại , sau 30/4/1975 – Có thể cho chính Vũ Hoàng Chương chẳng? Giá thiết chính tác giả nghe lại , hẳn là ông sẽ thắm thía” nỗi- đau -nhục”biết chừng nào ?! Với tôi, đây là một bài thơ tuyệt tác của Vũ Hoàng Chương:

NGUYỄN CẦU

Ta còn để lại gì không ?
Kìa non đá lở, này sông cát bồi
Lang thang từ độ luân hồi
U minh nẻo trước xa xôi dặm về
Trông ra Bến Hoạch Bờ Mê
Ngân thu nửa chớp bốn bề một phương
Ta van cát bụi trên đường
Dù dơ dù sạch đừng vương gót này
Để ta tròn một kiếp say
Cao xanh liêu một cánh tay níu trời
Thơ ta chẳng viết cho đời
Không vang nhịp khóc giầy cười nào đâu ?
Tám hương đốt nén linh sầu
Nhớ quê dằng dặc ta cầu đó thôi
Đêm nào ta trở về Ngôi
Hồn thơ sẽ hết luân hồi thế gian !
Một phen đã nín cung đàn
Nghĩ chi còn mắt hơi tàn thanh âm ! []
V.H.C.

Sau 30/4/ 1975, V.H.C và vợ sống trong một phòng ở 326 Nguyễn Trọng Tuyển, quận Tân Bình, tp. HCM, do nữ sĩ Mộng Tuyết cho ở nhờ. Chẳng là trước đó, VHC được Giải thưởng

thơ Quốc gia do Tổng thống Diệm trao tặng, vợ chồng nhà thơ dự định mua căn nhà nhỏ- thì Mộng Tuyết mời về ở cho tới ngày 30 tháng 4, 1975- VNCH không còn tên trên bản đồ- văn nghệ sĩ tiền chiến ngoài Hà Nội vào Nam, với tư thế kẻ thắng trận, đầu hát ngược, mắt hếch, nhìn văn nghệ sĩ” Ngụy” miền Nam” bằng nửa con người “- thì VHC là “ *thi sĩ tiền chiến di cư vào Nam chống Cộng điên cuồng, lại được giải thưởng thơ* “ Tổng thống Ngô Đình Diệm, thời Đệ I Cộng hòa “- bị ghi vào “ sổ đen phe đối nghịch ”.

Nữ sĩ Mộng Tuyết - dù với tư cách “vợ hờ” Đông Hồ - mời các nhà thơ VNDCCH tiếp quản miền Nam (Chế Lan Viên, Xuân Diệu, Huy Cận... thì phải ? vv..) đến dự tiệc, hẳn rằng sự có mặt vợ chồng thi sĩ VHC sẽ làm mất ngon bữa tiệc, còn là một chương ngại vật, khó coi , đầu bà chủ Mộng Tuyết không thể đuổi ngay VHC đi cho khuất mắt. Nên, bà chủ Mộng Tuyết bèn lấy một mảnh giấy nhỏ, viết hàng chữ” CẤM KHÔNG ĐƯỢC LÊN LẦU “ dán ở cầu thang (phía dưới nơi trú ngụ của VHC) bởi ở lầu 1, nơi bữa đại tiệc đang diễn ra, tiếp đón các nhà văn miền Bắc” thắng trận”. Hình như tôi viết ở đâu đó câu chuyện này, và đã in trong một cuốn sách đã xuất bản, khiến tác giả “*Nàng Ái cơ trong chậu úp*” bất bình . Sau khi tôi cho xuất bản” T.T.Kh., Nàng là ai?”, bà ta có cơ hội trả lời phỏng vấn báo Thanh Niên, và mặt sất tôi thậm tệ- kể cả một cô bé đàn em của bà trong nhóm Quỳnh Dao - đó là nữ sĩ Cao My Nhân về “hùa” viết bài đòi “trảm” nhà văn cao bồi T.P .- T.T.KH, Nàng là ai?” trên báo Saigon Times (Thái Tú Hạp chủ nhiệm). Tôi được biết tin này, từ phóng viên văn học Trần Nhật Thu- báo “Văn nghệ tp. HCM” báo lại.

Tiếp theo, tướng tá, sĩ quan, cùng công chức cao cấp chính quyền VNCH bị đưa đi tập trung cải tạo dài hạn - ở các trại xa Saigon – thì VHC” được đưa vào Khám Chí Hòa ,cải tạo dài hạn tại chỗ. Vì phạm nhân thiếu thuốc phiện, lâm bệnh, đau ốm quặt quẹo, tựa hồn ma thoi thóp sống vật vờ, nên ông được trả tự do rất sớm - về nhà được một thời gian ngắn và qua đời năm 1976.

Năm 1999, Nxb Đồng Nai cấp phép “ *Chiêu niệm 4 nhà văn Sài Gòn*” : đề cập Vũ Hoàng Chương, Đinh Hùng, Tam Lang và Mai Lâm-Nguyễn Đắc Lộc” – tại “ Chương I” Vũ Hoàng Chương (1915-1976), tôi viết:

“...*Một trong 12 bài thơ di cảo của Vũ Hoàng Chương “thâu thập được từ Hoàng Tấn (tác giả” Nguyễn Bình, một vì sao sáng”- Nxb Đồng Nai 1999)cho chép lại. Cũng theo Hoàng Tấn, tác giả V.H.C làm bài thơ này còn có ý ngầm để tặng Quách Thị Hồ, người hát ca trù hay nhất Việt Nam (danh hiệu NSND), xưa từng là bạn cố tri VHC.*
(tr. 13-16, sách đã dẫn).

CHÚNG TA MẤT HẾT CHỈ CÒN NHAU

*Sáng chưa tới hẳn tối chưa đành
Gà lợn om sòm một bức tranh
Nhạc đã có tại thơ có họa
Biết chẳng ai đó mắt ai xanh ?*

*Dấu hỏi xoay quanh một cuộc đời
Sên bò trong óc máu thấm rơi
Chiều nay một dấu than buồng lửng
Đanh đóng vào xương tiếng trả lời*

Chúng ta mất hết cả rồi sao ?

Cả đến âm thanh một thuở nào
Da trống tơ đàn ôi trúc phách
Đều khô như khúc hát gầy hao (?)

Đàn mang tro đáy mà không đáy
Mắt hết rồi sao sợi nhớ thương
Tay phách từ lâu nay lạc phách
Không còn đứng mãi bên Tâm Dương

Hơi ca nóng đã tan thành tuyết
Để tiếp vào cho nó đỡ xanh
Bạc mệnh hỏi ai hoàn mệnh bạc
Đâu còn ấm nữa rượu tàn canh ?

Hay là đêm ấy Ngưu lìa Chúc
Xé nát mình ra hoen mắt ai?
Còn có gì đâu cho mắt trống
Đập lên hoang vắng đến ghê người !

Âm thanh mất hết còn chi đâu ?
Gắng gượng cho thêm hồn nhọc đau
Ba kiếp long đong ngồi chụm lại
Chúng ta mất hết chỉ còn nhau.

Sài Gòn sau 1975.
V.H.C.

Có một lần, nhà thơ Ý Nhi, Trưởng Chi nhánh Nxb Hội Nhà văn tại Phía Nam, nhờ tôi chở đến nhà bà Thục Oanh, để trả bản quyền "Ta đã làm chi đời ta" của Vũ Hoàng Chương mà Ý Nhi in - sẵn dịp, tôi bèn phỏng vấn bà Thục Oanh về bài thơ "Chúng ta mất hết cả rồi sao?" của chồng bà. Bà đồng ý ngay, đọc cho chép câu sai .(xem bài đính chính.) Rồi tôi in thêm tờ rơi , lồng vào sách "Chiêu niệm 4 nhà văn Sài Gòn" trước khi đưa phát hành.

ĐÍNH CHÍNH

Trong sách " *Chiêu niệm bốn nhà văn Sài Gòn*" có một số chữ sai, ở bài " Một trong 12 bài di cảo của Vũ Hoàng Chương (tr. 17) đã được ĐinhThị Thục Oanh (vợ VHC) đính chính vào ngày 17 tháng 7 năm 1999. Buổi ấy, tôi cùng nhà thơ nữ Ý Nhi đem sách tặng và thăm vợ nhà thơ quá cố Vũ Hoàng Chương. Chữ **in đậm** là đúng nguyên tác của tác giả.

Sáng chưa sáng hẳn tối chưa đành
Gà lợn om sòm **cả** bức tranh
Rằng **vách** có tai thơ có họa
Biết lòng ai đỏ mắt ai xanh

Dấu hỏi xoay quanh **trợn kiếp người**
Sên bò **nát** óc máu thấm rơi
Chiều nay một dấu than buồng dứt
Đanh đóng vào xăng tiếng **trả** lời

Chúng ta mất hết cả rồi sao ?
Cả đến âm thanh một thuở nào !
Da trống tơ đàn ôi trúc phách
Đều khổ như khúc hát gầy hao

Đàn mang tiếng **đáy** mà không đáy
Mất hết rồi sao sợi nhớ thương
Tay phách từ lâu nay lạc phách
Không còn đặng mãi bến Tầm Dương.

VŨ HOÀNG CHƯƠNG.

(Trích “Chiêu niệm 4 nhà văn Sài Gòn”/Thế Phong, Nxb Đồng Nai 1999- bài viết này có sửa lại).

Tam Lang-Vũ Đình Chí, cái uất (lên) của văn chương...trần truồng

Khi Tam Ích thấy” Tôi kéo xe” được tái bản , Tam Ích làm tường là ‘ con mắt tinh đời của chủ biên” Cơ sở Tự do” in ấn . Thật ra Tam Ích” khen” làm “Cơ sở Tự do” cùng chủ biên Phạm Việt Tuyển “ có con mắt tinh đời” khi thấy “ Tôi kéo xe” tái bản . Chính xác hơn,” Tôi kéo xe” được đưa vào chương trình học lớp 8 (ban trung học miền Nam), thì nhà xuất bản Sống Mới liền cho” tái bản “

TAM LANG- VŨ ĐÌNH CHÍ (1900-1986) :

“... CÁI UẤT (LÊN) CỦA VĂN CHƯƠNG... TRẦN TRUỒNG... “

Thếphong.

1.- Trong đời văn chương Tam Lang có 2 buổi mừng thọ . Nói như Tam Ích – đây là cách tôn vinh Tam Lang- Vũ Đình Chí , tác giả :”...” *Tôi kéo xe “ vẫn hay như xưa. Cho uất lên, thì cái uất cũng là rất trần truồng - altitude zéro...”*

Ngày 20-2-1971, trùng năm sinh thượng thọ. Tam Lang - Vũ Bằng , Thượng Sỹ.... khởi xướng , cùng một số bạn bè họp mặt- với sự cộng tác nhiệt tình tạp chí” *Văn học*”

(Saigon- chủ nhiệm : Phan kim Thịnh)..

Vũ Bằng : ” *Tao phùng đêm 20, tao phùng để làm gì?*”, tác giả giải thích:

“...*tao phùng đêm hai mươi, khẩu hiệu nhỏ bé ấy truyền đi từ anh em này cho đến anh em kia, tờ báo này qua tờ báo nọ trong vòng một tuần lễ, không có một lời đăng báo. . Vậy mà từ 5 giờ chiều 20-2 tới đây, anh em văn nghệ (...) đã gặp gỡ nhau đông đảo tại Nhà hàng Thanh Thế chật hơn cả một “lầu nhĩ”. Ngoài các anh em văn nghệ tiền chiến như : Lãng Nhân , Thượng Sỹ ,Phạm Cao Cung, Đỗ Hồng Nghi (Trương LinhTử, Hoàng Ly) Hoàng Lan - Nguyễn Xuân Huy , Phạm Minh Kha (Ngộ Báo)... đến Tam Ích, Trần Văn Bằng (bác sĩ săn sóc sức khỏe một số văn nghệ sĩ hậu chiến- TP chú thích) người ta còn thấy nhiều văn nghệ sĩ hiện đại như giáo sư Thanh Lãng / Đại học Văn Khoa, họa sĩ Tú Duyên...nhạc sĩ Phạm Duy...*

Gặp mặt là để chúc thọ Tam Lang vào tuổi 70.

Thượng Sỹ đồng dục tuyên bố:

“...*đó là đại hội thường niên của anh em văn nghệ sĩ còn sống hay sắp chết, đúng hơn là cảm tạ” Trời thương đến tuổi này vẫn được khỏe mạnh cả tinh thần, vật chất(...). Ấy là vì nghề cầm bút là “ cái nghề ăn gỏi sức lực thể chất và tinh thần của con người ta” vào bạc nhất, vì nhiều lý do hùng hồn nhất,: điều kiện sống của các văn nghệ sĩ trước, cũng như bây giờ “:*

“ *Văn nhân tự cổ như danh tướng*

Bất hứa nhân gian kiến bạc đầu “

...đã đành là văn nhân cũng như mỹ nhân, cũng có người sống dai; nhưng đa số thì không để cho nhân gian thấy đầu mình bạc.

Cái chết của những Vũ Trọng Phụng, Nam Cao, Nguyễn Nhược Pháp, Nguyễn Đình Lạp, TCHYA (Đái Đức Tuấn) , Lê Văn Trương chứng tỏ sự việc đó đã được phần nào ... làm nghề cầm bút thiết chốc đã năm mươi ba, tư năm nay – anh Tam Lang cùng chúng tôi đã trải nhiều buồn vui, qua nhiều biến cuộc. Anh đã góp phần không nhỏ cho làng báo, làng văn – nay đã được 70 – mà vẫn thiết tha với anh em. Thế là đáng quý !. Chúng tôi lấy làm vinh dự có một người anh em tận tụy với văn nghệ như anh (...)

Trong một bài viết khác- Tam Ích rất “ tếu”, hơi hướm hỗn xược” - gọi ba chàng văn sĩ cùng” họ Vũ” là “ ba thằng họ Vũ”- điều này hơi” lố bịch”!. Giản dị, Tam Ích-Lê Nguyên Tiệp chưa hề được coi “ đồng lúa, đồng sàng”với Vũ Trọng Phụng, Vũ Bằng, Vũ Đình Chí-Tam Lang, và chưa bao giờ được ngồi chung, viết chạ với” 3 thằng họ Vũ” kia , từ thời gọi là tiền chiến ?!

Trở lại cùng Vũ Bằng kể chuyện mừng thọ - Tam Lang được tặng một món quà thật độc đáo - ấy là Thượng Sỹ có sáng kiến đặt họa sĩ Tú Duyên vẽ bức họa- một trái đào thật lớn tượng trưng thời còn đề chôm .(có lẽ Thượng Sỹ đã nhớ “ tóc chôm đào” các em bé còn thơ ấu được cha mẹ’ cắt tóc chôm đào” chẳng ? - và bây giờ” em bé Tam Lang rất xa xưa nay đã 70). Bức tranh ấy có đủ tên , chữ ký các văn hữu tham dự buổi mừng thọ tác giả” Tôi kéo xe” vào 1971 . Có người nào đó lên tiếng nhắc Phạm Cao Cung (1913 -) – cha đẻ nhân vật tiểu thuyết Kỳ Phát xưa kia:...” sao nay anh chàng lại thu mình ngồi trong góc khuất, chẳng nói năng, chẳng tham gia xướng, họa, hay là óc bố mày giờ này chỉ có “cút” – không thể có thơ nào hay bằng nuôi ” chim cút” phải không?”

Tới lượt một chàng ồn ào nhất , đi tới đâu” ba hoa” tới đó, sao bữa nay lại” tịt ngò”- đó là Phạm Duy.

Một văn hữu trên ;

-Ca dao dành riêng cho Phạm Duy “.. văn chương chữ nghĩa bẽ bẽ / Thần”lờ” ám ảnh cũng mê mẩn đời (đúng ra “ văn chương bẽ bẽ” phải dành cho nhà văn Phạm Duy Tồn ,cha hấn mới đúng, còn hấn chỉ là” nhạc sĩ “thôi !”) - bây giờ chàng ta chỉ mê thần tiên và thần tiên mà thôi !

Một bạn văn khác hòa theo:

-Phạm Duy và Phạm Cao Cung chẳng chịu nói gì, vác” thân xác tới mừng thọ’, còn” hần phách vật vờ nơi chín suối, mười khe ?! “

Bỗng nhiên Duy phản pháo :

-Im lặng là một” bí mật”. Khi các bạn được nghe ” tục ca” của tôi sẽ rõ, chứ bây giờ sao đành ” tiết lộ thiên cơ”được !

-“Tục ca” – lấy hứng từ nguồn người nữ - “ thần”lờ” ám ảnh trở thành” tục ca” đấy thôi ! một văn hữu khác chêm vào .

-Duy tiếp:

-- .. đàn em rất thụ cảm với bài thơ của” đại ca Tam Lang ” :” sớm đầu xanh, tối đã bạc rồi!”, còn sống ngày nào còn phải tận hưởng’ của Trời cho”, chơi cho phỉ chí, kéo “ sớm đầu xanh mà tối đã bạc “ thì thật uổng !!”

-(có tiếng xì xào nhắc chuyện Phạm Duy tặng tịu “với vợ của em vợ “ - rủ ca sĩ Khánh Ngọc “sớm Nhà Bè ăn chè , trưa giữa bàn đèn hâm tục ca, tối đêm màu hồng vi vút tiếng ca tình ái” - Khánh Ngọc tên thật Lan Nam, vợ Phạm Đình Chương. – sau vụ báo chí làm rùm beng, Khánh Ngọc đành ly dị chồng , xin đi du học ở Huế Kỳ, sau lấy chồng, một Việt kiều., bỏ hát, sống rất hạnh phúc.)

Anh em văn hữu dự tiệc- rượu vào, lời ra, mỗi người mỗi vẻ, mỗi câu mỗi ý – bỗng có người lên tiếng:

.. tại sao Vũ Hoàng Chương không có mặt ?

.. chắc Vũ Hoàng Chương sợ” giáo bão can qua, lừa ám khí vào cuộc đời”, chàng ta’ tự cầm quân,” cầm trại 100 % rồi !

- có tiếng ai ngâm thơ Chương sáng tác

:

“...Ta van cát bụi trên đường
Dù dơ dù sạch đừng vương gót này
Để ta tròn một kiếp say
Cao xanh liều một cánh tay níu trời
Thơ ta chẳng viết cho đời...” (...)

Vũ Bằng tiếp:

-.. có tin tung ra, Vũ Hoàng Chương gửi thơ dự giải Nobel văn chương năm nay đây! Thơ V.H.Chương đã được dịch sang Pháp, Anh, Đức ngữ. Nào là “*Poèmes Choisis*”, “*Nouveaux Poems*”, “*Communion Poems*”, “*Die achtundzwanzig Sterne*”..

Mọi người im lặng, khi chủ xị Tam Lang rời chỗ ngồi, tới bục đọc thơ:

“*Còn bao năm nữa cái đêm tận cùng?*”

nghe sao não lòng đến vậy!

Mọi người lục tục ra về.

Tiệc mừng thọ Tam Lang- Vũ Đình Chí 70 tuổi chấm dứt.

Đèn đường đã bật sáng từ lâu!

2.-Mừng thọ Tam Lang lần hai được tổ chức tại nhà Mai Hồng Khương (*bây giờ đổi tên Trần Hồng Khương*, con gái “*thứ thiếp*”- Á Nam-Trần Tuấn Khải) tại 75 đường Lê Quốc Hưng, quận 4 .(tp. HCM) ngày 10-4-1983.

Khoảng 60 văn hữu tham dự. Khởi xướng ý tưởng là Vũ Bằng, *Giang Kim-Nguyễn Thế Bình*, Trần Hồng Khương...

Giang Kim tiết lộ:

-... với sự phân công rõ rệt. địa điểm : 75 Lê Quốc Hưng- nhà Mai Hồng Khương. Chạy đi mời là tôi, tường thuật, tiếp khách là Vũ Bằng, làm văn tế sống là Trọng Đóp- Nguyễn Xuân Tài. Việc nào vào việc ấy, chúng tôi đã thực hiện được như dự định, với số khách tham dự gần 60 anh, chị em, già, trẻ- vào một ngày” *cúp điện*” nên phân khai mạc tới 11 giờ trưa ngày 10-4-83 mới khai mạc được...”(....)

Khác buổi gặp mặt vào năm 1971 (trước 30-4-1975) - lần này có tiếng xầm xì :

“... đây có phải “*mừng thọ, mừng thiếp*” gì đâu- chỉ là vụ đầu cơ chúc thọ Tam Lang 83 tuổi thôi mà !”

Một bài viết của Trọng Đóp - đúng ra lá thư Trọng Đóp gửi Chàng Ngô (*Ngô Trọng Hiến - nguyên chủ Nhà sách, xuất bản* *Như Ý* ở Phú Nhuận trước 1975). Có đoạn viết:

“...*bàn của đệ cụ Tam Lang chủ tọa, nên anh em đều xoay quanh về tiệc thọ ngày 10-4-1983 vừa qua. Có một vị khách nhắc đến chàng Ngô – bồ ruột của cụ Tam Lang. mà sao bữa đó không có mặt ?*”

Như một cái máy phát thanh (...) Cả Tấu trả lời lý do tại sao hôm nay chàng ngô không đến ? Đệ mới hỏi Cả Tấu vì lý do gì, thì Cả Tấu trả lời:

“...*Cậu đ. biết gì ? Thằng cha đó hiện nay có đủ giấy trăm để đốt chúng mình(ngay) tại đây . (Nó) là lái giấy, lái” óc*”, cả tá con đi Mỹ, (*nhưng tại sao*) hôm nay lại không đến ? (*Có phải*) là vì ?

“*Tam Lang ơi hỏi Tam Lang*

Hôm qua tôi chủ” cả làng” nhà anh !”.

(*Nếu*) nó đến, anh em gặp(*thi*) sẽ khui ra, nên vắng mặt thì có gì là lạ ?

...-*thế làm sao lại có tin, bữa tiệc thọ Tam Lang, do’ hai tên Lã Bất Vi Vũ Bằng và Giang Kim- Nguyễn Thế Bình ” lợi dụng xác sống tác giả” Tôi kéo xe” để” bắt tí tiền còm”. Bữa ăn không đáng 6 đồng / người, (nên) Vũ Bằng cảm thấy không thể” xơ múi” gì nên “*lính*” trước (*chứ* gì ?” (....)*

*Trọng Đóp tế sống Tam Lang (anh em làng văn nhớ ra ngay - trước đây nhà thơ Tế Nhị từng có bài “*tế sống Vương Hồng Sển*.”.*

.. và dưới đây trích đoạn “*tế sống tác giả*” *Tôi kéo xe*”, dịp mừng thọ lần 2, của *Trạng Đốp-Nguyễn Xuân Tài* :

(.....)
Khi nhắm mắt ma to ma nhỏ
Rồi điếu vắn, ai có nghe đâu ?
Nên nhất tề quyết định :
“ *Phúng anh phúng sống mấy câu:*
Anh nghe chắc sẽ gật đầu nhếch môi
Rượu đế đây kính mời cụ Thủ
Hãy hưởng đi cái thú trần gian
Vững tay lèo lái làng vắn
Chừng nào đến 400 năm thì về
Lúc ấy đệ cập kê chín chục (90)
Ở trời Tây lập tức “điện” ngay ()*
Chia vui cùng đất nước này
Tiến đưa” vắn nghệ một tay hào hùng !”
“ *Giới xe kéo” vô cùng kiêu hãnh*
Đường luân hồi chuyển bánh muôn năm
Làng vắn nhớ mãi Tam Lang
“ *Làng xe” nhớ mãi anh chàng” kéo xe”*
(.....)

tháng 3.1983

TRẠNG ĐÓP

(*)*Nguyễn Xuân Tài được bảo lãnh đi Pháp, chưa đi thì đã qua đời.(T.P. chú thích)*

” *Khi nhắm mắt ma to ma nhỏ*” - ấy là nói về Tam Lang còn sống sờ sờ “ *lúc sống thì chẳng cho ăn / khi chết lại làm vắn tế ruồi !* “. *Trạng Đốp* lên án “ *ngắm*” bạn thân *Giang Kim*, và nhà văn *Vũ Bằng* tận dụng hoàn cảnh” *ăn bo bo” lại gọi là “ cao lương”, khẩu phần bo bo mỗi người , thực ra chỉ” vo viên làm được một cái bánh cỏn con đút vào miệng, ăn rồi, sao vẫn còn thòm thòm !*“.

Vậy tại sao không nghĩ ra “ *cách tế sống Tam Lang, nhà văn tiền chiến không di tản, xứng đáng vai” tiên chỉ làng vắn*”: - vừa được tiếng với bè bạn vừa “ *cấu véo*” chút đỉnh kiếm miếng cơm gạo trắng’ *cải thiện*” ?

Trạng Đốp vỗ tay ” *thợ thơ châm biếm*” làng báo Saigon- ai “ *đặt hàng chỉ nháy mắt có bài” nộp, nhận tiền “ sống” ngay*”- luôn khoe “...trong làng “ *choang*” (lính)- “ -...trên là tướng , dưới tá -đều biết danh :” ông tiên sư I (*trung sĩ 1*) *Trạng Đốp-Nguyễn Xuân Tài* đấy !”

Nhắc tới “ *tiên chỉ làng vắn Tam Lang*”- *Trạng Đốp* không thể không thể không nhớ “ *trương tuần làng báo tài danh Anh Hợp*”. Đó là một nhà báo nổi tiếng từ Hà Nội trước 1954 (thư ký tòa soạn báo” *Thân Dân*” / *Nguyễn thế Truyền* ,

“ *Dân Chủ*” / *Vũ Ngọc Các*)..người thấp bé, mặt “ *rõ*” ‘ *nghiện hút-* ở Hà Nội có vợ hằn hoi , sau di cư chỉ còn một thân một mình bệ rạc. Ký giả *Anh Hợp* nghèo, đói, quần áo rách thếch cẩu bần, “ *bạ đâu cũng là nhà*”, “ *nằm đâu cũng là giường*” – so sánh với một hành khất, thì : “ *mày mười, tao mới được năm*” thôi. !

Gặp lúc Phật giáo gặp đại nạn 1963, *Anh Hợp* bèn nghĩ kế’ tuyệt *thực phản đối chế độ độc tài Ngô Đình Diệm*” nằm vạ trước chùa, nơi phóng viên quốc tế đến săn tin - dịp may bắt gặp - *Trạng Đốp* bèn xuống bút “ *tế sống*” đoạn đời *bi đát Anh Hợp*:

“...chợt nhớ lại trước đây , đệ giữ mục “ *Tầm đại bác*” “ *báo “ Sống*”(*chủ nhiệm: nhà văn Chu Tử - Chu Văn Bình*) – có làm một bài *tế sống* nhà báo *Anh Hợp*- nhân dịp anh ta tuyệt thực trước *Viện Hóa Đạo* để phản đối nhà *Ngô* đàn áp Phật giáo. Các hãng thông tấn, các phóng viên trong và ngoài nước đến quay phim, chụp hình, ghi âm, phỏng vấn rầm rộ. Và sau đó nhà *Ngô*

phải mang xe cứu thương đến rước Anh Hạp vào bệnh viện Grall điều trị, lại lót tay 500 ngàn đồng. Lâu ngày nhớ lổm bổm bài đó như sau:

“... Nấp vào bóng thiên đàng ma túy

Hồn cổ quên tục lụy nhớp nhơ

Quên đi cái kiếp bơ vơ

Cơm nhờ nhà thổ, thuốc nhờ nhà thương

Nghe đàn áp nằm đường tuyết thực

Nhà Ngô bèn bực tức gớm ghê

Phóng viên ngoại quốc chạy về

Nào là phỏng vấn xè xè quay phim ...”

“Toàn quốc gửi tiền về giúp đỡ Anh Hạp qua nhật báo” Sống” do Chu Tử chủ trương. Anh Hạp “ấm bụng bạc”, bèn mời đệ đi ăn cơm tây, tắm hơi ở Chợ lớn, và đưa ra một ngàn bạc cho Trọng Đóp – nhưng Trọng Đóp từ chối không nhận, đáp lời:

-Tao đâu cần tiền, tao thích viết thi tao viết, vì tao thấy hành động tuyệt đẹp của mà. Thế thôi ! Tao nghèo như mày, nhưng vẫn khinh” thẳng trọc phú”.

-Nghe rồi, Anh Hạp đọc ngay thơ Nguyễn Bình:

-

-“ Trọc phú ti toe bàn thế sự

-Đĩ già tấp tểnh nói văn chương

-Đã coi đồng bạc to hơn núi

-Lại học đòi theo thói Mạnh Thường “.

-Hơn nữa, cái việc” tế sống” trên đất này (hình như) chưa có ai nghĩ tới;

-thì (chỉ) việc phát minh này (thôi), cũng đáng giá ngàn vàng (rồi) ! ...”

-

Trọng Đóp chưa hết bất bình với Chàng Ngô, nhưng ý của tác giả không nói thẳng thừng ra. Qua 2 câu thơ Chàng Ngô gửi Tam Lang trích dẫn trên kia, Trọng Đóp đặt câu hỏi trực diện :

“...-vì một dư luận không đẹp cho giới văn nghệ xứ này, (chỉ qua) một câu” chửi tục” cho là “đùa đi nữa, song đã loan truyền khắp “ nước Sài Gòn” (rồi) ! (...). (Vậy là) cả làng đều được nghe” nó” chửi anh, (vậy) anh nghĩ sao ? Đây không cần phải đến ban Tổ chức trả lời” đại huynh”, mà chỉ là cá nhân” đệ”. Bờ” đệ” là 1 trong” 4” người chịu trách nhiệm trước dư luận anh em trong làng” văn). (Vậy thì) xin” đại huynh” một lời giải thích:

“... Tam Lang anh hỏi Tam Lang ?

“ Thằng Ngô” nó chửi cả làng chúng tôi

Chắc có lẽ anh” tởi”, anh” hủi” ?

Nên nó dám chửi :

” thẳng này” láo ghê ?!

Xin anh vì nghiệp vì nghề

lý do

cho biết

để” ghè thằng Ngô “... ”

Chuyện giai thoại văn chương chẳng bao giờ hết chuyện, từ xưa tới nay chẳng bao giờ hết chuyện đâu? Các cụ thời xưa chẳng từng nhắc”... viết chẳng bao giờ hết lời, còn lời có bao giờ nói hết ý ? “ sao ?!

3 “... Hiện nay Tam Lang không còn sáng tác được một tác phẩm văn chương nào, có thể tương đối gọi là giá trị- để tiếp nối sự nghiệp văn nghệ của mình. Sự viết lách của ông bây giờ - cũng như Thiều Sơn-Lê SỹQuý- chỉ là cách ” kiếm cơm độ nhật “ qua những”mẫu báo giá trị trong ngày ...” (Lược sử văn nghệ Việt Nam / Nhà văn hậu chiến: 1950-1956 / Thế Phong / Đại Nam văn hiến xb, Saigon 1959)

Đọc lại nhận xét về Tam Lang cách đây đúng 39 năm - (1956 bắt đầu viết sách nhận định văn học) tôi nhận ra ngay :

“... vội vã, xúc nổi, hấp tấp, thiếu chín chắn.. lai “ rất bất công” nữa ...!”

... khi bàn về sự nghiệp văn học rạng rỡ - một trong ba nhà phóng sự tài danh hàng đầu tiên chiến ?! (*Tam Lang là 1 trong bộ 3 họ Vũ*). Tôi không thể “ *bắt voi bỏ giò*”, kết luận hời hợt, vu vơ về sự nghiệp phóng sự to lớn của Tam Lang- Vũ Đình Chí như vậy được ?!

Chi cần đọc lại toàn bài diễn thuyết” *Cuộc đời làm văn, viết báo từ 1932- 1971*”, Tam Lang kể lại thật nhiều chi tiết cảm động - nào chuyện *áp bức, chống tham quan, ô lại, phản quyền lợi tổ quốc* (....)...*Tam Lang đã dùng ngòi bút sắc bén diễn tả bằng một giọng văn châm biếm, tế nhị (để) đã kích mặt trái xã hội, lên án mọi bất công gây ra bởi lớp người này với người khác ...*”

Đó là nhận định về Tam Lang qua Thượng Sỹ - một nhà phê bình văn học nổi tiếng tiên chiến, một cây bút bình luận văn học báo” *Tin Mới*”- bây giờ gần 90 tuổi lại chưa có một tác phẩm nào được in thành sách.

Thượng Sỹ đặt câu hỏi, vậy quan niệm viết văn Tam Lang ra sao ? Cây bút ấy phải có lương tâm nghề nghiệp, bởi đó là điều tối ư cần thiết. Viết báo phải trung thực, không thể nói dở thành hay, hay thành dở, đen phải ra đen, nếu đổi trắng ra đen, thì dầu có biện minh thế nào đi nữa vẫn đáng khinh. – và chỉ được coi trọng, đáng kính – khi cây bút ấy thật sự hiểu công việc viết báo là phơi bày được đúng sự thật vì công chính. Thật rõ ràng vậy , nên Tam Lang đã theo gương của một nữ nhà báo Pháp, Maryse Choisi, tự khoác vào mình thân phận một con điếm , để viết được một tác phẩm trải nghiệm bằng kinh nghiệm bản thân : hai tay *phu-xe-kéo* cầm hai càng xe chạy kiếm khách đồ mồ hôi trán hạt lớn, hạt nhỏ...

Tam Lang bỏ nhà, xin đi làm báo. Được chủ nhiệm chấp thuận, Tam Lang vào” *bộ vớ*” một *phu-xe-kéo* – đến nhà Cai xe thuê chiếc xe kéo, hai tay cầm hai càng xe, lao ra đường kiếm khách. Có đêm chạy suốt, như để tự hành hạ bản thân , và có được cảm giác thật sự của kiếp sống nhọc nhằn một *phu-xe-kéo* chuyên nghiệp. Sau đó, một phóng sự điều tra xã hội về *phu-xe-kéo* được đăng tải trên” *Ngọ báo*” nhiều kỳ .(chủ nhiệm Bùi Xuân Học). Đăng báo xong, sách được in ra, trên đầu trang tác giả ghi :

“ *Kính tặng:*

Ông *Bùi Xuân Học, chủ nhiệm” Ngọ Báo*”,
người đã *đội lên đầu tôi chiếc nón phu xe kéo*”.

T.L.

.. sau khi sách phát hành, tác giả đọc được bài báo , gật đầu tán thành lời bình sắc sảo của Vũ Ngọc Phan :

“...*dù những nhân vật được mô tả trong thiên phóng sự “ Tôi kéo xe” đã là những xác chết thối tha, người ta cũng cần thấy cần phải khai quật cả lên, nếu người ta cũng chung quan niệm với Vũ Ngọc Phan- nhà phê bình văn học đã ghi lại trong” Nhà văn hiện đại” câu này : “...Không có lối văn nào giúp ích cho việc cải cách, cho nhà đương chức pháp luật, và cả nhà xã hội học bằng các thiên phóng sự*”

Năm 1971, “ *Tôi kéo xe*” tái bản, vì tập phóng sự xã hội này được đưa vào chương trình học lớp 8 (8/12) miền Nam – bây giờ thân phận *phu-xe-kéo* đã được đổi mới khác hẳn – tác giả tự đánh giá:

“...(*chỉ*) hơn 10 năm sau, khi tập phóng sự” *Tôi kéo xe*” xuất bản, trên toàn quốc không còn bóng dáng chiếc xe kéo nào nữa, và hơn 30 năm sau, với chính sách chủ xe được phép mua xe trả góp , thành tư hữu, để làm phương tiện sinh sống; chế độ cai xe tuy hành nghề. Từ ngày ấy đến nay, tính (*ra*) đã được ngót thế kỷ- tôi thấy đạt được một phần ước vọng đó, nhưng (*vẫn*) là một phần nhỏ, chẳng thấm tháp gì....”.

Kể từ 1942 , lời bình Vũ Ngọc Phan về “ *Tôi kéo xe*”- thì những năm trước đó –Trương Tửu, Hoài Thanh đã có nhận xét về tác phẩm phóng sự độc đáo ấy trên “ *Tiểu thuyết thứ bảy*”(Hoài Thanh), báo “*Loa*”(1938- Trương Tửu,).

Qua bút danh Nguyễn Bách Khoa, Trương Tửu viết nhiều bài viết phẩm bình “ *Giọt lệ sông Hương*”, “*Một đêm trước*”, “*Đời niên thiếu*” “...- riêng” *Tôi kéo xe*” – thì hết lời ca ngợi tác giả :

“(*...*)... ” *Tôi kéo xe* “ là *quyển tiểu thuyết tả chân giá trị nhất trong văn học Việt Nam hiện đại* – bởi lẽ *Tam Lang đã thu góp chất liệu sống cực khổ, nhọc nhằn của phu xe kéo, tác giả biết loại bỏ những đoạn kịch trá hình (détails mélodramiques) để làm gì ? Để nhìn rõ : trong cặp mắt*

sâu hoắm như hai cái lỗ đáo ở chiếc đầu lâu, anh ta để rơi xuống đất mấy giọt nước mắt khô khan như pha lẫn máu. Những tình tiết ấy tạo thành cuốn tiểu thuyết ông có trí tưởng tượng của một thi sĩ, ông có (sự) bình tĩnh của một nhà báo- với 3 đức tính này, ông có thể trở thành một nhà văn đại tài...”

...đến Hoài Thanh, nhận xét về tác phẩm “ Một đêm trước” của Tam Lang – Hoài Thanh cho rằng tác giả chuộng cảnh tả thực, qua sự ghê tởm thấy được, hơn là ghê tởm hình dung, tác giả đã sống trải nghề phu xe kéo- nên khi tả về phu- xe- cao –su (công nhân được tuyển đi Tân Thế Giới làm đồn điền, trồng cây cao su) – thì Hoài Thanh rất tâm đắc với “ lối nhìn’ của Tam Lang- và Hoài Thanh dẫn chứng :

“...trước mắt tôi, một bát canh bò bốc khói lên ngùn ngụt, nóng sốt như thế nào mà tôi đoán chừng nó chẳng ngon lành gì cho lắm; vì trong bát canh đục ngầu như nước cống, mấy khoanh lòng bò lều bều như nổi mấy xác chết đuối mấy đám hành răm ...” (Một đêm trước) .

... Hoài Thanh kết luận:

“..... ông Tam Lang không tìm cái ghê tởm ấy trong tưởng tượng, ông chỉ tả cái ghê tởm (mà) mắt ông trông thấy, cho nên lại càng làm cho người xem ghê tởm ! Tôi đã có dịp nhận thấy cái đặc sắc này của văn Tam Lang trong “ Một đêm trước “ .

.. lại không đồng tình cùng Trương Tửu – Hoài Thanh chê “ Tôi kéo xe” có “ những đoạn văn thừa “ .

Vậy đoạn văn thừa kia là đoạn nào, ở tác phẩm nào ? Theo Hoài Thanh - chính đoạn thừa là “ câu đề tặng mà Tam Lang gửi ông chủ nhiệm” Ngọ báo” .

Kể ra Hoài Thanh khá khắc nghiệt, lại phi lý nữa – xét tận cùng kỳ lý : ” nếu không có chủ nhiệm “Ngọ báo” Bùi Xuân Thành’ đồng tình cho đăng tải, trước khi in thành sách, hẳn là không thể có tuyệt phẩm ” Tôi kéo xe” được !?

– kể cả “ câu đề tặng” cũng được Hoài Thanh soi mói - “nên , hay không nên có ?

”...kiểu soi mói “ bản tiện” – giả thiết thôi- nếu đặt dưới lăng kính “ nhìn bởi ” Chế Lan Viên : “...nhà phê bình khó trở thành nhà văn , nhưng nhà văn chỉ cần nghiên cứu ít lâu để trở thành phê bình ..”

(trích theo “ Phê bình trong cơ chế tự thỏa mãn trong văn học “ / Vương Trí Nhàn / Tạp chí “ Văn học và dư luận”, số 9/1991 xuất bản ở tp. HCM.). Ở đất nước ta, chỉ nói ở thời tiền chiến thôi – rất khó có nhà văn nào trở nhà phê bình văn học tài ba như André Gide được? Ấy là, tôi muốn bàn tới trường hợp André Gide viết sách phê bình văn học- nói về Fédor Dostoievsky. - (“một cuốn phê bình văn học tuyệt vời của Gide!”).

Trở lại Hoài Thanh phê bình” Tôi kéo xe’ – Hoài Thanh nhận xét về cái nhìn “ ghê tởm cảm thấy được trong đội ngũ phu-xe-kéo “:

...” Tôi kéo xe “ vẫn là tập phóng sự giá trị. Tác giả đã làm cho ta nghe thấy những điều ở ngay trước mắt ta, bên tai ta, mà ta không nghe thấy ...”

Trên kia vừa trưng dẫn vài ý kiến các nhà phê bình văn học tiền chiến – vậy “ thời hậu chiến” nhận xét về “ Tôi kéo xe’ ra sao ?

Tam Ích, nhà phê bình văn học khuynh hướng mác xít ở miền Nam - ông khởi nghiệp viết từ 1945, chủ soái nhà xuất bản” Chân trời mới “ (với Thiên Giang và Thê Húc-Phạm Văn Hạnh) - Tam Ích nói huých toẹt, rất không đồng tình với Hoài Thanh lên án “ ông Bùi Xuân Học được” Tam Lang đề tặng” (sách) - là chụp cái mũ phu xe lên đầu Tam Lang’ là thừa ? ... vẫn theo Tam Ích lý giải :”... bởi Hoài Thanh không thể hiểu được cái” altitude zéro” mà thôi ! “:

“...” Tôi kéo xe” vẫn hay như xưa. Cho có uất lên , thì cái uất cũ rất là trần truồng – altitude zéro.” (in chữ đậm - TP). Khitâm sự bối rối thì hỏi mình một cách trắng trợn. Tại sao tôi lại chịu kéo người ? Thật lúc chính tôi cũng không biết : đó là một câu hỏi

(của) mình vào lúc đầu, sau khi ông Bùi Xuân Học chụp cái mũ lên đầu Tam Lang ! Cái ý của câu hỏi đem ra hỏi tâm tư, lại cũng ở” altitude zéro”..?

Xem ra chỉ phê về một việc nhỏ : “... cái mũ được chụp lên đầu Tam Lang cũng rắc rối việc ?!”. Với Hoài Thanh là” thừa”- Tam Ích thì” phải lắm”, còn hay là khác , hay một cách tự nhiên, sống động, trần truồng, không cần thêm bớt, màu mè mà vẫn hay !... “

4 .-Bàn về nhân cách trong văn chương nhân bản Tam Lang - qua một chuyện thật trong đời tác giả , tác giả không muốn ai biết. Và không có ngày 20-4-1971 - tại giảng đường Đại học Văn khoa (Saigon) - giáo sư Thanh Lãng mời tác giả tới diễn thuyết- hẳn chuyện tình nhà văn phóng sự kỳ tài sẽ được giấu kín mãi mãi.

Tác giả cho rằng nhà văn rất cần có nhân cách ở ngoài đời thường, thì mới phản ánh được nhân cách ấy trong nhân vật văn chương được.

Tam Ích rất tán dương quan niệm ấy , một khi đem áp dụng vào đời viết văn Tam Lang. Ông phê : ” *Thật hay tuyệt !*”.

Đó là sự trung thực ngay đối với chính bản thân, tránh được tình trạng : “ *hãy làm theo lời tôi nói, đừng theo sự tôi làm* ”và, cũng là điều tôi dẫn chứng; “ *đời sống riêng tác giả và văn chương là một* ”...

Câu chuyện kể dưới đây, giữa tác giả và Ngô Văn Mậu (*phóng viên, đồng nghiệp*) – có một buổi , ông Mậu đi nhật tin các quận , rồi trở về tòa soạn - còn Tam Lang ở nhà biên tập viết lại tin đăng báo .

Một buổi khác , phóng viên Mậu đi nhật tin, lại không có tin - thư ký tòa soạn Mai Du Lân mắng nhiếc phóng viên lười biếng thu nhật tin tức, kể cả “ *tin chó chết* “.Phóng viên Mậu cho biết toàn thành phố Hà Nội bữa nay chẳng có chuyện gì xảy ra, thì lấy đâu ra *tin với tức, dù là tin*” *chó chết*” “- *chẳng lẽ phóng viên muốn có tin giật gân để đăng -thì*” *đút cẳng*” vào bánh xe ô tô để có *tin chăng ?*” Điều qua tiếng lại, Mai Du Lân ý quyền chức vụ lớn, chửi mắng phóng viên Mậu:”.. *cho rằng cậu có đưa đầu vào xe ô tô thì vẫn chỉ là tin vặt, loại “ tin tức chó chết” mà thôi !*“.

Tam Lang chứng kiến, ức lòng, bênh đồng nghiệp, bèn đứng phắt dậy, ném mạnh cán bút xuống bàn để phản đối –tên quản lý kiêm chủ báo Mai Đăng Đệ ngồi gần đó ra mặt bênh cháu (*Mai Du Lân*) chêm một câu: “... *chó chết vị tất đã hết chuyện !*”

Tam Lang thắm thía câu nói kia , cho đây là bài học nghề nghiệp cần khắc ghi trong nhật ký: “...*gieo vào đầu óc tôi một cảm nghĩ miên man, mà tôi cho là có giá trị của bài học khôn ngoan nghề nghiệp* “.

Cả tòa soạn – phóng viên, biên tập phản đối , bỏ việc không cộng tác với báo” *Thực nghiệp*” nữa. Riêng Tam Lang mất 15 đồng lương hàng tháng, gia đình túng quẫn tài chính. Dầu vậy buổi tối, ông vẫn theo học Pháp văn, và không chịu được cảnh gia đình nói vào, nói ra - ông lần tránh tới nhà một bạn quen xin ở nhờ. Chủ hiệu *Trực Thành*, mở cửa hàng bán xe đạp ở *Place Négrier (Cửa Nam bây giờ)* Chủ tiệm Tiết Hiếu Trung tính tình quảng giao, tuy bán xe đạp lại có máu “ *văn nghệ*”. Trung dành ngay cho bạn một phòng riêng, buộc bạn phải viết xong một cuốn tiểu thuyết, cốt truyện do Trung kể lại . Trung nói với bạn - cơm hầu nước dốt, đệm ấm, giường êm, nhưng cửa khóa hàng ngày – chỉ khi nào viết xong cuốn tiểu thuyết này mới được tự do.

Câu chuyện kể lại đời sống một cô gái gốc Huế- người nhân tình cũ Tiết Hiếu Trung – bị cha mẹ cô gả bán cho gia đình thượng quan triều đình Huế. Trung hứa viết xong bản thảo, cuốn tiểu thuyết sẽ được in ngay, phát hành trên toàn quốc, tiền bạc do chủ tiệm lo chu toàn.

Vậy là” *Giọt lệ sông Hương*” ra đời. Tác giả chưa sống ở Huế bao giờ - bây giờ truyện có bối cảnh ở Huế thì làm sao đây ? Tiết Hiếu Trung trả lời , chuyện này đã có Vệ Lan ‘ *cố vấn*” . Lần đầu Tam Lang nhìn thấy vợ Trung, đã khen thắm, đó là : ” *một giai nhân tuyệt sắc !*”.

Vệ Lan được chồng giới thiệu, năng cầm bút vẽ sơ đồ phố xá cố đô Huế, nào đây sông Hương, kia núi Ngự, xa hơn Vườn Tĩnh Tâm, thôn Vỹ Dạ, cửa Thượng Tứ, quán Âm Hồn .. vv.. tâm tính dân xứ Huế ra sao được Vệ Lan kể vanh vách, rành rọt cho nhà văn nhập tâm.

Tam Lang nghĩ ngay đến thể “*văn biên ngẫu*” sẽ được dùng trong cuốn tiểu thuyết này, nhà văn ghi ngay tiếng tây lên giấy” *parallélisme littérature* “ cùng tựa truyện tình” *Giọt lệ sông Hương*”.

Mỗi khi viết xong một đoạn, Tam Lang đọc , Vệ Lan nghe, nước mắt nàng giàn giụa, thông cảm “ *mối hận tình*” của chồng , và nàng” *ớ*” ngay chồng lên phòng văn cùng thưởng thức . Vệ Lan quan sát nét mặt buồn rười, khi chồng nghe đoạn văn vừa đọc, hẳn chồng nàng còn nặng lòng với *giọt lệ sông Hương chảy vào triều đình quan cách*.

Tác phẩm viết xong, năm sau Tiết Hiếu Trung bỏ vốn in – sách in xong, Trung trao cho Tam Lang 50 cuốn để tác giả tặng báo chí, bạn bè – bản thảo” gốc’ Trung cho đóng gáy da, chữ mạ vàng giữ làm kỷ niệm.

Và cũng từ đây, chuyện tình âm thầm giữa Vệ Lan và tác giả “*Giọt lệ sông Hương*” xảy đến. Vệ Lan bắt đầu “*yêu thực sự*” tác giả- bằng cách thêu một tấm khăn nhỏ lụa trắng với hàng chữ” *Giọt lệ sông Hương , chắc anh không ngờ giọt lệ châu của Ngọc đã đổ ra suốt một năm trời* “. Vệ Lan dùng khăn này lau nước mắt, và dặn :” ...*đừng cho Trung biết chuyện này . Lan xin anh giữ kín để làm kỷ niệm của Lan* “.

Ở giữa trang sách, Vệ Lan gài ảnh chân dung chụp nghiêng, với lời : ” *đề tặng Tam Lang*”- dưới hàng chữ ghi thêm “...*dáng đứng nghiêng nghiêng trên lan can căn gác nhìn ra đường* “.

Tác giả nhìn thấy khăn, bàng hoàng, vội vã tìm gặp Vệ Lan- khi nhà văn tới trước cửa phòng , định đưa tay vào quả đấm – bỗng trùn tay buông ra, ngập ngừng không dám xoáy vặn quả đấm nữa. Tác giả bỏ ra ngoài, một mình lang thang, suy nghĩ vẩn vơ vào một đêm khuya dưới trời mưa phùn Hà Nội.

Đó là chuyện tình giấu kín tác giả” *Giọt lệ sông Hương*” từ bao năm trước – nay hé mở toang trước đám sinh viên Văn khoa Saigon của mấy chục năm sau.

Từ 16 giờ 30, ngay tại giảng đường mang số P-202, sinh viên Văn khoa ngồi chen chúc, chật ních chờ đợi buổi nói chuyện của nhà văn phóng sự kỳ tài tiền chiến: *Tam Lang- Tôi kéo xe*. Một số sinh viên tới trước có ghế ngồi, còn lại đều đứng hàng một dọc theo hành lang .

Tôi tự hỏi:” .. *nếu không có giáo sư-nhà phê bình văn học Thanh Lăng biết giá trị văn phóng sự Tam Lang, hẳn rằng bữa nay chúng ta sẽ không có một” tư liệu văn học” rất quý giá này, bởi lẽ tác giả không tự bạch, làm sao ai biết ?..*”

Đó là nhân cách đáng trân trọng của tác giả, rất đáng ngợi ca- bởi trước đây, khi đưa tay vào quả đấm định mở cửa phòng Vệ Lan – rồi ngưng - tác giả bỏ ra phở lang thang, và đó cũng là” *nhân bản trong văn chương Tam Lang*” cũng bắt đầu khởi nguồn ở điểm này.

Rồi sau hơn 10 năm lưu lạc- một ngày kia- tác giả nhận được một cánh thiệp từ Sài Gòn gửi ra Hà Nội trước 1954 .(*tôi đoán chừng, khi ấy, tác giả đang nắm chức vụ chủ bút nhật báo” Giang sơn”(chủ nhiệm: Hoàng Cơ Bình)*).

Mặt sau cánh thiệp có 4 câu thơ:

“... *Yêu nhau chỉ biết là yêu
Có bao giờ nghĩ đến điều dở dang
Mười năm mưa gió phủ phàng!
Để ai nát Ngọc tan vàng vì ai ?”*

Chính là Vệ Lan năm xưa ở Huế rồi !Vệ Lan với tên thật Đào Thị Ngọc.

Say này, tác giả biết thêm Vệ Lan đã vào Saigon làm” *thứ thất*” cho một vị quan đứng đầu chính phủ khi ấy.

Nhớ lại khi Vệ Lan sống cùng chồng Tiết Hiếu Trung ở Huế, được chồng giới thiệu với Tam Lang, mối tình cam bắt đầu nảy nở, rồi lụi tàn âm thầm. Đào Thị Ngọc yêu thầm, giấu trộm nhà văn- nàng nhớ lại chồng cũ nước mắt giàn giụa sau khi nghe nhà văn đọc một đoạn truyện mới viết xong- nàng đã ghi khắc hình bóng nhà văn từ khi ấy. Không được đáp trả, sau nàng ly dị chồng vào Nam, làm” *thứ thất*” một thượng quan đứng đầu chính phủ Quốc gia, sau nàng bị bệnh hoạn, lại từ chối vào bệnh viện Grall , qua đời ở một nhà” *thương thi*” tự nguyện- với 4 câu thơ gửi” *người tình cũ*”. Chuyện tình chưa được viết ra ấy chẳng kém gì chuyện tình viết lổi” *biên ngẫu*” “*Giọt lệ sông Hương* !”

Tam Lang cầm tấm thiệp với 4 câu thơ của Đào Thị Ngọc- lại không quên lần bà Ngọc đến tìm tác giả ở nhà một người bạn, có phương danh là Chính. Giữa buổi trưa, Tam Lang đang ngủ bỗng giật mình – bởi cánh tay “ *ai đó*” ôm chầm lấy, đặt lên môi ông nụ hôn nồng nàn. Mở mắt ra, đó là Vệ Lan- Đào Thị Ngọc- vợ cũ Tiết Hiếu Trung. Mặt nàng bữa ấy có vết máu bầm đong, chuyển màu tím bô quân- bởi nàng ‘ *bị đòn thù*” chồng cũ.

Một lời giải thích:

“(...) - việc (này) không thể thực hiện được”, vì trên tình cảm của tôi còn có pháp luật, của tòa án, và lễ giáo gia đình(nữa)...

Nàng vụt đứng lên, về cầm hờn, bước ra khỏi phòng, không thèm chào tôi và cả Chính nữa, cũng không(thèm) lau nước mắt..(đang rơi trên má nàng)... “

Đó là tác giả Tam Lang- Vũ Đình Chí ; một trong 3 vị viết phóng sự lừng danh tiền chiến, mà Tam Ích từng gọi là ‘ *ba thằng họ Vũ*”.

Chẳng biết buổi sinh thời, nhà văn phóng sự kỳ tài Vũ Trọng Phụng có làm thơ ký bút danh Thiên Hư không ? hay cô Hoàng thị Trâm (*một bút danh khác Vũ Bằng*) có mua bút làm” *thơ tình*”? Không ai được biết điều này” có ‘hay” *không*”? Còn lại một chàng tên VŨ Đình Chí, bút danh Tam Lang đã từng có bài thơ tặng Vệ Lan:

“... Yêu nhau, năm tháng cách xa nhau

Ngấn lệ chưa khô đã bạc đầu

Một sớm em đi, tình đã lờ

Trọn đời anh chịu kiếp thương đau ! “

Lại phải nhớ tới Tam Ích thôi - “*Tam Lang : 1 trong ‘ ba thằng họ Vũ*”- Tam Ích khen Thanh Lãng và Phạm Việt Tuyên bởi” *chàng*” được Tam Ích khen hết lời, hết nhẽ:

“... Thanh Lãng và Phạm Việt Tuyên in lại” nó “: (nó đây là” *Tôi kéo xe ? Tam Lang- TP chú thích*) *thật cũng đã là những người tinh đời. Chứ ai in lại mấy cuốn dở - dở là dở bút pháp ấy. Ai dám nói bài” Phở” của Nguyễn Tuân viết sau này là” dở” ? Đã có Jérôme Lindon nói rằng một nhà văn lớn là nhà văn “renouveler” nếp viết và suy tư của mình, chứ không sùng bái người mình đã biết rồi. Hình như Lindon nói về Samuel Beckett ..”(...) Tôi đã chuộc, vì văn anh vẫn hay . (Tam Lang- TP chú thích) Đó là điều quý nhất. Mọi chuyện là thứ yếu ...” (14) ”.*

Khi Tam Ích thấy” *Tôi kéo xe*” được tái bản , Tam Ích làm tưởng là ‘ *con mắt tinh đời* của chủ biên” *Cơ sở Tự do*” in ấn . Thật ra Tam Ích” *khen*” làm “*Cơ sở Tự do*” cùng chủ biên Phạm Việt Tuyên “ *có con mắt tinh đời*” khi thấy “ *Tôi kéo xe*” tái bản . Chính xác hơn,” *Tôi kéo xe*” được đưa vào chương trình học lớp 8 (ban trung học miền Nam), thì nhà xuất bản Sống Mới liền cho” *tái bản*” ngay để bán cho “*thầy và trò dạy và học văn Tam Lang*”.

Tam Ích, nhà phê bình văn học hậu chiến thông minh – nhà viết sách chính luận sắc sảo- viết bình luận “*khen*” hoặc” *chê*”, “*đúng nhiều*”, “*sai ít* - nhưng rất hết lòng:

“... Tôi đã chuộc, vì văn anh vẫn hay; đó là điều quý, ích.Mọi chuyện khác chỉ là thứ ` yếu”

(Lần gặp anh- ở nhà tôi thuê, 351 / 15... Trương Minh Giản ,Saigon 3.(trước 1963) - tôi nói đùa :” *Vous êtes jusqu’aboutiste , Mr Tam Ích !*”) (*sau anh thất cổ tự vẫn ở gác trọ đầu đó, gần Nhà thờ Nguyễn Thiện Thuật, Saigon 3*).

Còn tôi- viết bài này về Tam Lang, đó cũng là” *tôi đã chuộc ... “tội”... (nói theo kiểu Tam Ích) - đây là chuộc tội* của một người trẻ 25 tuổi viết phê bình văn học, hình như tuổi này viết phê bình văn học hơi quá sớm thì phải ? Đúng ra, tôi chẳng có ý viết “*phê bình văn học, văn hiếc*” – và bộ” *Lược sử văn nghệ Việt Nam : 1900-1956*”(4 tập) - chỉ là kết quả khi đọc các tác phẩm văn học tiền chiến, kháng chiến, hậu chiến, sau cùng viết tổng kết 60 năm văn nghệ- để làm vốn đời văn của tôi ở bước đầu mà thôi.

Trở lại Tam Lang : đó là một “ *nhà phóng sự kỳ tài tiền chiến Tam Lang* “, một tác phẩm” *tuyệt hay*” là “*Tôi kéo xe*” – và đây, lời tạ tội chân thành của tôi , với bậc trưởng thượng.

Bởi lẽ, trước kia tôi rất hồ đồ khi nhận định về sự nghiệp văn chương- phải thế này thế kia- là” *láo toét*” ; hoặc tại sao thời hậu chiến , ông chỉ viết báo lãng nhãng kiếm cơm, giá trị trong ngày – hoặc không có một tác phẩm nào để đời ? vv...

Vẫn theo chân Tam Ích , cần “*renouveler*” – tôi cũng phải” *làm mới lại*” câu văn xưa kia viết rất chưa chín chắn, lại vội vã, mơ hồ...bằng một cuốn sách nhỏ bé ra mắt bạn đọc:

Cuộc đời viết văn, làm báo

TAM LANG – TÔI KÉO XE ()*

(*) ‘ Cuộc đời viết văn, làm báo: Tam Lang- Tôi kéo xe / Thế Phong / Nxb Văn hóa – thông tin / Hà Nội 1996 - Nxb Đồng Nai,(miền Nam) / 2004. Bài tu chỉnh : tháng 3 / 2011).

